

15 THÁNG 5 NĂM 1966

BACH KHOA

T H Ò I - Đ Ạ I

năm thứ mười

BÙI CHÁNH THỜI **NỤ CƯỜI CỦA THẰNG BỜM** ★
VÕ QUANG YẾN *những giấc mơ hoa* ★ PHẠM VĂN
MÙI *dân tộc tính trong nhiếp ảnh Việt Nam* ★ VÕ PHIẾN
TỪNG LỚP CÁCH NHAU ★ MỘNG TRUNG
hôn nhân dị chủng ★ NGUYỄN TOẠI *tiền đồng và*
niên hiệu Quang Trung ★ NGUYỄN HIỂN LÊ *thăm dò*
ý kiến về chính sách bỏ thi ★ THẾ UYÊN *tiền đồn* ★
TRẦN ĐẠI *trở về thành phố* ★ MINH QUÂN *lá*
thư Thụy sĩ ★ ĐOÀN THÊM — HUY LỰC —
LỮ QUỲNH — PHẠM
THIÊN THU *thơ* ★ SINH
HOẠT *thời sự văn nghệ*

225



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRF

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- SES SIROPS
- SA PARFUMERIE
- SON VINAIGRE
- SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Trụ sở : 96 Bd. Haussmann - Paris (8è)

Số vốn sung dụng tại Việt Nam : VN\$. 50.000.000

Dự-trữ đặc-biệt tại V.N. : VN\$. 50.000.000

SỐ THƯƠNG MẠI SAIGON : 157B

Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 001

C. C. P. SAIGON N° 27 - 04

TRỤ SỞ :

29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.454/35/36 & 21.018

Điện-tín : FKANCIBANK

CHI NHÁNH :

Hành lang EDEN — SAIGON

Điện-thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime



SERVICE

DENIS FRERES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- American Express
- United States Line

23, Ngô-Đức-K6 — Tél. 22.008 - 22.618

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

Siège Social : 74, Rue St-Lazare — PARIS

VIÊT NAM	SAIGON	AGENCE	:	32., Đại-lộ Hàm-Nghi—Tél. : 20.065, 20.066, 20.067.
		BUREAUX	:	178, 180, 182, Đường Lê-Thánh- Tôn (Marché central)—Tél. : 22.142.
		—		415, 417, Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél. : 25.172.
	CHOLON	: AGENCE	:	386, Đại-lộ Đồng-Khánh (Cholon)— Tél. : 39.105.
	KHANH-HUNG	: AGENCE	:	23, Đường Hoàng-Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER.

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-
CHAM.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH - KHOA

THỜI ĐẠI

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ.T. 25.539 - H.T. 339

SAIGON

:-

PHIẾU MUA DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền (2) _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm 196 _____

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

● Miền Nam		● Miền Trung và Cao nguyên (cả cước phí máy bay)	
Một năm :	240\$	Một năm :	270\$
6 tháng :	120\$	6 tháng :	135\$

Mua dài hạn Bách-Khoa

- Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.
- Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.
- Trả trước 240\$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm trên 70\$ 22 số thường 264\$ + số đặc biệt và số Tết 50\$ = 314\$).
- Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà thanh nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu (đề tên Ô. Lê-Ngộ-Châu) hoặc bưu-phiếu hay bưu-chi-phiếu gửi cho Tờp-chí Bách-Khoa Thời-Đại, Trương-mục 27-46 Chánh Trung Khu chi phiếu Saigon (xin tại các Bưu cuộc thiếp phiếu mẫu số CH. 1418).

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 225 ngày 15 - 5 - 1966

BÙI CHÁNH THỜI <i>nu cười của thằng Bờm</i>	3
VÕ QUANG YẾN <i>những giấc mơ hoa</i>	9
VÕ PHIẾN <i>từng lớp cách nhau</i>	15
LỮ QUỲNH <i>ngọn đuốc nào (thơ)</i>	26
PHẠM VĂN MÙI <i>dân tộc tính trong nhiếp ảnh Việt Nam</i>	27
HUY LỰC <i>đường về (thơ)</i>	38
MỘNG TRUNG <i>hôn nhân dị chủng</i>	39
PHẠM THIÊN THU <i>mùa sương trên vai (thơ)</i>	42
THẾ UYÊN <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	43
NGUYỄN HẸN LÊ <i>một cuộc thăm dò ý kiến về kết quả chính sách bỏ thi</i>	55
NGUYỄN TOẠI <i>tiền đồn và niên hiệu Quang Trung</i>	59
ĐOÀN THÊM <i>hòa âm XX (thơ)</i>	64
MINH QUÂN <i>lá thư Thụy sĩ</i>	67
TRẦN ĐẠI <i>trở về thành phố (truyện ngắn)</i>	75
SINH HOẠT TRÀNG-THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	85

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯỞNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 12\$ Công sở Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay



Calcithérapie physiologique

Calcigénol Vitaminé



Couvre les besoins
Compense les pertes

Flacon de 300 cm³ d'une suspension
colloïdale titrée à

- Phosphate tricalcique... 0,90 g. p. 100
- Vitamine D³ 3.300 U.I.

*De 2 cuillerées à café à 3 cuillerées
à soupe par jour selon l'âge.*

CURES DE 15 JOURS PAR MOIS

RACHITISME - OSTEOPOROSE
RETARDS DE CROISSANCE
GROSSESSE - ALLAITEMENT
CONVALESCENCES - FRACTURES

DISTRIBUTEUR : UFFARMA công ty
20A Bến Bạch Đằng — SAIGON



Nụ cười của thằng Bờm

• BÙI CHÁNH THỜI

Ca-dao được xem như bộ môn phong phú nhất của văn-học bình dân. Đó là những bài hát không có chương-khúc, những bài hát ngắn truyền-khẩu, thường mô tả tính tình phong tục của người bình dân và vì thế ca-dao cũng gọi là Phong-dao (Dương Quảng Hàm. — Việt Nam Văn học sử yếu, trang 15). Địa vị của ca-dao trong văn chương Việt Nam sánh như Kinh thi trong văn học Trung-Hoa (Trương-Tửu : — Kinh Thi Việt Nam).

Một trong số những bài ca-dao được truyền tụng nhiều nhất phải kể đến bài « Thằng Bờm ». Cũng như đa số bài ca-dao, những câu tục ngữ, người ta không biết tác giả là ai và dường như cũng không ai muốn đi tìm tác giả thật sự của những khúc hát giản dị ấy. « Thằng Bờm », mà nhiều nhà văn-học-sử liệt kê vào loại đồng-dao (một loại ca-dao mà trẻ con thường hát), là một khúc hát giản-dị, một mẩu chuyện vừa khôi gợi

tính hiếu-kỳ, vừa thể hiện những thực-tế của xã hội. Nhờ tính cách đó mà bài hát Thằng Bờm được phổ-biến một cách hết sức sâu rộng. Hầu hết trẻ em bình-dân Việt-Nam đều thuộc lòng bài thằng Bờm cũng như thuộc lòng những bài « rờng rần lên cây » hay « ông giăng ông giăng » vậy. Bài « Thằng Bờm » chỉ vồn vẹn có mười câu lục bát sau đây :

Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đòi ba bò chín trâu
Bờm rằng : Bờm chẳng lấy trâu
Phú ông xin đòi một xâu cá mè.
Bờm rằng : Bờm chẳng lấy mè
Phú ông xin đòi một bè gỗ lim
Bờm rằng : Bờm chẳng lấy lim
Phú ông xin đòi con chim đồi mồi
Bờm rằng : Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đòi năm xôi, **Bờm cười.**

Về nội dung bài hát thì mọi người đều hiểu một cách giản-dị : Phú ông muốn đòi cái quạt mo của Bờm, Phú

ông đề nghị rất nhiều vật quý giá, Bờm đều một mực chối từ ; cho đến khi Phú ông đề nghị một năm xôi thì Bờm cười.

Đó chỉ mới là nội dung, Còn về ý nghĩa thì lẽ dĩ nhiên là mỗi người hiểu và giải thích tùy theo quan điểm riêng của mình.

Có người đưa bài « Thắng Bờm » ra để chứng minh cái tính chất chuộng thực tế của dân tộc Việt Nam. Còn những người mác-xít thì lại cho rằng « Thắng Bờm » đã bộc lộ trạng thái bóc lột của « giai-cấp » phú hào đối với tầng lớp bần-cổ nông, rằng giai-cấp phú hào đã phình gạt đề tước đoạt đến cả cái quạt mo của dân nghèo.

Trái lại, nhà kinh-tế-học chỉ đứng trên khía cạnh kinh tế và xem bài hát Thắng Bờm như « nguồn chứng có giá trị nhất » trong việc « đi tìm hình thức tài sản điển hình ở Việt-Nam ». Những hình thức tài sản điển hình ấy được sắp theo thứ tự những tài sản mà phú ông đã « gạ » Bờm : Trâu-bò, ao cá (thứ nhất thả cá thứ nhì gá bạc) vật liệu xây cất, rồi đến đồ trang trí như chim đôi mồi (Vũ Quốc Thúc. — Tiết kiệm và tài sản ở Việt-Nam, đăng trong tạp chí Ánh đèn dầu tập V số 4 — 1965, trang 3).

Tất cả những giải thích trên dường như đều dựa trên điểm chung là giả thuyết rằng cuối cùng Bờm đã trao quạt để lấy năm xôi.

Nhưng thật ra cho đến nay vẫn

không ai biết Bờm có nhận đổi cái quạt để lấy năm xôi không. Bờm chỉ cười. Nụ cười của Bờm trở thành một ẩn-ngữ (énigme). Nói rằng Bờm cười tức là Bờm đồng ý cũng được ; mà nói rằng Bờm cười, như nụ cười của cô bán hàng khôn khéo khi nghe người khách hàng trả giá quá thấp, cũng được. Nụ cười của thắng Bờm quả là một biểu-hiện, nhưng thực chất của biểu-hiện ấy là gì thì khó mà thấy được. Văn học Việt Nam hàng ngàn năm tiềm-ẩn sắc-thái độc-đáo của dân tộc, do đó nụ cười của Thắng Bờm không phải chỉ là một phản ứng tâm lý thuần túy theo tâm-lý-học áp dụng (psychologie appliquée) mà chắc chắn là một chứa đựng dồi dào tình cảm và thái-độ.

Theo tâm-lý-học người ta cho nụ cười là biểu hiệu của cảm-xúc (l'expression des émotions) và là một thứ ngôn-ngữ xúc cảm (langage émotionnel). Cũng như khóc là biểu hiệu của sự đau buồn, cười là biểu hiệu của sự vui sướng hay vì khôi hài. Tự trung người ta cho cười có thể là một phản ứng vừa tâm-lý vừa sinh-lý (sung sướng) hoặc chỉ là trạng thái sinh lý thuần túy (bị cù lét). Triết gia Bergson đã viết cả một cuốn sách để phân tích nụ cười (Bergson — Le Rire) và nhiều nhà tâm lý học khác như Dugas cũng đã dày công nghiên cứu (Dugas. — Psychologie du Rire), nhưng rút cục nụ cười vẫn còn nhiều khía cạnh bí ẩn.

Giá trị nụ cười quả là không đồng đều : có nụ cười đáng giá ngàn vàng,

như nụ cười của Bao Tự, có nụ cười không ai thềm đếm xia đến như nụ cười cầu tài của những kẻ châu rìa.

Trong lãnh vực nghệ thuật, nụ cười đắt giá nhất là nụ cười của nàng Mona Lisa trên bức họa nổi tiếng của Léonard de Vinci mà người Pháp gọi là bức họa La Joconde, trị giá trên 50 tỷ quan tiền Pháp (ước lượng vào năm 1963).

Nếu nụ cười của Mona Lisa đắt giá một phần vì cái vẻ bí hiểm, mà hàng bao thế kỷ không ai viết nổi lên tâm trạng thật sự thể hiện qua nụ cười ấy, thì nụ cười của thằng Bờm cũng là cái ẩn ngữ về dân tộc Việt, và cũng trải qua bao thời đại nụ cười của thằng Bờm vẫn truyền tụng trên môi hàng triệu quần chúng Việt Nam, mỗi khi nhắc đến bài hát Thằng Bờm. Người ta có thể nói một cách hãnh diện rằng nụ cười của thằng Bờm là nụ cười của dân tộc Việt Nam.

Nụ cười vốn là một nét phổ quát trên hình ảnh của một mẫu người Việt-Nam thuần túy. Người ta gặp nụ cười ấy trên hầu hết khuôn mặt, lúc vui khi buồn, hay trước một vấn đề, hoặc thay một lời giải đáp. Người Việt Nam hay cười; không phải là nụ cười vô nghĩa mà là nụ cười nhiều ý nghĩa và khả ái.

Nhiều người không quen thuộc với tâm hồn những người Việt Nam trung bình rất khó chịu vì nụ cười của người Việt Nam.

Ông Nguyễn - văn - Vinh chẳng hạn,

trong một bài viết cho Đông Dương Tạp chí, nhan đề «Gì cũng cười» đã cho rằng : « An Nam ta có thói lạ là thế nào cũng cười, người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hì, mà dờ cũng hì, quấy cũng hì. Nhấn răng hì một tiếng mọi việc hết nghiêm trang » (Nguyễn văn Vinh, Xét tặt mình XVII, Gì cũng cười — Đông Dương tạp chí số 22).

Nhận xét của ông Nguyễn văn Vinh là nhận xét bề ngoài mà không lưu ý đến tầm mức chứa đựng trong nụ cười của dân tộc Việt Nam.

Là người Việt Nam chúng ta hiểu nhau là lẽ dĩ nhiên. Nhưng một người ngoại quốc, ông A. Pazzi, trong cuốn « Người Việt cao quý » (Per comprendere il Viet-nam e Vietnamita, bản dịch của Hồng Cúc, nhà xuất bản Cảo-Thơ) đã phê bình một cách nghiêm khắc nhận xét trên đây của ông Vinh :

« Rất tiếc ông Vinh đã đứng trên cái quan điểm Tây phương để mà quan sát đồng bào của mình, và trong quan điểm của ông có cái thái độ hời hợt, nghi hoặc của một tên quan thuộc địa nhìn dân bản xứ như bọn hèn kém xấu xa. Cho đến ngày nay hình như ở trong trường học người ta vẫn dạy các bài như thế và chừng như các giáo sư cũng không mấy người cho rằng ông Vinh nói sai » (sách dẫn trên, trang 17).

Có lẽ nhân tiện cũng nên nói thêm rằng nhận xét của Pazzi về việc giảng dạy những bài như vậy trong các lớp

học là có thật. Bài « Gì cũng cười » của ông Vinh được trích làm bài học giáo khoa, theo chương trình của bộ Quốc gia Giáo dục, trong « Việt Nam thi văn học tuyển » của ông Dương Quảng Hàm (trang 194).

Và, nhân tiện cũng nên ghi lại đây ý kiến của Pazzi về nụ cười của dân tộc Việt Nam, nhân bàn về nụ cười của thắng Bờm :

« Nụ cười Việt cũng như hầu hết nụ cười Đông Phương, có một vẻ gì bí hiểm, khó mà đoán hiểu dễ dàng. Riêng người Việt Nam, khi vánh môi họ nhếch lên hay mỉm nhẹ, lại họ đã quy tụ cái nhìn, đôi mắt theo về hướng ấy và trong phần tư, phần sáu nụ cười lửng lơ của họ người ta đoán thấy một sự nhạy cảm lạ lùng, đi đôi với một khiếu năng phê phán linh hoạt.

Có khi ý tưởng mà họ nói ra không có giá trị bằng cái ánh mắt và cái nụ cười ấy » (sách dẫn trên, trang 12).

Nhận định ấy quả đã cố gắng hiển cho ta một căn bản để tìm hiểu tâm hồn dân tộc Việt qua bài hát, nụ cười. Nụ cười là phản ứng sâu xa đúc kết do sự đào luyện lâu dài của nòi giống, biểu hiện ở trong tiềm thức cộng đồng.

Cái giá trị và độc đáo của bài hát Thắng Bờm chính là ở nụ cười lơ lửng ấy, nụ cười của tâm hồn hòa đồng, phong phú, dung hợp giữa hướng nội với hướng ngoại.

Thật ra, có một vài người đi tìm cái ý nghĩa xác thực của nụ cười Thắng Bờm, nhưng không gặp sự khẳng định nào hết. Có người như ông Phạm Quỳnh thì quả quyết rằng nụ cười của Bờm là nụ cười chấp nhận đề nghị của Phú Ông, lấy nắm xôi đổi cây quạt (« *Le richard lui offre enfin une boule de riz, et Bờm rit ! (il accepte)* ».— Phạm Quỳnh, *Le Paysan Tonkinois à travers le parler populaire* p. 14).

Đi tìm ý nghĩa thực tế của nụ cười trong bài thắng Bờm không phải là vấn đề, mà vấn đề chính là tìm hiểu cái bản chất dân tộc trong cụ cười ấy, là nhận biết được cái vốn tiềm ẩn của mấy ngàn năm thắng trầm, vinh quang, tủi nhục thể hiện trong nụ cười ánh mắt.

SÁCH MỚI

Bách Khoa Thời Đại đã nhận được :

— **Tượng đá sườn non** tập truyện của Y-Uyên do Thời Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang gồm 4 truyện của Y-Uyên, giá 52đ.

— **Kể chuyện tập truyện kể** của Hồ Hữu Tường do Huệ Minh xuất bản và Nguyễn Ngu Í gửi tặng. Sách dày 124 trang gồm một số truyện và một kịch trào phúng tác giả cùng viết với Nguyễn Ngu Í. Giá 36đ.

— **Tám suối tập truyện** của Đặng Doanh do Sông Hương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 120 trang gồm 13 truyện ngắn, giá 40đ.

Bờm có thể đã không nhận năm xôi. Bờm có thể đã nhận năm xôi, đòi quạt cho Phú ông. Điều đó không quan trọng. Hẳn nhiên Bờm đã biết rõ giá trị của ba con bò chín con trâu, của một ao cá; hẳn nhiên Phú ông đã biết rõ giá trị của cây quạt mo. Có thể trong khi gặp « cái nóng nung người cái nóng ghê » thì giá trị « ba bò chín trâu » không bằng giá trị cây quạt mo. Có thể khi đói bụng thì « một bẻ gỗ lim » không chắc đã bằng một năm xôi. Nhưng Bờm đã không biểu lộ ý tưởng bằng cái gật đầu, lắc đầu, bằng tiếng ừ hay tiếng không, mà chỉ gởi vào đấy nụ cười:

Nụ cười của Bờm dù là để tỏ dấu chấp nhận hay phản đối, vẫn có cái giá trị của tinh thần hòa đồng thông cảm mà dân tộc Việt-Nam thừa hưởng của

nhiều ngàn năm lịch sử. Chỉ có một dân tộc sau khi chiến thắng kẻ thù lại cầu hòa và cống hiến, chỉ có dân tộc Việt Nam sau khi chém đầu tướng Tàu Sầm Nghi Đống lại lập đền thờ Sầm Nghi Đống, mới hiểu được nụ cười của dân tộc Việt Nam.

Trong cùng một nụ cười người ta có thể tìm thấy sức đối kháng, hay thỏa hiệp nhưng trong cả hai trường hợp lúc nào nụ cười cũng mang tính chất phụng-thế, và luôn luôn giữ lại một phần bản chất nội-tại của tâm hồn.

Nụ cười của Bờm quả là một ẩn ngữ của Văn học Việt-Nam, quả là một ẩn ngữ về dân tộc Việt Nam.

Saigon 1-5-66

BÙI CHÁNH THỜI

P



CALCIUM CORBIÈRE

THUỐC CHÍCH - THUỐC UÔNG
CÓ SINH TỔ CD-PP

* * *

Chuyên trị:

- YẾU XƯƠNG - GÂY XƯƠNG.
- CƠ THỂ SUY NHƯỢC.
- TRẺ EM MAU LỚN.
- DƯỠNG THAI - CHO CON BÚ.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*



Những giấc mơ hoa

● VÕ QUANG YẾN

Biết bao người đã kêu la cuộc đời ngắn ngủi, vậy mà trung bình ta mất một phần ba đời để mà ngủ ! Và mỗi tối, khi yên tĩnh nằm trong giường, những giấc mơ của ta chiếm hết một phần ba thời gian ! Chắc có người bảo ngay : đâu phải đúng vậy, có nhiều đêm tôi ngủ thẳng giấc, đâu có mơ mộng gì ! Thừa không : khoa học đang bắt đầu dần bước vào địa hạt bí mật của các giấc mơ và đã khám phá ra được nhiều điều kỳ lạ, ngay cả thời gian mơ mộng và lúc ta đang thả hồn theo những cuộc phiêu lưu không bờ bến, không thời gian.

Bốn giấc mơ mỗi tối

Cuộc khám phá sinh lý học nảy ra từ một sự tình cờ. Giáo sư Kleitman ở Viện đại học Chicago cùng với cộng tác

viên Aserinsky nhân khảo sát giấc ngủ của trẻ con, một hôm nhận thấy những mi mắt động dậy trong lúc toàn cơ thể nằm im lìm. Cử động của mi mắt như tuồng lặp lại một cách điều hòa và dễ thấy trước khi các đứa trẻ thức giấc. Hiểu kỳ, Kleitman cho mắc vào xung quanh mắt những điện cực tí hon và cho nối liền với một điện não kế có thể cùng ghi hoạt động điện học của não.

Ông nhận thấy ngay khi bắt thít ở mắt cơ rút làm cho mi mắt cử động thì hoạt động của não cũng thay đổi, đồng thời mạch đập mạnh và hơi thở tăng lên. Đây là hoạt động mơ, mộng. Để chứng minh hoạt động này Kleitman đã quan sát biết bao đêm hằng trăm người tình nguyện chịu làm thí nghiệm.

Để bắt đầu, ông cho bắt một cái chuông vào điện não kế, hễ mi mắt

động đây là chuông réo lên và thức giấc. Hồi ngay lúc đó, trong số 191 người đã thử, 152 người chịu nhận đang nằm mê. Sau đấy ông cho tháo chuông ra và để người thử nằm ngủ yên cho đến sáng. Cứ hỏi 16 người thì đã có 15 người không còn nhớ gì mặc dầu trong đêm mi mắt đã cử động. Kết luận của những cuộc thử đầu tiên này là ban đêm ai cũng nằm mê nhưng đến sáng thì quên hết. Khác khác, từ nay người ta có thể « bắt » được cơn mơ nhờ hiện tượng mà Kleitman đặt tên là R.E.M. (Rapid Eye Movements).

Những năm sau, cộng tác với bác sĩ Dement, Kleitman hoàn hảo phương pháp khảo sát. Ông thiết lập được chu kỳ mơ ngủ theo với những giai đoạn của giấc ngủ. Ông khám phá ra trung bình mỗi tối ta nằm mơ bốn hoặc năm lần, vào những giờ nhất định. Giữa hai cơn mơ, có thể ta thức giấc nhưng có khi biết khi không. Thường cơn mơ đầu tiên diễn ra 70 phút sau lúc ta ngủ và lâu khoảng 9 phút. Ta ngủ 90 phút nữa thì bước qua giấc mơ thứ nhì kéo dài trong luôn 19 phút. Lại 90 phút nữa qua trước khi ta mơ lần thứ ba, lần này lâu đến 24 phút. Giấc mơ thứ tư và là giấc mơ cuối cùng lâu gấp bốn giấc mơ đầu tiên, chấm dứt vài phút trước khi ta thức giấc. Thì ra những giấc mơ không phải đã diễn ra hỗn độn tứ tung như ta tưởng mà theo một tiết điệu tuần hoàn. Hàng ngàn cuộc thử, hàng triệu thước băng ghi

chép đã chứng minh rõ ràng hiện tượng ấy.

Giống mèo cũng nằm mơ.

Kleitman đã ví giấc ngủ ban đêm như một tuồng hát bốn màn. Những cử động của mi mắt tỏ ra người ngủ đang chứng kiến trò diễn còn toàn cơ thể nằm yên là biểu hiệu sự hứng thú của tuồng hát. Bốn màn là bốn giai đoạn điều hòa đưa giấc ngủ từ lúc thiu thiu ban đầu đến lúc say sưa trọn vẹn rồi đạt đến giai đoạn đặc biệt của trạng thái nằm mơ gọi là giai đoạn nghịch thường. Không có giai đoạn này thì không có nằm mơ, mà không có nằm mơ thì không có giấc ngủ say sưa. Theo Kleitman, ở giai đoạn này giấc ngủ ngày càng sâu thêm. Ngang đây, một câu hỏi được đặt ra ngay : vậy nếu ngăn cấm nằm mơ thì còn giấc ngủ say sưa không và cơ thể sẽ phản ứng ra sao ? Câu hỏi này đã được giáo sư Jouvett ở Lyon kiểm cách trả lời.

Nếu ở New-York, bác sĩ Dement trả mỗi tối ba đô-la cho những sinh viên chịu lại ngủ cho ông khảo sát, thì giáo sư Jouvett chọn mèo để làm thí nghiệm. Mèo không biết kể lại những giấc mơ nhưng có đặc tính ngủ nhiều và dễ quan sát. Cũng như những sinh viên của Dement, những mèo của Jouvett khi ngủ thì đầu mang điện cực nối liền não với điện-não-kế luôn luôn ghi chú tình hình của não và những cử động của mi mắt.

Trước tiên ông nhận thấy giấc ngủ của mèo không khác gì giấc ngủ của con người. Giấc ngủ thiu thiu lúc ban đầu thao diễn lúc mèo nằm cuộn tròn. Đến một lúc nó gật đầu xuống, đồng thời tai, hàm và đuôi khẽ động đây : ấy là lúc nó đang mơ ngủ ở giai đoạn nghịch thường.

Bây giờ ông muốn ngăn cản không cho mèo nằm mơ. Ai cũng biết mèo chẳng thích nhảy vào nước. Ông cho một con mèo ngủ trên một tấm ván đặt trên một bể nước. Tấm ván khá nhỏ để mèo có thể đứng hay ngồi chồm mà chẳng nằm dài được. Trong luôn nhiều ngày, con mèo đứng thiu thiu ngủ mà hễ đến lúc gần ngủ say, đầu sắp gật xuống thì mắt thẳng bằng có thể ngã xuống nước. Vì vậy nó không làm sao đạt được giai đoạn nghịch thường và chẳng mơ mộng, được như ý muốn. Kết quả là sau 17 ngày, con mèo không còn sức nhảy và cơ thể nặng trĩu lệ thê mặc dầu ăn uống như thường. Cho ngủ tự do, giai đoạn nghịch thường vượt quá 60% thời gian bình thường. Con mèo như muốn ngủ bù lại nhưng giấc mơ đã thiếu. Như tưởng chính những giấc mơ đã bị thiếu chứ không phải những giấc ngủ.

Giáo sư Jouvett tìm cắt nhân chất xám trong não là trung tâm mơ, mộng, của mèo. Ngủ được mà hết còn nằm mơ, mèo như mất hồn : mắt luôn nhìn thẳng, ngươi mắt nở rộng. Sau 8 ngày

mèo như mắc bệnh : đang ngủ, nó vùng dậy, hai cẳng trước đập lia lia trong không như muốn bắt một con ruồi vô hình. Ảo tưởng ngày càng nhiều thêm, mèo hết còn ngủ được và ba tháng sau thì chết. Ta thấy ngay là giấc mơ rất cần cho cuộc sống. Bác sĩ Dement lại nhận thấy sau những cuộc thí nghiệm với các sinh viên, nếu cứ cho thức giấc mãi trong đêm, những giấc mơ bị rối loạn, thì con người trở nên dễ cáu, lo âu. Sau vài ngày thì lại ăn nhiều thêm, cơ thể phát phì. Như tưởng chức phận mơ, mộng, đã liên quan với những chức phận khác trong cơ thể.

Giấc mơ hóa học.

Người ta nhận thấy ở mèo còn có một giai đoạn chịu đựng từ 10 đến 15 phút sau mỗi cơn mơ. Trong thời gian này bất cứ kích thích với phương pháp gì, mèo cũng không chịu nằm mơ. Người ta có thể tưởng phân số mơ, mộng, bị giới hạn và cần phải có một hiện tượng gì hay một hóa chất nào để dẫn đưa các giấc mơ trở lại.

Đằng khác, một thí nghiệm đã đem lại biểu thị quý báu : cho hai con mèo ăn khác nhau, một con ăn toàn đồ khô, con kia được uống rất nhiều nước. Trong trường hợp đầu các giấc mơ tăng lên rất nhiều. Trong trường hợp sau, các giấc mơ biến mất. Nước phải chăng đã tác dụng lên chức phận mơ, mộng, của cơ thể ?

Thật ra cũng dễ hiểu. Trong cơ thể, nước bao quanh các tế bào và chuyên

chở vật liệu cần yếu cho đời sống. Nồng độ những vật liệu này lớn hay nhỏ tùy theo số lượng nước chứa chất trong cơ thể. Trong số các vật liệu này, chất kalium chẳng hạn đóng một vai trò quan trọng trong các tế bào thần kinh. Sự di chuyển của nó khi ta thức giấc gây ra một luồng qua các màng tế bào mạnh hay yếu tùy theo tốc độ của nó. Khi ta ngủ, có thể xem như tế bào thần kinh tích trữ chất kalium, không cho tiếp xúc với bên ngoài. Một thứ hàng rào ngăn cản mọi liên quan. Người ta hiện chưa biết những điều kiện thiết lập thứ hàng rào này, nhưng người ta biết chính ở đây mà phát sinh giấc mộng, chính ở đây mà tất cả những tài liệu sinh hóa học đều qui tụ lại.

Theo giáo sư Jouvet, một cơ chế tự động đã mở, đóng hàng rào, chế định giấc ngủ, cơn mơ và thời kỳ thức tỉnh. Người ta đoán một hóa chất gì đã được tích trữ trong chất xám ở trung tâm mơ, mộng và mỗi tối cho tiết ra bốn, năm lần để gây ra những giấc mơ. Ngoài các giai đoạn mơ ngủ, hóa chất kia được nhặt bón, tích trữ. Người ta chưa biết hóa chất ấy là gì tuy đã biết được vài chi tiết, chẳng hạn nó là một chất độc không thể tích trữ nhiều vì lần lần được đào thải ra ngoài. Nhìn một cách khác, các giấc mơ phải chăng là chức phận đùm bọc che chở não ta?

Đây chỉ toàn là giả thuyết nhưng phải nhận ngay một giấc ngủ không mơ chẳng tốt gì. Khi một giấc ngủ không

mơ, được nhân tạo gây ra, con người bị thác loạn tinh thần còn giống mèo thì nặng đầy ảo tưởng. Mơ, mộng, và ảo tưởng khác hẳn nhau. Có nhiều hóa chất có khả năng gây ra ảo tưởng cho người. Những ảo tưởng này tuy được xem như là một giấc mơ lúc thức tỉnh, thật ra không giống gì lắm với giấc mơ thật sự. Trái lại, hiện không có một hóa chất nào có thể gây nên những giấc mơ cho ta. Giáo sư Rechtschaffen ở Chicago chịu thưởng cho sinh viên nào mơ được nhiều hơn mức trung bình, cứ một đô-la mỗi một mươi lăm phút hơn. Mặc dầu nhiều cố gắng và thiện chí, chẳng ai mơ thêm được. Tuy nhiên, thử ở mèo người ta nhận thấy chất axit gamma-amino-butiric có thể làm tăng giai đoạn nghịch thường. Còn những thuốc ngủ hiện được bán thì không phải tác dụng lên trung tâm mơ, mộng, mà chỉ làm dãn các bắp thịt gián tiếp gây ra những giấc mơ.

Khả năng biết mơ.

Dù sao, xin nhắc lại : không có giấc mộng thì không phải ngủ thật sự, ngủ say sưa. Mơ, mộng, là tự nhiên, là cần thiết. Con trẻ mơ từ thuở lọt lòng. Mèo cou mơ cả trước lúc mở mắt. Trong những tuần lễ đầu ở con trẻ, giai đoạn nghịch thường chiếm đến 70-80 0/0 thời gian giấc ngủ. Thật vậy, vào thời ấy, những cấu tạo của óc não chưa được hoàn toàn thành tựu, chỉ những bộ phận mơ, mộng, là sẵn sàng vận dụng, ngay cả trước chức phận suy nghĩ. Có thể

mơ, mộng, đã thao diễn ngay cả trước lúc sinh. Trong thai gà, trước lúc trứng nở, người ta đã ghi được những cử động ở mi mắt tương tự như ở người đang nằm mơ. Như vậy nghĩa là không cần phải tiếp xúc với đời, thấy thế giới xung quanh mới nằm mơ được. Có những người mù từ lúc mới sinh, họ vẫn nằm mơ tuy không lúc nào thấy ánh sáng mặt trời.

Nếu tìm biết thai gà có mơ, mộng, hay không là một chuyện khó, cuộc khảo sát ở các sâu bọ, nhuyển thê cũng không phải là dễ. May thay ở nhiều loại động vật không có xương sống, nhiều đặc điểm khác có thể chỉ cho ta biết chúng đang ngủ. Ở một loại mực, khi nó ngủ thì da đổi màu. Nhà côn trùng học Fabre đầu thế kỷ đã bảo bướm ngủ luôn 15 giờ. Nhưng chẳng có ai bàn đến các giấc mơ. Chỉ một vài cử động ở chân hay ở « râu » kiến là có thể xem như tương ứng với một giai đoạn mơ, mộng, nhưng chẳng có gì rõ ràng.

Ở các loại động vật có xương sống thì cuộc khảo sát có phần dễ dàng hơn. Ví dụ rắn rất không biết mơ. Từ các loại tiến hóa hơn thì các giấc mơ bắt đầu xuất hiện cho đến loài người. Những cơ thể đầu tiên biết mơ là chim chóc. Giai đoạn mơ, mộng, thao diễn lúc đôi cánh rã xuống, có khi kèm theo tiếng gáy, rất rõ rệt ở các loại bồ câu. Bò con mơ ít lại sau khi bỏ sữa. Khi bắt đầu ăn cỏ, sự tiêu hóa dừng lại trong lúc mơ, tưởng như vì bị mê hoặc

nó quên mất đồng hóa thức ăn. Con thỏ mơ khi hai tai quặp xuống. Qua loài khỉ thì các giai đoạn mơ, mộng, giống hần con người.

Tất cả những chi tiết này chỉ là bước đầu của cuộc khảo cứu cặn kẽ về các giấc mơ. Từ nhiều thế kỷ nay, ở Ấn độ đã có nghe nói đến những thuyết bàn về các trạng thái của cuộc sống: trạng thái thức tỉnh, trạng thái ngủ với mơ, trạng thái ngủ không mơ... Thì ra khoa học chỉ đang tìm ra được những điều mà chỉ nhờ trực giác con người đã khám phá ra được.

Hôm qua chỉ có ích cho cuộc chiêm đoán, hôm nay là một phương cách trị liệu phân giải tâm lý, các giấc mơ thật là những hoạt động bí mật của óc não, phóng con người ra khỏi thời gian và không gian, nối liền hiện tại với quá khứ xa xăm hay với tương lai mù mịt.

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu : C. Soudois

NGUYỄN - VĂN - CHÂU

ĐÓNG SÁCH VÀ SỔ VÀNG

SẢN XUẤT :

Giấy Bông, Giấy Da và Giấy Cầm
Thạch v. v... Làm Đèn, Giấy
đủ kiểu về Phật giáo

50, Lê-văn-Duyệt

SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B P N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Từng lớp cách nhau

Trong giới văn nghệ ở xứ ta từ mười năm nay có cái đặc điểm là không thấy phân chia đường lối, mà thường thấy có sự phân chia tuổi tác. Già với trẻ là tiêu chuẩn giá trị chẳng? Sự kiện ấy có nghĩa gì?

Mấy năm nay sách bán cứ ít dần, nhất là những loại sáng tác. Kịch ít ai đọc. Thơ ít ai mua. Rồi truyện cũng mất dần độc giả.

Có nhiều cách giải thích: Thời này hỗn độn, việc chính trị, quân sự, việc quốc nội, việc quốc tế, nhiều điều thu hút tâm trí người ta mạnh hơn là văn chương. Thời này văn nghệ phẩm chưa có thứ xuất sắc, chưa hay bằng các thời trước (?). Thể hệ này chưa tìm ra những tác giả của mình, những phát ngôn nhân thích hợp v.v...

Trong những năm 1955, 56, 57..., lý do thường được nêu ra là mức sống khó khăn, đồng tiền eo hẹp. Người ta bảo trong thời chiến tranh, tiền bạc của quân đội viễn chinh Pháp tung ra nhiều; chuyển qua cuộc sống hòa bình, người Việt Nam túng quẫn, ai cũng kêu khổ làm sao mua sách đọc nổi!

(Thế nhưng vừa kêu khổ, vẫn vừa có thể xem hát, nên hình như các hí viện hồi đó vẫn phát triển. Và rồi một đôi năm gần đây, chiến tranh lại tái diễn gay gắt, quân đội Hoa kỳ đến tung bạc ra còn nhiều hơn Pháp nữa mà sách bán lại có mòi tẹt thêm)

Lại có nhiều cách giải thích nữa: Giao thông gián đoạn, tình hình chính trị ngoài Trung rối ren, đầu óc đầu mà nghĩ đến câu thơ, cuốn truyện v.v..

oOo

Các lối giải thích đều là phỏng chừng vậy thôi, không có ai kiểm soát được xem ước thuyết của mình là đúng hay sai.

Sách bán chạy hay không bán chạy là vấn đề của giới làm ăn. Nhưng nó lại phản ảnh thái độ của quần chúng đối với sáng tác văn nghệ, bởi vậy nó không thể không làm bận tâm thắc mắc giới văn hóa. Nếu lý do đồng tiền eo hẹp là đúng thì văn nghệ sĩ khả dĩ yên tâm, vì trách nhiệm không phải ở mình. Nếu lý do thời cuộc rối ren mà đúng thì văn nghệ cũng buồn qua loa đôi chút vì hoạt động của mình không rầm rộ bằng hoạt động chính trị, nhưng đó chẳng qua vì sinh bất phùng thời. Nhưng nếu lý do cho rằng lớp văn học này bất lực mà đúng thì mới là khổ tâm đa. Lẽ nào một thể hệ trẻ có nhiều tự hào như thế, có những lời đả phá đật khoát đối với nền văn nghệ tiền chiến như thế mà lại bất lực, lại không bằng thể hệ tiền chiến? Như vậy đâu có được! Chớ nên hãy tìm những nguyên nhân khác, tìm

thêm nữa, những nguyên nhân dễ dàng chấp nhận hơn.

Thiết tưởng có một hiện tượng đáng lưu ý chưa được nêu lên. Đó là sự phân hóa sâu xa về phía quần chúng độc giả cũng như về phía các tác giả.

Lớp người Việt Nam trước 1945 tương đối thuần nhất. Ai nấy đều sống trong một hoàn cảnh xã hội và chính trị như nhau. Từ Bắc chí Nam, tuy chế độ cai trị của người Pháp có chỗ buộc chặt chỗ lỏng, có khác nhau đôi chút, nhưng đâu đó đều đặt dưới ách đô hộ ngoại nhân, người dân Việt ở đâu cũng đồng một ý hướng chính trị như nhau, là thiết tha với độc lập tổ quốc. Về văn hóa, hồi đó ta say mê những trào lưu tư tưởng dân chủ, những khuynh hướng văn nghệ đang thịnh hành ở Tây phương. Dân chủ khuynh tả hay khuynh hữu, sự dị biệt chỉ có ở nơi một số ít trong giới trí thức mà thôi. Khuynh hướng văn nghệ tả chân, hay lãng mạn, hay tượng trưng, sự cách biệt cũng không sâu đậm: một nhà phê bình như Hoài Thanh có thể thưởng thức đủ các thi phái; đa số độc giả có lẽ cũng vậy. Cuộc cãi cọ giữa thơ cũ và thơ mới êm rồi, nam nữ thanh niên trong Nam ngoài Bắc đều tâm đầu ý hiệp, khoái thơ Xuân Diệu văn Nguyễn Tuân. Cuộc tranh luận yếu ớt giữa phái tân học với một ít nhà nho bệnh vực Khổng học chấm dứt, ai nấy riu riu học hỏi văn minh Tây phương. Tây phương là Anh, Pháp, Âu châu. Cả Nga lẫn Mỹ đều chưa có cái uy tín như ngày nay.

Nhưng từ cuộc kháng chiến chống Pháp đến nay, khung cảnh sinh sống ở Việt Nam thay đổi, và giữa người Việt Nam càng ngày càng có nhiều sự cách biệt. Không phải vì Cộng sản đặt nặng vấn đề giai cấp, đặt ra tiêu chuẩn phân chia, rồi bình nghị, sắp xếp từng thành phần giai cấp trong xã hội mà rồi nảy sinh ra sự cách biệt. Như thế có vẻ giản dị quá. Sự thực rắc rối hơn.

Hồi trước, dưới thời Pháp thuộc, các đảng phái chính trị cũng có đường lối riêng, đảng theo tả, đảng theo hữu, đảng theo hướng quốc gia, đảng theo hướng quốc tế v.v... Nhưng đó là chuyện riêng của một số các người chính trị với nhau, còn quần chúng thì ít quan tâm, trong ý thức mơ hồ của quần chúng, chữ cách mạng chỉ có nghĩa là chống Tây, thế thôi. Mà ngay giữa các đảng phái chính trị cũng thường khi có những cơ hội liên minh để huề, để kháng Pháp.

Sau này, khi các thể lực chánh trị giành được quyền hành, thực thi được đường lối của mình trên đất nước rồi, lúc bấy giờ tả với hữu, quốc gia với quốc tế không còn chỉ là ý niệm, là danh từ, là lý thuyết, là chủ nghĩa nữa. Chúng nó hiện lần ra thành thực trạng, chi phối đời sống quảng đại quần chúng. Lúc bấy giờ chính trị không còn là chuyện riêng của các chính trị gia nữa. Trong xã hội, ai nấy tự nhiên phải có thái độ, kẻ thích bên này, người thích bên kia. Và giữa phía thích với phía không thích, sự xung khắc biểu lộ ở mức độ gay gắt nhất, người

người bị đưa tới cái thế phải đem sinh mệnh bênh vực cho cái thích của mình.

Mặt khác, trong thời kỳ mười năm kháng chiến nước ta chia ra làm nhiều liên khu gần như cách biệt hẳn nhau. Các vùng dưới sự kiểm soát của quân đội Pháp thì vẫn liên lạc với nhau được, nhưng tại vùng do bên kháng chiến cai trị thì sự giao thông còn tệ hơn là hồi chưa có con đường xe lửa xuyên Việt, tệ hơn là ở thế kỷ trước. Ở liên khu V, vùng Nam Ngãi Bình Phú, năm bảy năm trời không nhận được một lá thư của người bà con đi làm ăn bị kẹt lại ngoài liên khu IV chẳng hạn, không đọc được một tờ báo, một cuốn sách của các tác giả ngoài Bắc Rừng xanh mịt mùng ở liên khu I và địa lợi muối kêu ở Đồng Tháp là những chuyện được truyền tụng, đối với đồng bào miền Trung nghe xa vời như cảnh tuyết phủ trên Phú sĩ sơn. Sự cách biệt về địa lý ấy đã làm trở ngại sự khăng khít tâm tình rồi, mà mỗi liên khu vì hoàn cảnh địa phương khác nên còn có một đường hướng chính trị khác nhau. Người dân trong Nam không biết gì về các vụ đấu tố, do đó họ cũng xa lạ với những xúc động tâm lý mãnh liệt và sâu xa của quần chúng ngoài Bắc trước hiện tượng lịch sử quan trọng ấy. Cán bộ và binh sĩ trong Nam kháng chiến trong một khung cảnh chính trị và xã hội khác hẳn với cán binh ngoài Bắc, cho nên khi tập kết ra Bắc, cái thái độ và tâm trạng họ mang ra tiếp xúc với khung cảnh ngoài ấy đã là đầu mối của những phản ứng rắc rối, gây khó dễ cho nhà

cầm quyền miền Bắc không ít. Tuy đeo đuổi chung một cuộc kháng chiến, đồng bào mỗi nơi mang một quan niệm khác nhau, những kỷ niệm khác nhau.

Cùng ở một phía kháng chiến còn thế, hướng chỉ giữa tâm lý của kẻ trong thành người ngoài bưng, của kẻ dinh-tê lớp trước, người di cư lớp sau v.v... Dân tộc ta thành ra chia cách làm năm tầng bảy lớp, rất ít chịu thông cảm với nhau. Nói không thông cảm là nói nhẹ, thường thường chúng ta tức uất lên với nhau vì những mâu thuẫn tư tưởng. Một gia đình từ ngoài Bắc, cuối 1954 đầu 1955, đùm đẽ nheo nhóc vào tới Saigon, gặp một người bà con vào làm ăn trong này từ đôi ba mươi năm trước đã trở thành khá giả phong lưu; chẳng thương nhau giúp nhau thì chớ, người bà con lại còn ngạc nhiên trách móc: « Ngoài đó độc lập rồi, sao không ở lại hưởng vinh quang, xây dựng xứ sở, vào đây làm chi? » Những người theo kháng chiến bằng rừng lợi suốt năm bảy năm trời, cuối cùng chán bỏ cộng sản mang về một thân xác bệnh tật, sau ngày đình chiến xin vào làm trong chính quyền bên này, những mong đem tâm huyết góp vào công cuộc kiến thiết nước nhà, nào ngờ gặp bên cạnh những bạn đồng sự, trên đầu những cấp chỉ huy từng già đời theo làm việc cho Tây, vừa tiêu cực vừa tự phụ vì ngạch trật vững chắc, vì cái lý lịch « thuần túy quốc gia », chưa hề dính mủ gì tới phía « Cộng sản ». Những người trí thức sau khi đã tiêu hủy tuổi xuân và tâm trí nhiều năm ở ngoài bưng, đã chứng kiến những điều tàn ác lọc lừa đến chịu

không nổi, đắng cay mà trốn về bên này, lại nghe những ông mác-xít trong thành, chưa mất một mảy lông cho chủ nghĩa, vừa yên hưởng no ấm vừa khênh khạng lên giọng thanh cao, tiến bộ, ca ngợi cộng sản v.v...

Sống bên nhau, mỗi hạng người ốm một mỗi hận ẩm ách.

Còn giữa những hạng không có gì để hận nhau thì cũng có lắm trường hợp không hiểu được nhau. Một tác giả sau cuộc thể chiến thứ hai lớn lên ở Sài-gòn, Hà nội làm thơ hay viết tiểu thuyết; một thanh niên lớn lên trong bưng biển hay ở rừng núi chiến khu đọc các tác phẩm đó sẽ nghĩ gì? Giữa khung cảnh sinh hoạt và giữa tâm tình đôi bên có chút gì liên quan với nhau đâu!

Thế rồi trong vài năm gần đây, giữa người Việt nam với nhau lại càng thêm nhiều mối bất đồng nữa. Về tín ngưỡng, xưa nay đã đánh đồng bào ta vẫn theo nhiều tôn giáo, về chính kiến từ trước vẫn có nhiều xu hướng, nhưng đến giai đoạn này, gặp một hoàn cảnh nào đó, sự bất đồng hòa thành gay gắt, thành xung đột. Lúc bấy giờ cái tình cảm giận hờn ảnh hưởng đến sự suy luận, đến cả sự thưởng ngoạn nghệ thuật nữa. Nói đến những người cầm bút nạn nhân của thời cuộc, người ta thường nghĩ ngay tới những ký giả bị đánh đập, bị thủ tiêu, những tòa soạn bị đốt phá v.v... Âm thầm, kín đáo hơn, chắc chắn còn có nhiều nhà văn bỗng nhiên bị một số độc giả của mình bỏ rơi vì thấy họ đi với phe này, tham gia vào

cuộc tranh đấu nọ, trái ngược với đường lối chính trị hoặc tín ngưỡng của độc giả.

Sự thật ấy có vẻ tẻ quá. Kỳ thực lúc bình thời ai cũng nhận rằng dân tộc ta hỉ xả, độ lượng; chẳng qua gặp cảnh ngộ bất thường, dục vọng của con người bị thời thế quấy đục lên mạnh quá cho nên phản ứng của lắm kẻ đâm ra nông nổi, hẹp hòi. Sống với nhau lúc này rút được kinh nghiệm: gặp nhau mà đem chuyện chính trị, chuyện tôn giáo ra bàn cãi một hồi dễ nổi nóng lắm. Người này chê người kia: chịu không nổi, người kia chê người nọ: người không được. Những kẻ chịu không nổi, người không được ấy, có khi là bạn bè thân thiết, là anh em cật ruột v.v... Những mối chia rẽ như vậy nó ăn sâu vào trong từng gia đình. Thế cho nên nếu một độc giả có vì đó lạnh nhạt với một tác giả cũng chẳng có gì quá đáng.

Dân Việt nam tất cả chỉ trên hai mươi triệu, đã chia ra làm hai phía, trong hơn mười triệu đồng bào ở phía bên này tỷ số học thức cũng còn thấp, trong số học thức đó mỗi nhóm nghĩ một khác, lời nói không lọt nổi vào tai nhau. Trong tình cảnh ấy không có ai được nhận là phát ngôn nhân của thời đại hết, không có tác giả nào nói được cảm nghĩ chung của mọi người; cho nên con số độc giả của mỗi nhà văn không được cao là phải.

Có một điều trong vấn đề buôn bán sách cũng đáng chú ý nữa, ấy là trong

khi sách sáng tác gặp khó khăn thì sách dịch và sách kiểm hiệp, trình thám vẫn tiêu thụ tương đối khá, có lúc lại tăng vọt lên. Như vậy tỏ rằng người ta vẫn đọc sách đấy, nhưng đa số là đọc để học hỏi và để giải trí. Có ít đi là ít cái số những tâm hồn đồng điệu tìm gặp nhau qua tác phẩm văn nghệ trong nước. Một tác giả ngoại quốc có thể khác quan điểm với ta, nhưng ta vẫn đọc họ để tìm hiểu, để học hỏi được, tiếp xúc với họ ta vẫn giữ bình tĩnh khách quan được, là vì cuộc tiếp xúc ấy nó không gợi lên những vụ xích mích cụ thể mà ta vừa trải qua, gợi cái không khí nhiễm đầy khích động đang bao phủ quanh ta.

xXx

Quần chúng chia năm xẻ bảy; các văn nghệ sĩ cũng sống trong cùng một hoàn cảnh xã hội ấy, tâm trí của họ cũng bị bấy nhiêu yếu tố ấy chi phối, tự nhiên cảm nghĩ của họ cũng phản ánh sự phân hóa kia. Cho nên chẳng cần nhắc lại làm gì đối với các tác giả những điều đã nhận xét đối với quần chúng độc giả.

Riêng về phần các tác giả, họ có cung cấp thêm được cái này, đặc biệt, để giúp ta tìm hiểu về họ: Đó là các tác phẩm, là thành tích văn học của thời kỳ này, tức trên dưới mười năm nay. Những xung khắc về chính trị, về tôn giáo v.v... ở quanh mình, ta trực tiếp nhận thấy rõ, nó mãnh liệt nhưng nó có thể chưa kịp thể hiện trong các công trình nghệ thuật. Trái lại, có những dị biệt khác trong tâm hồn từng lớp người Việt nam, những dị biệt đã phát sinh khá lâu, đủ để phản ánh vào trong văn thơ, nhưng bây giờ

nó không nổi bật, nó không đập mạnh vào cảm giác trực tiếp của ta. Vậy lần dò qua sản phẩm văn nghệ của một thời, lại thử tìm biết thêm về một phương diện nữa của sự cách biệt giữa các lớp người Việt lúc này.

Trong giới văn nghệ ở xứ ta từ mười năm nay có cái đặc điểm là không thấy phân chia đường lối, mà thường thấy có sự phân chia tuổi tác. Thực vậy, đã lâu không xảy ra cuộc tranh luận nào về lý thuyết văn nghệ, về kỹ thuật sáng tác; không ai chủ trương một văn phái nào, cũng không ai tự liệt mình hay phe nhóm của mình vào một văn phái nào và đứng ra bênh vực nó: những ai theo tả chân? ai siêu thực? hiện thực đúng hay sai, có thích hợp nữa không? viết truyện cổ điển là phải hay viết tiểu thuyết mới là phải? Không có những sự phân biệt ấy, người ta không khen chê nhau vì khuynh hướng sáng tác. Bây giờ chỉ thường nghe nói nhà văn này già rồi, nhà thơ kia còn hơi trẻ, nhà văn nọ thuộc lớp trẻ, thật trẻ v.v... Phân chia như thế nhưng kỳ thực thì già không thành một phái, trẻ cũng không thành một phái, thế mới rắc rối. Giữa già với trẻ không có thành hăn vấn đề gì đặt ra rõ rệt để tranh luận như hồi thơ mới thơ cũ cãi nhau trước kia. Vậy thì già với trẻ là tiêu chuẩn giá trị chẳng? Sao kỳ cục vậy?

Thực ra, để cho thời gian trôi qua được một khoảng tương đối dài, bây giờ kiểm điểm lại quả thấy già trẻ trong giai đoạn này cũng là vấn đề quan trọng thực, nhưng không đến nỗi quá rối rắm đâu. Nếu anh em văn nghệ mà đưa lý lịch ra so với nhau về tuổi đời thì từ cụ

văn sĩ thất tuần cho tới măm non văn nghệ mười lăm mười ba tuổi thật có nhiều cấp bậc. Nhưng nếu căn cứ vào những nét lớn tâm trạng phản ảnh trong nghệ phẩm thì hình như giới văn nghệ hiện đại có thể chia ra chừng ba lớp tuổi cũng vừa.

Lớp già là lớp mà tuổi thanh niên cùng thời kỳ sáng tác dồi dào hơn hết thuộc về hồi tiền chiến. Những tác phẩm hay nhất của Vũ Hoàng Chương, Nhất Linh, Đỗ Đức Thu, Đông Hồ, Quách Tấn v.v... là những tác phẩm ra đời trước 1945. Thời kỳ của *Mây*, *Say*, của *Lạnh lùng*, *Bướm trắng*, của *Đứa con*, của *Mùa Cò Diên* v. v... là thời kỳ huy hoàng nhất trong đời văn nghệ của họ.

Lớp trung niên là lớp mà tuổi đôi mươi gặp nhằm hồi kháng chiến. Đa số có lẽ chưa có tác phẩm xuất sắc trong kháng chiến, nhưng trong kháng chiến họ đã sống những năm hào hùng nhất cũng như những năm bi đát nhất của đời họ, họ đã trải qua những tình cảm thiết tha sôi nổi nhất của đời họ, hồi đó họ chưa viết, hoặc chưa có thì giờ (thì giờ đề lo đánh giặc, đề tham gia hoạt động chính trị), hoặc chưa có hoàn cảnh để viết, nhưng cái tâm tình sẽ nuôi dưỡng các tác phẩm của họ sau này chính là đã thành hình từ hồi đó. Một khi cuộc kháng chiến ngừng lại, họ về phía bên này, ào ra viết và mở đầu, gây nên nền văn nghệ hậu chiến ở đây. Đây là hạng tuổi của Nguyễn Mạnh Côn, Đoàn Quốc Sĩ, Mai Thảo v.v..

Lớp trẻ là cái lớp đạt tới tuổi trách nhiệm sau hiệp định Genève. Hồi đình chiến họ mới mười lăm mười bảy, bây giờ họ ở giữa tuổi đôi mươi và ba mươi, như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn, Nhật Tiến, Viên Linh, Thế Uyên...

Trước 1945, nền văn học công khai có tính cách phi chính trị. Dĩ nhiên không phải hồi đó ta không làm chính trị và không có kẻ sử dụng cả phương tiện văn nghệ vào hoạt động chính trị. Trái lại, những người làm chính trị, như Phan Văn Hùm, Tố Hữu đều có thơ văn, và các văn thi sĩ như Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Thế Lữ v.v. đều có một đời chính trị sôi nổi. Tuy vậy, người Pháp đã dìm hoạt động chính trị vào bí mật, luôn cả những hoạt động dưới hình thức văn nghệ. Cái gì được phơi bày trên bề mặt của văn học thể hệ tiền chiến, tức cũng là cái phần lớp nhất, phong phú dồi dào nhất, không diễn tả những vấn đề chính trị. Ở những bộ sách tổng hợp về tình hình văn học hồi đó như *Nhà văn hiện đại* của Vũ ngọc Phan, *Thi nhân Việt nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân, trong khi phân chia các khuynh hướng lớn, các nhà phê bình bấy giờ không nêu lên khuynh hướng chính trị.

Đã đành có thể cắt nghĩa rằng nỗi chán chường của Vũ Hoàng Chương trong *Mây*, quan niệm hưởng lạc phóng dăng của Nguyễn Tuân trong các tập *Tùy bút*, trong *Quê hương* v.v..., đều là phản ảnh những nét đặc biệt trong tâm hồn thanh niên dưới chế độ chính trị bấy giờ. Dò tìm

trong văn nghệ phẩm, vẫn có thể thấy những phản ứng của giới nghệ sĩ trước hoàn cảnh chính trị đương thời. Nhưng tư tưởng chính trị không bộc lộ trực tiếp, trong thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Quách Tấn, trong văn Khái Hưng, Đỗ Đức Thu chẳng hạn. Trong khung cảnh thanh bình (mặc dầu dưới ách đô hộ của ngoại bang) nghệ sĩ ca ngợi cuộc sống, ca ngợi tình yêu, băn khoăn về ý nghĩa cuộc đời, rồi chán sống, rồi đau khổ vì tình, rồi đua nhau tìm những lối sống độc đáo quái dị, những hình thức nghệ thuật cầu kỳ v.v; họ cũng đề cập tới các vấn đề xã hội, nhưng chuyện chính trị: tốt hơn hết họ làm như không biết tới.

Trái lại, lớp người lớn lên trong kháng chiến thì tất cả cuộc sống là chính trị. Dù họ là binh sĩ hay là cán bộ họ làm nghề dạy học hay tính thuế nông nghiệp, dù họ tham gia kháng chiến trong ngành hoạt động nào, ngày ngày cũng phải suy cứu về chủ thuyết chính trị. Ở bên phía đó, lập trường là cực kỳ quan trọng. Mỗi hành vi, mỗi lời nói, mỗi chữ viết, phải cân nhắc thận trọng. Cuộc kháng chiến, và nhất là chế độ chính trị bên phía kháng chiến, đòi hỏi phải được hưởng ứng với tất cả tâm hồn. Hiến cho kháng chiến một thân xác để có thể gục ngã ở chiến trường, chưa đủ. Thân xác ấy phải được thường xuyên kích động bởi một niềm say mê.

Bởi hưởng ứng với tất cả nhiệt tình, cho nên đến một ngày nào đó nếu họ

phản đối thì cuộc phản đối cũng diễn ra trong quần quai, đau đớn. Rồi bỏ chiến khu, bưng biển về thành, rồi miền Bắc về di cư vào Nam, đó không phải là một cuộc xê dịch trong không gian, đó là từ bỏ cả một quan niệm sống, một nề nếp suy nghĩ, cảm xúc, là phủ nhận hết hoạt động hằng say, hết mọi hy vọng của thời hoa niên của mình. Sự chọn lựa về thành, vào Nam, là cái gì rất hệ trọng trong đời sống tinh thần của lớp người vừa nói, biến cố ấy sẽ để lại dấu tích không thể phai nhòa trong đời họ. Ignazio Silone sau khi từ bỏ đảng Cộng sản đã có lần viết: « Trong bao nhiêu năm ròng rã, ý tưởng đó thấm thía vào tâm hồn tôi. Đến ngày nay, tôi vẫn còn nghiền ngẫm để cố hiểu hơn. Tôi không chắc rằng tôi đã đào cùng kỳ lý, song sự thực là thế này: ngày mà tôi từ giã đảng Cộng sản, tôi rất buồn rầu. Ngày đó là một ngày tang tóc cho quãng đời niên thiếu hoài phí của tôi. Thoát ly một kinh nghiệm sâu sắc như tổ chức bí mật của cộng sản đâu phải là một việc dễ dàng. Trong tính tình, suốt đời vẫn còn vẫn vương di tích. Thực ra, người ta có thể nhận ngay được, một người đã theo cộng sản. Họ là một hạng người riêng biệt, như là các nhà tu hành qui tục, hay những viên cựu sĩ quan nhà nghề.» (1) Kháng chiến chưa phải là cộng sản, nhưng những người trí thức, những văn nghệ sĩ đã sống bên kháng chiến đều nhận thấy rõ ý thức hệ nào đang chỉ đạo cuộc sống của mình. Và tâm trạng I. Silone

bỏ đảng với tâm trạng của người trí thức Việt nam rời bỏ hàng ngũ kháng chiến có nhiều chỗ giống nhau.

Về phía bên này rồi, những kẻ ly khai vẫn không ngớt bị ám ảnh : họ ngoái nhìn lại cái dĩ vãng đầy sôi nổi của mình, họ nghiền ngẫm phân tích sự quyết định chọn lựa của mình, họ tìm tòi suy cứu về lý thuyết, về sự thực trong chế độ bên này và bên kia, đề đi tới kết luận rằng mình hữu lý, mình đã hành động hợp lẽ. Rốt cuộc, càng ngày họ càng có nhiều lý lẽ để thâm thù, để chống lại bên kia. Chỉ có những kẻ không chọn lựa mới thờ ơ ; còn họ, sự chọn lựa đau đớn làm cho họ bám chặt lấy lẽ phải của mình. Văn I. Silone đã nói đùa với Togliatti : " Cuộc tranh đấu cuối cùng sẽ là cuộc tranh đấu giữa đảng viên cộng sản và những người cộng sản cũ. " (1) Trước 1954, bên này đánh nhau với bên cộng sản bằng bom đạn tới bời mà không có một thành tích văn nghệ chống cộng. Trái lại phải chờ tiếng súng ngừng lại, khi ta có lớp người từ bên phía cộng sản về, khi ấy mới có một phong trào chống cộng trong văn nghệ. Và phong trào ấy chắc chắn là đặc điểm nổi bật nhất của thể hệ văn nghệ hãy gọi là trung niên, thể hệ trưởng thành trong kháng chiến mà khai bút sau này đình chiến.

Thực vậy, gần như không có một người văn nghệ nào thuộc hạng này mà không đề cập tới vấn đề Cộng sản và không bài xích nó, những người trong

các nhóm sáng tạo, Hiện đại, cũng như trong các nhóm Quan điểm, Tự do, cùng những người không ở một nhóm văn nghệ nhất định : Nguyễn Mạnh Côn, Chu Tử v.v.. Cái tâm tình sôi nổi, cái nhiệt tâm ào ạt, nỗi phần nộ, niềm thiết tha của lớp này hình như có làm cho lớp già ngỡ ngàng, cảm thấy sự lạc lõng của họ và ngừng bút. Sự ngưng nghỉ của lớp già ở xứ ta có lẽ có thể giải thích bằng cách ấy chứ không phải bằng lý do tuổi tác. Đã yếu kém gì đâu các ông Vi Huyền Đắc, Đỗ Đức Thu, Quách Tấn, Bàng Bá Lân v.v.. Các ông nói cười còn rang rang, hội họp với anh em vui vẻ phải biết ! Những nhà văn Tây Phương cỡ tuổi này còn sung sức biết mấy.

Hai lớp người trước trong văn nghệ đã xa cách nhau, đến lớp sau này, lớp trẻ, cũng không hề giống những kẻ đàn anh kẻ mình. Những anh em trẻ này, có người ở bên phía kháng chiến theo gia đình về, có người lớn lên trong các đô thị, ở phía bên này; nhưng dù sao cái việc hiện thời họ có mặt ở bên này vì tuyến 17, không phải là việc do tự họ chọn lựa. Họ không chọn lựa chế độ, họ không phải băn khoăn nhiều về chỗ ấy ; bởi vậy vấn đề chủ yếu đối với họ không phải là vấn đề đã ám ảnh gần trọn một sự nghiệp trước tác của Nguyễn mạnh Côn chẳng hạn, Vả lại, dù trước đây họ có sống bên phía cộng sản chẳng, thì họ cũng nhìn xã hội bên ấy

1) *The god that failed* của Richard Grossman. Bản Việt dịch của nhà xuất bản Bình minh (1952) có nhan đề **Tình mộng**.

với đôi mắt trẻ thơ, họ đâu có đi sâu vào những thủ đoạn tàn ác, những âm mưu đen tối bần tiện chỉ có "người lớn" biết với nhau ! Họ không thể nổi tiếng tiếp lời lớp trước kể họ, nếu nói theo họ sẽ nói yếu đuối hơn.

Vấn đề chủ yếu của họ là thế này : lớn lên họ cũng như bất cứ ai mong được sống giữa một xã hội tốt đẹp, được có những giá trị vững chắc để tin tưởng, để yên tâm xây dựng cuộc đời mình cùng tương lai dân tộc. Thế nhưng xã hội quanh họ thực còn xa tình trạng mơ ước, các người có trách nhiệm lãnh đạo quốc dân đã lầm lỗi nhiều quá, đáng trách nhiều quá để có thể được tiếp tục tin cậy, các giá trị tinh thần bị đảo lộn, tương lai dân tộc không có gì sáng sủa, nhìn vào đâu họ cũng thấy hoang mang. Họ viết là để nói lên mối hoang mang ấy. Có người bất bình về những bất công xã hội (Nhật Tiến), có kẻ kêu lên nỗi đau khổ của lớp người bơ vơ, lớn lên không tin tưởng giữa một cuộc sống không định hướng (Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn), có người muốn chìm trong nhục dục một cách phũ phàng những nỗi bức dọc đối với một đời sống bế tắc (Thế Uyên), có người bức dọc vì dân tộc bị dính vào một cuộc chiến tranh dằng dai, không lối thoát, càng ngày càng rắc rối, phiền phức v. v. ...

Sau thế chiến thứ hai, người ta thường nói tới hai chữ hoang mang. Nhưng ở Việt Nam ta thì mãi đến thế

hệ sau chót này mới gặp tâm trạng ấy. Lớp già, trước thời cuộc, phần lớn tỏ vẻ điềm nhiên yên phận. Lớp trung niên thì có thái độ tham gia hết mình. *Đem tâm tình viết lịch sử, Đem già từ Hà nội, Ba sinh hương lửa v.v...* đều là những tiếng phản đối đối với chế độ bên kia, phản đối thật tích cực. Những con người quyết tín như vậy không thể hoang mang. Nhưng đến lượt những anh em tiếp sau họ một bước thì không còn đâu là thái độ quả quyết ấy nữa.

Nói vậy không phải cho rằng đến thế hệ này là hết ý thức chống cộng. Vì yêu chuộng tự do, vì ghét sự tàn bạo, vì tinh thần đồng đội của những phần tử cùng trong một tập thể ở về bên này giới tuyến, họ quyết tâm bảo vệ miền đất bên này. Tuy nhiên khi nước chưa đến chân thì đó không phải là vấn đề ám ảnh tâm trí họ.

Sự phân biệt ra ba lớp người với ba tâm trạng có lẽ dễ gây thắc mắc. Lớp già đã trưởng thành trước 1945, nhưng rồi họ cũng trải qua thời kháng chiến, cũng mất thấy tai nghe và cũng tham dự vào những biến cố mà lớp trung niên chứng kiến và tham dự, cái gì ngăn cản họ không cùng có những cảm nghĩ như lớp trung niên ? Rồi lớp trung niên, sau này đến lượt họ lại cùng sống trong hoàn cảnh xã hội có nhiều vấn đề nan giải, cái gì lại cũng ngăn cản họ không cùng có những băn khoăn giống như lớp trẻ ?

Trước mọi suy luận, hãy đề thực tại trả lời. Thực tại là sau khi đất nước bị qua phân, chia thành hai phía đối địch, trong số hàng triệu người di cư từ Bắc vào Nam, những tác giả như Vũ Hoàng Chương với Bằng Bá Lân chẳng hạn sao cho khỏi quan tâm đến hiện tượng chính trị đó? Nhưng mỗi đau lòng của lớp ấy là chỉ đề thỉnh thoảng có một bài thơ « nhớ về cố đô », « thương về Hà Nội xa xưa » v.v. . Nó khác xa bao nhiêu với những nỗi niềm suy tư, dằn vặt, thấm thiết và phức tạp của Nguyễn Mạnh Côn trong *Đem tâm tình viết lịch sử* chẳng hạn! Rồi lại sau này, trước những biến cố từ 1963 đến nay, lớp già cũng có xúc động chứ, nhưng xúc động là đề có mấy vần thơ *Lửa từ bi* rất trau chuốt. Những lời nắn nót đẹp đẽ đó cũng khác xa với sự sôi nổi của Thế Uyên trong *Mười ngày phép của một người lính* hay của Dương Nghiễm Mậu trong *Đêm, Ngoài đêm* v.v...

Tại sao vậy? Lẽ dĩ nhiên không phải rằng lớn lên người ta mất dần tinh thần trách nhiệm, đề rồi thua sút lớp bé. Khi cần đến, Nhất Linh vẫn đóng góp cả tính mệnh vào việc nước. Nhưng dường như mỗi đời người chỉ có một thời kỳ quan trọng, đó là cái thời mười chín, đôi mươi, cái tuổi hoa niên. Lúc ấy, đã đắm vào sự say mê nào là ta dồn tất cả tình cảm trí lực vào đó và biến cố ấy không thể quên được. Mỗi tình đầu bao giờ cũng là mối tình đậm đà nhất. Đối với thế hệ trung

niên ở ta, họ đã bị cuộc cách mạng 1945 phá trình về tinh thần, họ đã ăn ở chung chạ với kháng chiến trong ngót mười năm; về sau họ còn biết xúc động nào hơn?

Trong truyện *The laeder of the people* của John Steinbeck một ông cụ già cứ nói mãi về câu chuyện ngày xưa ông xông pha băng đồng, tiến về phương Tây, đánh nhau với tụi Da Đỏ v.v..., nói mãi nói mãi không biết đến mấy trăm lần, làm cho con rề trong nhà bực mình.

xXx

Nhưng làm sao được! Hoa kỳ rồi tiến tới kỷ nguyên kỹ nghệ tân tiến cực kỳ oanh liệt, nhưng đối với ông già lắm cầm nọ thì những cái đó đều không đáng nói tới, đối với ông chỉ có thời kỳ chinh phục miền Viễn Tây đánh nhau với tụi Da Đỏ là nhất!

Mỗi lớp người chỉ có một vấn đề chủ yếu. Đối với văn nghệ sĩ, điều đó càng rõ rệt hơn. Bởi vì sáng tác không phải chỉ dùng lý trí, mà còn vận dụng cả tình cảm thiết tha, cả những kinh nghiệm sống, cả những kỷ niệm tích

Kẹo Chuối « ANH-ĐÀO »

NGON, BÒ, VỆ SIHH

Tổng phát hành : 87D, Phát-Diệm
SAIGON

XIN CHÚ Ý : Cần đại lý khắp nơi ở
Sài-Gòn cũng như ở các tỉnh.

lũy tậ trong tiềm thức, v.v... Có ý thức chống cộng không đủ làm một sáng tác phẩm chống cộng, ý thức về sự hoang mang của một thể hệ không đủ làm nên sáng tác phẩm nói lên nỗi hoang mang. Có ý thức còn cần phải có chất liệu để làm nên tác phẩm, Chất liệu do đời sống đem lại cho mỗi lớp văn nghệ sĩ của ta khác nhau, cho nên họ viết ra những tác phẩm cách biệt nhau. Và họ cũng ít thưởng thức được nhau.

oOo

Nhìn vào cảnh trạng xã hội ta ngày nay ai cũng nhận thấy hiện tượng phân hóa lung tung. Người người như đứng dưới chân tháp Babel, nhiều tiếng nói mà ít tai nghe. Gần đây, sự chia rẽ trầm

trọng quá, chúng ta không ngớt kêu đoàn kết, đoàn kết. Nếu mà rồi có đoàn kết được thì việc này cũng chỉ có nghĩa là nhường nhịn nhau, hợp lực với nhau để chung lo việc nước. Cái đoàn kết ấy mới chỉ giải được vấn đề chính trị. Về phía văn nghệ, chúng ta ước ao một sự cảm thông rộng rãi và sâu xa hơn nhiều.

Có phải cái việc thiếu điều kiện cảm thông ấy cũng là một lý do khiến mấy năm nay sách sáng tác của ta không bán được nhiều, việc xuất bản gặp khó khăn, văn nghệ chậm phát triển ?

tháng 4-1966

VÕ PHIẾN

ĐÓN ĐỌC

HOA NANG

tạp-chí đặt lại căn nguyên tư-tưởng Đông Tây

phụ trách mỹ thuật : họa sĩ Vinh-Ấn

thư ký tòa soạn : cô Phương-Anh

chủ trương biên tập : Nguyễn-Thái

và Phạm-công-Thiện

phát hành trong tháng 5 với sự cộng tác của những người ở Paris qua các bài :

- Đánh giá tư-tưởng phá-sản của Arthur Koestler
- Đánh giá thần học phá-sản của Albert Schweitzer
- Đánh giá sự học-vấn của Nguyễn-văn-Trung
(phê-bình luận án tiến-sĩ triết học)
- Bất tạo động của tư-tưởng
- Đặt lại nguyên-thề của Chính-trị
- Niềm cầu trước Hội Hòa
- Triết-lý của Việt-Nam và cho nhân loại kể từ 10 năm sau
- Trời tháng Tư (tiểu-thuyết)
- Mặt trời đầu hạ (tiểu-thuyết)
- và nhiều truyện ngắn, thơ, kịch khác...

thư từ và bài vở, xin gửi về :

Cô PHƯƠNG ANH

8, rue Guy de la Brosse
Paris 5^e (France)

NGỌN ĐUỐC NÀO

Tôi ngồi đó thân già như cò thụ
nỗi cô-đơn làm chảy máu tâm-hồn
Quá khứ đỏ trong từng đêm thức ngủ
và bây giờ lòng cũng lủ a vây quanh

Các anh đã một hai người ngã xuống
tay còn thơm mùi giấy mới học trò
Có ngọn nước nào làm xanh đồng ruộng
bằng giọt máu hồng anh đã trao cho ?

Quê hương vẫn trên một giòng nước mắt
bởi niềm đau lở-lói khắp thân mình
Bom đạn đó mảnh vùi sâu đáy đất
hoa màu nào đủ sức nhuộm cây xanh ?

Tôi khốn khổ nghe người khô rơm rạ
thêm một que diêm thấp cháy cầm hờn
Ước gì tôi thành ngọn đuốc giữa đường
soi sáng vết thương trên lòng đất mẹ

LỮ-QUỲNH

DÂN TỘC TÍNH

trong nhiếp ảnh Việt Nam

• PHẠM VĂN MÙI

Từ nhiều năm nay, Nhiếp-ảnh đương nhiên chiếm một địa vị quan trọng trong lãnh vực nghệ thuật thuần túy. Các Hội Nhiếp Ảnh được thành lập khắp nơi mang mục đích trau dồi và phổ biến nghệ thuật, với số lượng hội viên càng ngày càng tăng, đa số hội viên ấy đang hăng say trong tiến bộ về mọi phương diện, góp phần không nhỏ xây dựng lâu đài Nhiếp Ảnh mỗi lúc một cao đẹp hơn. Các cuộc triển lãm quốc gia và quốc tế được tổ chức thường xuyên tại khắp nơi trên mặt địa cầu, quy tụ những tác phẩm càng ngày càng hay, lạ, trưng bày những hình ảnh vô cùng phong phú từ hình thức đến nội dung, diễn đạt cả những ý tưởng hết sức tế nhị, thâm trầm, cao xa, gây cảm hứng không ít cho mọi giới khán giả. Vì thế những quan niệm sai lầm đặt nhẹ giá trị của nhiếp ảnh không còn nữa ; trái lại, nhiếp ảnh đã chứng minh, về chiều cao không thua kém gì hội họa và các bộ môn khác, qua những tác phẩm bất

hủ của Brassai, Edouward Weston, Léopold Ficher, Ernst Haas, Yuself Karah, Nguyễn-cao-Đàm, Nguyễn-mạnh-Đan, Lê-anh-Tài, Phạm-văn-Mùi v.v... ; về chiều rộng thì thực đã đi xa hơn, làm thỏa mãn đủ mọi giới, từ những văn nghệ sĩ sành sỏi, khó tính nhất, đến thành phần đại chúng chất phác, từ lứa tuổi cao đến các em nhỏ, từ các đô thị hoa lệ đến các làng xa xôi.

Nhiếp Ảnh còn được trao phó nhiệm vụ quan trọng, cao cả mà không ai ngờ đến.

Họa sư Henri Matisse xác nhận giá trị tả chân của nhiếp ảnh, nó nói :

« Nếu ta muốn ngắm một cảnh vật nào một cách hoàn toàn bình thản, vô tư, thì chính nhiếp ảnh giải quyết cho ta vấn đề ấy.

« Khi nào tôi muốn rũ bỏ tất cả những ảnh hưởng làm cho cảnh thiên nhiên không diễn tả được đúng thực

trạng của nó, tôi bèn chép theo những bức ảnh:

« Cảm nghĩ của chúng ta thường bị hạn chế, hướng dẫn bởi tư tưởng của họa sĩ gói gắm trong tác phẩm của họ, còn tài liệu nhiếp ảnh trình bày xác thực, không chút thiên vị.

« Nhiếp ảnh tách rời hẳn hai loại tác phẩm hội họa: họa tả ý và họa tả chân. Đặt cạnh nhiếp ảnh thì họa tả chân không còn chỗ đứng vững chãi như xưa kia nữa ».

Brassai thì nhận định khả năng diễn tả của nhiếp ảnh trên phương diện nghệ thuật như sau :

« Nhiếp ảnh được phát minh với sự màu nhiệm của nó, làm cho việc ghi lại cảnh vật thiên nhiên do mắt ta nhìn thấy không còn chỉ qua sự diễn tả của các họa sĩ, tất nhiên có thể còn mang ý thức chủ quan khác với vật kính vô tư.

« Nhiếp ảnh còn ghi lại cảnh vật dưới mọi khía cạnh, bộc lộ được những mới lạ mà ta chưa từng thấy. Đặc biệt là không một đề tài nào đã bị khai thác đến triệt để kìm hãm ta không còn tìm ra những tính cách mới chưa được khám phá. Chính sự bộc lộ được những vẻ đẹp kín đáo, chưa ai nghĩ đến, làm cho những gì tầm thường trở nên phi thường mà nhiếp ảnh mang đến cho sự tầm thường ấy một thi vị đặc biệt dẫn đến nghệ thuật thuần túy ».

Ernst Haas lại trao phó cho nhiếp ảnh vai trò quan trọng hơn, phục vụ khoa học và lý tưởng :

« Mắt kính thu ghi tất cả thực trạng của sự sống, ngay từ khi sự sống ấy mới thành hình, từ hạt nguyên tử li ti đến những chòm sao vĩ đại trong không gian xa vời, nó làm cho con người nhìn thấy cả những gì nếu không nhờ nó thì không thể thấy được.

« Nhưng nếu nhiếp ảnh chỉ hướng vào việc khám phá những sự xa lạ, nếu nó chỉ mang đến trước mắt ta những gì ta chưa nhìn thấy, từ vật chuyển động nhanh vô cùng đến vật nhỏ bé vô cùng hoặc đến vật xa xôi vô cùng, mà sao lãng việc tìm hiểu « Con Người » thì nó chưa làm tròn sứ mạng của nó.

« Hình ảnh do nhiếp ảnh cung cấp phải là một « Thế-Giới-Ngữ » giao nối giữa Người và Người, hòa giải nhân loại đang bị chia rẽ trầm trọng, làm cho Con Người biết yêu mến hành tinh trên đó Con Người sinh sống, và lôi kéo Con Người trở về với « Quê Hương Chung » mà Con Người đang vô tình làm cho dần dần trở thành hoang vắng ».

oOo

Chính vì yêu mến và kỳ vọng ở Nhiếp Ảnh nên các nhiếp ảnh gia đã mang hết tâm cơ trau dồi nhiếp ảnh, đã dùng nghệ thuật này để gói gắm vào tác phẩm tất cả những cảm nghĩ của mình với mục đích cao cả phục vụ cho một lý tưởng.

Hồi tưởng lại một giai đoạn khó khăn và cũng là giai đoạn quan hệ nhất mà các anh em nhiếp ảnh chúng tôi đã qua,



HÌNH TRÊN : Lá trầu (Nguyễn Cao Đàm)

HÌNH DƯỚI : Vết thương (Lê Anh Tài)

chúng tôi không khỏi hết sức vui mừng và thăm cảm ơn vị Thần Văn-nghệ đã dìu dắt chúng tôi vạch ra được con đường đi đúng hướng, khang-trang, để theo dọc đường đó chúng tôi đã hái được những hoa quả tốt đẹp như ngày nay, và còn mong sẽ theo chiều hướng ấy mà đi xa, đi xa mãi, đến một chân trời toàn vẹn.

Hồi ấy năm 1950, sau một thời-gian, dài xếp máy vì thiếu thốn vật-liệu, tản cư vì chiến-sự, chúng tôi tập hợp lại ở Hà-Nội, lập thành mấy nhóm, tổng số chưa tới 20 người.

Chúng tôi đã cương-quyết nhận lãnh trách nhiệm.

— Mục-dịch thứ nhất là làm sống lại phong-trào nhiếp-ảnh trước kia đã có một thời sôi động do hai bạn tiên-phong Võ-An-Ninh và Lê-Đình-Chữ làm tiêu-biểu.

— Mục-dịch thứ hai là vạch ra một đường đi cho nhiếp-ảnh nói chung và nhất là nhiếp-ảnh Việt-Nam nói riêng.

Trong mục-dịch thứ nhất, chúng tôi đã làm việc như người nhịn đói lâu ngày được ăn, hăng say trước những đề-tài phong phú trong khung cảnh thanh-bình của phần đất nước do Chính-quyền Quốc gia kiểm-soát, hăng say vì muốn tái lập bộ âm-bản súc-tích đã bị thất lạc hay hư hỏng trong những ngày tao loạn.

Những cuộc họp mặt gần như hàng ngày sau giờ làm việc; câu chuyện nhiếp ảnh, đầu đề cho cuộc bàn cãi

được mở xẻ dưới mọi khía cạnh, liên-miên bất tận.

— Nào là nhắc nhở lại những buổi Triền-lâm, Thi Ảnh đã được tồ-chức trước kia tại khu đấu-xảo Maurice Long, tại Phủ Thống-Sứ Bắc-Kỳ, tại Hội Tri-Tri, vân vân..., mặc dầu còn hẹp-hòi, nghèo-nàn, với nhiều bức ảnh còn mang nhiều khuyết-diểm, nhưng cũng đã gây được một phong-trào chơi ảnh hào-hứng, làm nảy nở những tài-năng mới.

— Nào là phê-bình, tán-thưởng, chê trách những tác-phẩm trưng bày trong các cuộc triền-lâm trước. Những tác-phẩm ấy như còn treo ngay trước mắt :

— « Bến Đò Dọc » dưới tam-quan Chùa Ngoài Hương - Tích của Võ-An-Ninh, tiền cảnh là dãy cây đại trơ cành không lá, đề tài chính là đám đông thuyền tam-bán hình thoi nhẹ-nhàng, điều khiển bởi những cô gái quê co thân hình mảnh-mai, duyên-dang với chiếc nón lá cne dẫu. Ngăn ấy con thuyền đều được hướng vào một điểm : bến đò do những tảng đá xếp thành và nối liền với đường đi lên Chùa là những bậc đá dầy khách hành hương. Thêm ánh nắng chếch, trái sáng làm nổi bật thề-chất của đá và cây tại tiền-cảnh tạo nên sức diễn-tả rất mạnh, đường nét mạnh ấy lại được xoa dịu bằng hình dáng uyển-chuyển, bay bướm của những con thuyền nho nhỏ, xinh-xinh.

— « Đèn Ngọc-Sơn » của Dương-Quý nằm ẩn trong bóng cây Si, sau những chùm

rễ buông thông như bức màn thiên tạo. Thân cầu Thê-Húc cong như cầu vồng và hàng lan-can duyên dáng dẫn dắt nhõn quan khán giả đi từ khóm cây đến Chùa. Tất cả tạo nên một khung cảnh thơ mộng, gợi lên một cảm-giác nhẹ nhàng.

— « Bà và cháu » của Văn Anh tả một cảnh gia đình ấm cúng làm cho khán giả được chia sẻ nỗi hân hoan của em bé mong đợi chiếc áo mới mà Bà Nội đang may, chia sẻ cả với Bà Nội lòng yêu đương vô bờ bến của tuổi già đối với đứa cháu nhỏ.

Những tác phẩm này vẫn còn ảnh hưởng sâu đậm trong tâm hồn chúng tôi, luôn luôn khuyến khích chúng tôi trên đường sáng tác.

Trái lại, chúng tôi vẫn còn cảm thấy buồn mỗi khi nhớ đến những ảnh phong cảnh của Vũ Văn Lai, trình bày với khổ lớn, đã không lẫn át được những ảnh khổ nhỏ hơn, mà ngược lại còn phô bày hết sự trống rỗng về nội dung và những khuyết điểm nặng nề về kỹ thuật.

Rồi đến những ngày nghỉ, dù chỉ là một ngày chủ nhật, chúng tôi cũng kéo nhau đi săn ảnh. Khi thì năm sáu người, khi thì trên mười người. Khi đi ngay trong thành phố, ra vùng ngoại ô ; khi đi xa đến tận Chùa Trầm, Chùa Trầm Gian, Sài Sơn, v.v...

Trong những buổi ấy, gặp cảnh gì cũng chụp, bấm máy không tiếc phim, ghi thu tất cả, từ ảnh tài liệu, nhân vật đến ảnh phong cảnh, hoạt động...



HÌNH TRÊN : Tâm tư (Phạm Văn Mui)

HÌNH DƯỚI : Học khuya (Nguyễn Cao Đàm)

Chỉ cần một thời gian ngắn để đưa chúng tôi đến Triển Lãm Nghệ Thuật Nhiếp Ảnh trong phạm vi quốc gia liền trong mấy năm 1952, 1953, 1954 và được tiếp tục mãi về sau.

Trong mục đích thứ hai, chúng tôi đã gặp nhiều khó khăn, vất vả.

Trước hết tìm hiểu nghệ thuật nhiếp ảnh Quốc Tế qua các cuộc triển lãm tại các quốc gia tiên tiến mà chúng tôi tham dự. Do đó, chúng tôi nhận được nhiều bài học quý báu, nhưng cũng không khỏi thất vọng khá nhiều vì nền nhiếp ảnh Nghệ Thuật thế giới cũng không khác chúng tôi bao nhiêu. Cùng trong tình trạng thể chiến thứ hai mới chấm dứt, nhiếp ảnh phát triển rất mạnh, chúng tôi say sưa trong rừng máy móc, dụng cụ và vật liệu được sản xuất với sáng chế tân kỳ, nhưng vẫn chỉ thu hẹp trong phạm vi kỹ thuật, như người tắm mát ngoài bãi bể rộng rãi, vùng vẫy cho bỏ những ngày giam mình trong chỗ chật hẹp, nóng bức, bơi quanh trên mặt nước bao la mà không hề có định hướng về đâu.

Tác phẩm nhiếp ảnh quốc tế hầu hết thuộc loại khách quan (photos objectives), chủ trương ghi nhận và trình bày hết vẻ đẹp hình thức, đường nét rõ rệt, ánh sáng linh động, tương phản mạnh mẽ, bố cục vững chãi, diễn tả một sự việc cấu tạo bởi tài liệu xác thực do hóa công xếp đặt hay con người xây dựng. Nhiếp ảnh gia khi thu hình và tạo hình cần tự quên mình, nhìn cảnh vật hết sức bình thản, vô tư dùng trí óc sáng suốt về thẩm mỹ, nhận xét có thứ tự, khoa

học, đề nghiên cứu đề tài. Như vậy tác phẩm sẽ diễn tả hết sức trung thực trạng thái của cảnh vật, dành cho khán giả toàn quyền thưởng thức. Một tác phẩm này ví như giò hoa glaiêul, chùm hoa phong lan, đóa hoa phù dung, thực là lộng lẫy, duyên dáng, hấp dẫn.

Loại ảnh khách quan tuy rất đẹp, có giá trị nghệ thuật thật cao, nghệ thuật thuần túy, nhưng chưa làm thỏa mãn một đầu óc Đông Phương, đầu óc Việt Nam, vốn dĩ thuộc giòng giống đa cảm, từ ngàn xưa, sống trong nghèo nàn, trong hoàn cảnh thiên nhiên khắc nghiệt, luôn luôn phải tranh đấu để bảo vệ giống nòi, được hun đúc nên một tinh thần yêu nước sâu xa, một tính tình hào hùng, bất khuất nhưng vẫn yêu chuộng hòa bình và giữ gìn đạo đức. Đầu óc ấy muốn có những bông hoa không những có sắc mà còn phải có hương, một mùi hương nồng nàn, quyến rũ, tế nhị hơn nữa, một mùi hương nhẹ nhàng, thanh khiết, kín đáo, như hương lan mệnh danh là «Quân tử chi hương».

Sau nhiều cuộc thảo luận thực là sôi nổi, kéo dài nhiều ngày tháng, chiều hướng của bộ môn nhiếp ảnh được quy định như sau :

Điều thứ nhất.— Tác phẩm nhiếp ảnh, ngoài những tính chất hình thức căn bản và tối thiểu về kỹ thuật, mỹ thuật, còn phải chứa đựng một nội dung vững chắc, bao hàm một ý nghĩa, diễn tả một tư tưởng, mang một triết lý cao đẹp để có thể phục vụ toàn vẹn nghệ thuật.

Điều thứ hai.— Minh định nội

dung cần có trong một tác phẩm nhiếp ảnh bao gồm những gì ?

Ưu điểm của mỗi dân tộc trong nghệ thuật đều bắt nguồn trong văn hóa của dân tộc ấy.

Dân tộc Việt Nam tự hào có một nền tảng văn hóa vững chãi từ 4.000 năm, vững chãi đến độ dù bao phen bị lung lay bởi ảnh hưởng và sự lấn át của hai nền văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa và sau cùng của văn hóa Pháp, nhưng vẫn không hề bị suy sụp, trái lại còn biết thâm lường những ưu điểm của văn hóa bạn mà xây dựng, tô điểm cho văn hóa cổ truyền dân tộc càng thêm phong phú, giữ nguyên được những đặc sắc của nó về cả tâm lý và tinh thần. Cho nên, qua bao phen lệ thuộc nước Trung Hoa, gồm lại trên 1.000 năm, dưới một chính sách đô hộ tàn khốc, mục đích là để tiêu diệt một nước láng giềng nhỏ bé cho đồng hóa với họ, cái quốc gia nhỏ bé của chúng tự biết rằng muốn bảo tồn dân tộc phải bảo tồn văn hóa, văn hóa dân hóa dân tộc còn thì quốc gia còn, là linh hồn của dân tộc vậy.

Kho tàng văn hóa Việt Nam thực là vĩ đại, có một sắc thái riêng biệt, không giống chút nào với văn hóa các nước láng giềng. Vậy thì những chi tiết của kho tàng ấy sẽ cung cấp cho bộ môn nhiếp ảnh Việt Nam bao đề tài quý báu, xây dựng một căn bản vững chắc cho phần nội dung, miễn sao các bạn nhiếp ảnh đủ nhiệt tâm khai thác, với một kỹ thuật điêu luyện, thêm một tâm hồn nghệ sĩ.

Theo lý luận trên thì tác phẩm nhiếp ảnh Việt Nam, muốn đạt được kết quả tối đa phải mang một màu sắc riêng biệt, màu sắc của dân tộc, một « Dân tộc tính ».

Điều thứ ba.— « Dân Tộc Tính » trong nhiếp ảnh Việt Nam là gì ?

— Chiếc nón lá cỏ truyền che đầu cô lái đò ngang,

— Tấm khăn vuông mỏ quạ ôm ấp khuôn mặt trái soan,

— Tà áo tứ thân tung bay trước gió,
— Đôi mắt bồ câu, vành môi cắn chỉ,
— Cổng tam quan hình bút trước ngôi chùa,

— Một góc đình mái cong hình rồng,
— Hình cô thôn nữ dệt vải, quay tơ,
— Cảnh Tết trong làng : Cây nêu cao vút.

Lá cờ đuôi nheo trên cành đa cổ thụ,

Buổi tế lễ ngoài đình,

— Khung cảnh gia đình : Ngày Tết Nguyên Đán,
Lễ cưới hỏi,
Tang chế,

— vân vân...

Một bức ảnh ghi được một hay nhiều chi tiết ấy đã đủ diễn tả được « Dân Tộc Tính » chưa ?

Không ai phủ nhận rằng những chi tiết này có mang rõ rệt màu sắc dân tộc. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh cũng nhận rằng chi tiết này rất cần thiết

nhưng chưa phải là tất cả, chưa đủ để tự nó nói lên được « Dân Tộc Tính ». Nó chỉ giúp cho nhiếp ảnh một hình thức cấu tạo nên một bức ảnh có một ý niệm gợi cảm, một nhắc nhở về đề tài. Nó còn thiếu một điều tế nhị hơn, cao xa hơn, trừu tượng hơn, hấp dẫn hơn, một điều căn bản thuộc về tinh thần, không thể không có. Đó là phần hồn, cái « Hồn Dân Tộc ».

Vậy thì những gì mới là cần thiết để phản ánh được « Hồn Dân Tộc » ?

« Hồn Dân Tộc » trong một tác-phẩm nhiếp-ảnh cũng như linh hồn của con người, nó vô hình, nó là sự liên-kết của những yếu-điều chứa đựng trong tác-phẩm, nó là tất cả những cái đẹp, cái hay, cái hấp-dẫn; cái sức diễn-tả, cái tinh-túy, đều tiềm ẩn ở chung một chỗ mà chỉ linh hồn con người mới thông-cảm, mới nhận thấy. Cụ thể hơn, nó là sự dung hòa của đường nét, của khối-lượng, của ánh sáng, của sắc điệu, của bố-cục, thêm một ý-nghĩa, một cảm giác, một tâm hồn, mà sự dung hòa tới mức tinh-vi để kết tinh lại thành một, một sức sống rạt-rào, mang nặng sắc thái Việt-Nam. Nó nhẹ hơn bông, sộp hơn mây, trong hơn nước suối, nó toát ra ngoài khuôn khổ bức ảnh; nó không cho ta sờ nắm được, không cho ta nhìn thấy được bằng con mắt tục, nhưng cho ta cảm thấy, cảm thấy thật rõ-rệt, như nó đã xâm nhập vào tâm hồn, thấm nhuần trong cơ-thể, nó chiều theo hướng suy-tư của ta, ta nghĩ gì, nó làm cho cảm nghĩ ấy sáng tỏ hơn lên. nó cho ta thêm hứng-khởi

và giúp cho luồng tư-tưởng thêm phong-phú, nó cùng với linh hồn ta nhập lại làm một, nó là ta, ta là nó vậy.

Một tác-phẩm nhiếp-ảnh đã mang được phần nào « Dân Tộc-Tính » đều bao gồm được hai yếu tố chính :

1/ — Sự thông-cảm

2/ — Sự trở về nguồn.

Sự thông cảm. — Những chi-tiết mà nghệ-sĩ nhiếp-ảnh ghi trên tác-phẩm phải hấp-dẫn, có sức truyền-cảm đặc-biệt, gói ghém một nội-dung súc-tích. Những chi-tiết này sẽ ảnh-hưởng đến ký-ức và trí tưởng-tượng của khán-giả để gọi lên trong tâm-tư một ý-nghĩa, nhắc nhở một kỷ-niệm, làm cho cảm nghĩ của tác-giả và khán-giả gặp nhau. Nếu khán-giả là đồng-bào, họ sẽ cảm thông tức khắc và nhận thấy ngay những nét đặc-biệt thuộc nền văn-hóa cổ truyền, mà say sưa thưởng-thức và sẽ được thỏa-mãn về hai phương-diện : nghệ-thuật và lòng yêu nước. Người ngoại quốc ngắm những bức ảnh cũng nhận xét thấy ngay những nét đặc-biệt của một dân-tộc, những nét khác lạ mà họ chưa từng thấy trong văn-hóa của họ. Những nét đặc biệt ấy có hiệu lực kích-hích mạnh buộc họ so sánh và thấy thích thú vì đã hiểu được phần nào dân-tộc bạn mà họ tới thăm. Thử hỏi có người ngoại quốc nào đặt chân tới nước ta mà không lưu ý tìm hiểu nước qua những nét độc-đáo của dân ta ? Có dịp phô bày những tinh-hoa của dân-tộc thì làm sao, mang danh là một nghệ-

sĩ, ta có thể bỏ qua được.

Sự trở về nguồn. — Văn-hóa cổ truyền của dân tộc Việt-Nam hết sức súc-tích, người nghệ-sĩ nói riêng và người công-dân nói chung luôn luôn khao khát có thể khai-thác thêm những gì tinh-túy, những gì đặc-biệt khả dĩ nói lên tính chất thật của dân-tộc.

Những tác-phẩm nhiếp-ảnh « Trở về nguồn » đã đành đề gây thông cảm, nhưng phải diễn-đạt được thực-trạng cổ hữu, không pha trộn, làm cho khán-giả như cảm thấy trở về mái nhà xưa sau một cuộc phiêu-lưu trở về với quê-hương, cái quê-hương tinh-thần luôn luôn tiềm ẩn trong nền văn-hóa dân-tộc.

Người nghệ-sĩ nhiếp-ảnh tạo được hình ảnh « Trở về nguồn » đã làm tròn sứ mạng lôi kéo những người con thân yêu trở về với Mẹ Tổ-Quốc, nấp dưới bóng Mẹ để xây dựng, hiến cho Mẹ một lâu-đài khang-trang hơn, đền bù cho Mẹ bao nhiêu năm tháng lầm - than, vất-vả.

Điều thứ tư. — Đã minh-định như vậy, thì người nghệ-sĩ nhiếp-ảnh phải đặt tiêu-chuẩn thế nào để bắt tay vào việc, ngõ hầu thực-hiện được đường lối ấy ?

— 1 Trước hết phải nắm vững phần kỹ-thuật : kỹ-thuật thu hình và kỹ-thuật phòng tối. Nên chưa sáng tạo được một kỹ-thuật riêng biệt, thì phải biết chọn trong rừng kỹ-thuật đã và đang được phổ-biến, miễn sao kỹ-thuật áp-dụng hợp với đề-tài diễn-tả được hết ý-tưởng.

— 2) Phải hiểu thấu-đáo về mỹ-thuật, biết phân biệt rõ rệt giá-trị mỹ-thuật của mỗi bức ảnh. Phải biết nhìn ngắm cảnh vật để khai-thác cả những vẻ đẹp nhiều khi rất kín đáo. Người nghệ-sĩ nhiếp ảnh thường quan-niệm rằng những vẻ đẹp mà người thường đều nhận thấy thì chỉ là cái đẹp tầm thường. Chỉ con mắt người nghệ-sĩ mới khai-thác được ở những cảnh vật rất thường để tạo ra những tác-phẩm rất đẹp, làm cho mọi người xem ảnh phải ngạc-nhiên, thán phục. Chính vì biết tạo những cảnh tầm thường thành phi thường mà nghệ-sĩ đã đưa nhiếp ảnh đến tột đỉnh nghệ-thuật.

Trau dồi kỹ-thuật cũng như tự luyện năng khiếu thẩm mỹ không thuộc phạm-vi đề-tài buổi nói chuyện này, xin cho miễn đề-cập đến.

— 3) Phải tập luyện cho tâm hồn được phong-phú, nhạy cảm, như tâm hồn các thi-sĩ, văn-sĩ, nhạc-sĩ, văn nhân...

— Người thi-sĩ bình-dân nơi thôn dã tả cảnh cô gái quê hi-hục tát nước trong đêm trăng chỉ bằng ít lời mộc-mạc tự-nhiên :

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi,

đã làm cho một việc lam lũ, tầm thường mà người dân quê coi là bần phận hàng ngày, còn thường than thân phận hẩm hiu, vất vả, trở thành một cảnh đẹp, mang một chất thơ vô cùng tao nhã, một cảnh sắc tràn ngập ánh sáng lung linh, huy hoàng.

Và còn bao nhiêu thi sĩ trứ danh, trong phút cao hứng, đã để lại cho hậu thế những lời thơ bất hủ.

Vương Bột nhìn cảnh chiều mùa thu, một con cò bay ngang trời, trên mặt biển bao la, đã thốt ra :

Lạc hà dữ cô vụ tề phi,

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.

Nguyễn Du thường tả những cảnh hết sức đơn sơ, mà đã gợi bao ý tưởng nhẹ nhàng, êm dịu :

Cỏ non xanh rợn chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

hoặc :

Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Nhạc sĩ Phạm Duy, với một tâm hồn súc tích và một tấm lòng tha thiết với quê hương, đã viết những lời tâm ca thấm thía :

Cửu long Giang,

Gió về vui trên sóng sông

Uốn quanh như chín con rồng

Ôm chặt đũa con cánh đồng lúa chín

Từ ruộng đồng xanh ngát thần tiên,

Từ biển vàng lời ca vượt sóng lên ngàn

Người nghệ sĩ nhiếp ảnh, nếu không được trời phú cho thì cũng phải cố tự tập luyện lấy một tâm hồn lúc nào cũng cởi mở, cảm hứng luôn luôn sẵn sàng bật phát. Triệt để sử dụng phong cảnh, nhân vật, tình vật hay ghi lại những sinh hoạt nhân dân, để gởi gắm vào đó

ít nhiều cảm nghĩ chân thành của mình, tạo cho tác phẩm một sức sống động, chứng minh cho thiên hạ biết rằng « Tâm hồn của người nghệ sĩ nhiếp ảnh là một tiếng vang, đồng thời phản ánh cả những vẻ đẹp của thiên nhiên và những rung cảm của nội tâm mình nữa ». Với tâm hồn ấy, với lòng chân thành phục vụ nghệ thuật thì tác phẩm tạo ra ắt hẳn cũng sẽ giản dị, đơn sơ, nhưng chứa đựng một nội dung sâu sắc, kín đáo, bao hàm được cả chất thơ, lời văn, điệu nhạc.

— 4) Biết khai-thác những sắc-thái của dân-tộc dưới mọi hình-thức, với một tấm lòng yêu nước thiết-tha. Làm sao nói lên cho thế-giới hiểu biết dân-tộc ta qua tác-phẩm nhiếp-ảnh, ghi lại chân-dung một nông-dân, một bạn chài với những khuôn mặt rám nắng, khắc-khò, âu-lo, hy-vọng, trên đó lịch-sử để lại những nét hằn ngang dọc lớn lao. Làm sao nói lên nếp sống căn-củ ở nơi xóm làng, nghèo mà vui, lúc nào cũng tôn-trọng đạo-đức và hòa-bình. Nói lên ý-chí bất-khuất của dân-tộc bắt nguồn từ trong lịch-sử ngàn xưa. Nói lên lòng yêu quê-hương của người nông-dân chân lấm tay bùn, luôn luôn gắn bó vào mảnh đất của ông cha để lại, không hề bao giờ mong làm giàu để hưởng một đời sống vật-chất xấu xa.

oOo

... Những lời phê-bình chân-thành tác-phẩm nhiếp-ảnh Việt-Nam qua báo chí Tây-Phương đã là một phần thưởng tinh-thần quý báu, khuyến-khích chúng tôi rất nhiều trong bước tiến trên con đường đã vạch ra.

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Racisme et Métissage** (*Conférences: 1-9-1965 — 8-9-1965*) của Pierre Vieillard do tác-giả gửi tặng. Sách in ronéo một mặt, khổ 21 x 26.

— **Thân phận con người**, nguyên tác « Kappa » của Ryunosuke Akutagawa, bản dịch của Diễm-Châu, do tạp san Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 118 trang, giá 20 đ.

— « **Kinh-tế tự-do, Toàn dân sung-túc** », nguyên tác « Wohlstand Für Alle » của Ludwig Erhard, Thủ-tướng Cộng-hòa Liên-bang Đức, bản dịch của Phạm-thị Khánh-Trang, do tạp chí Mai gửi tặng. Sách dày 180 trang, tựa cho bản dịch tiếng Việt của L. Erhard, giá 150 đ.

Từ tháng 4 - 1966

Mời các bạn tìm đọc :

Tiếng Nói

Tạp chí vận động văn-học thật lực
số 1 : Tình cảnh nhà văn Việt-Nam
những năm 50 - 60.

— Tác-phẩm Việt đều đượm một vẻ đẹp huyền-ảo, đặc biệt Á-Đông.

— Tác - phẩm Việt-Nam gợi lên một cảm giác dịu nhẹ, mỗi tác-phẩm là một bà ithubơ.

— Tác-phẩm Việt-Nam biểu lộ một cá-tính đặc biệt nhờ sự tế-nhị mà không thiếu sức sống, một hồn thơ man-mác sau cảnh vật và cách bố-cục hoàn-hảo, hấp dẫn. Đề-tài đơn giản mà chứa đựng rất nhiều hồn, nói tên sức sống động bên trong mọi người, mọi vật.

— Hội-Trưởng Hội Nhiếp-ảnh Péri-

gueux, khi báo tin cho biết chúng tôi đã đoạt được Huy-Chương-Vàng trong kỳ Triển-Lãm Quốc-Tế 1964 tại Pháp, đã viết thêm như sau :

— « Việt-Nam đoạt huy-chương-vàng thật là xứng đáng. Riêng tôi được biết các bạn có một kho tài liệu vô cùng quý giá. Kho tàng ấy nằm rải rác khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê, từ rừng rú đến bãi biển, các bạn sẽ còn thành công nếu biết khai-thác đúng mức, kho tàng ấy chính là nền văn-hóa cổ truyền của các bạn ».

. . .

L.T.S. Trên đây là bài nói chuyện của nhiếp ảnh gia Phan-Văn-Mùi nhân buổi phát giải thưởng cuộc thi ảnh do Hội nhiếp ảnh Việt Mỹ tổ chức tại 55 Mạc đĩnh Chi Saigon vào hồi 8 giờ tối ngày 30-4-1966. Đề dẫn chứng những điều đã trình bày, diễn giả còn cho chiếu lên màn bạc một số tác phẩm nhiếp-ảnh mang ít nhiều màu sắc dân tộc của chính diễn giả và của các nhiếp ảnh gia khác như Nguyễn-Cao-Đàm, Lê-Anh-Tài... Mỗi hình chiếu lên đều được giới-thiệu nội dung dân tộc chứa đựng trong đó.

Ông Phạm văn Như là một nhà nhiếp ảnh Việt đã được rất nhiều giải thưởng, huy chương, bằng danh dự... trong những cuộc triển lãm nghệ-thuật nhiếp-ảnh quốc nội và quốc tế từ 1961 đến nay : Giải thưởng « Con sò vàng » tại V.N. (1963) ; Trophée vàng tại Pakistan (1962) Ba Tây (1962) : Huy chương vàng tại Chí-lợi (1962) Pháp (1964) ; Trophée bạc tại Tân-gia-ba (1962) ; Huy chương bạc tại Pháp (1962) Tân-gia-ba (1965) Trophée đồng tại Hồng-kông (1961 và 62) ; Huy chương đồng tại Đại-Hàn (1963) Ý (1964) Streamer tại Ba-tây (1962) Chí-lợi (1962) Bằng danh-dự tại Anh (1961) Pháp (1961) ; Anh (1962) Chí-lợi (1962) Đài-loan (1963).

TÌM ĐỌC

Tuổi Thơ

Tập truyện của LƯƠNG-THẾ-NAM
NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO PHÁT HÀNH

ĐƯỜNG VỀ

*Bay lên ta nhập huyền-trang
Đường ra cõi thế sen vàng nở hoa
Mắt em trắng hạt di-đà.
Khói hương chìm tiếng thịt da kêu buồn
Em nhòa nước mắt hơi sương
Lên cao lên mãi muôn phương ta về*

về đâu

*Vào trong lưu nhiệt trùng-dương
Rong rêu phù-thế vô-thường lãng-ba
Mù sương cuộc sống băng-hà
Tôi hiện sinh đứng khóc oà bến mê
Xin em bóng mát đường về
Cõi nào đây giữa bốn bề hư không*

Về đêm

*Em về xoa tóc trùng-dương
Đam mê cháy bỏng những đường nét cong
Tuổi thơ sóng vỗ ru hồn
Thuyền anh mê sốt chập chờn biên em
Đêm dài tóc rối buồn thêm
Trôi về đâu trong biển đêm hãi hùng.*

HUY LỰC

Hôn nhơn dị chủng

(Xin xem BK ID. từ số 215)

Nguyên nhân đi tới lý dị

Như bạn đã biết giới phụ nữ có chồng ngoại quốc thường được may mắn hơn nam giới. Trường hợp dưới đây thật là hiếm có, nhưng sở dĩ tôi kể cùng bạn là vì nhân vật chánh trong câu chuyện tự hào đã thu góp được nhiều kinh nghiệm trên sự đổ vỡ của nhiều cặp vợ chồng dị chủng, họ tự đặt cho mình nhiều câu hỏi, viện những lý do nào có thể làm lung lay được hạnh phúc của một cặp vợ chồng dị chủng rồi họ giải đáp được tất cả trước cha mẹ trong khi họ quyết liệt chống đối lại cha mẹ để tự tác thành hạnh phúc mà họ chắc chắn rằng mình sẽ giữ được nó cho đến lúc đầu bạc răng long.

Cô K. được cha mẹ đem sang Pháp từ lúc cô được 6 tuổi. Đã có quốc tịch Pháp, được hấp thụ nền giáo dục bên này, lại thích giao thiệp thường xuyên với bạn bè người Pháp nên tâm tính và phong cách cô K. chứng minh cô là người Pháp 90 phần trăm.

Cha mẹ cô tuy dân Pháp nhưng sống theo nề nếp một gia đình Việt Nam.

Một cô đầm Việt mà bị nhốt trong vòng tay của cha mẹ Việt Nam tồn cổ khiến cô K. lấy chồng ngoại quốc là một giải pháp ly khai với sự ràng buộc; lấy lại cho mình toàn quyền tự do về mọi mặt. Cô không thích có bạn người Việt nên trong 4 năm liền, cô nhất định chống lại cha mẹ về ý định chọn chồng Việt cho cô. Lấy chồng Việt, cô phải xếp cuộc đời vào bên trong gia đình, mất hết tự do của một phụ nữ Pháp thường có. Cô nghiệm thấy mình chỉ có thể tìm hạnh phúc nơi người chồng Pháp mà thôi.

Di nhiên, thanh niên Việt cũng không thích cô vì cô thiếu những ưu điểm cần thiết cho đời sống thực tế hằng ngày của phụ nữ Âu Châu, mà một tâm hồn và phong cách chứa đựng ưu điểm cố hữu của phụ nữ Việt, cô cũng không có,

Điều đó — xin nói nhỏ với bạn — cha mẹ Việt Kiều bên này sợ nhất. Vì vậy cha mẹ cô K. hết sức lo lắng, tìm đủ mọi cơ hội cho cô được gặp gỡ, giao thiệp với thanh niên Việt, nhưng kết cuộc sự cố gắng tốn rất nhiều công và của này, không đem lại một kết quả khả quan nào.

Rồi cô K. và người bạn Pháp đồng lớp yêu nhau. Hai người học lực tương đương và cùng chuyên trong một nghề. Cha mẹ hai bên thuộc hàng sui gia môn đăng hộ đối, nhưng họ đều không chịu cho hai trẻ kết hôn với nhau vì đảng này không thích da vàng và đảng kia không ưa da trắng.

Nhưng rồi đám cưới cũng vẫn rình rang vì “con cái đặt đâu, cha mẹ phải ngồi đó!” Tuy nhiên nhận chịu cho hai kẻ kết hôn với nhau, mỗi bên đều có tựa vào một điều kiện an ủi. Cha mẹ chàng trai nghĩ rằng: con mình là rề duy nhất thì gia tài đảng gái không thể lọt vào tay ai. Cha mẹ cô K. chỉ mong vớt vát nếu gặp được chàng rề tuy khác nòi giống nhưng hiếu thảo, đề cha, mẹ, con, rề cũng có thể sống chung. Tuổi già, mình sẽ gần được con cháu như trong gia đình Việt Nam thường gả con bắt rề.

Nhưng mộng ước hai bên cha mẹ đều tiêu ra nước. Cái lệ “cho của hồi môn” thật xứng đáng — nhất định phải có của người bản xứ khi gả con gái lấy chồng — không được cha mẹ cô K. áp dụng. Bởi ông bà chỉ có một mình cô là con nên muốn chờ dò lòng chàng rề.

Cha mẹ cậu E., chồng cô, sẵn tức khí từ lâu về việc con mình dưới vợ ngoại quốc, nay lại xảy ra việc đảng gái không cho của hồi môn nên ông bà càng tỏ ra bất mãn. Tuy vậy người ta cũng cứ thử vào đời, vì hai nhân vật chánh tin chắc hẳn chỉ có mình là vai chủ động trong việc xây dựng hay phá vỡ được hạnh phúc của mình mà thôi.

Hai vợ chồng cậu E sau nửa năm dăm ắp lại bắt đầu cãi nhau vì trăm chuyện nhỏ nhặt do ảnh hưởng bất hòa của cha mẹ hai bên về cách đối xử, ăn ở Á Âu khác nhau và nhất là vì lý do thiếu của hồi môn. Đứa con đầu lòng chào đời thì hai bên ông bà đều không bằng lòng về chỗ hình dung đứa cháu không thật giống con mình. Và nếu hình dung nó không giống thì tâm tánh nó sẽ giống những người mình không mấy ưa. Ông bà nội hay nói về cái mũi xẹp và da vàng, ông bà ngoại không bằng lòng mái tóc hơi vàng hoe và đôi mắt to như lỗ đáo của cháu. Cô K. thì không bằng lòng cho cha mẹ chồng đến ở chơi lâu ngày vì biết rằng ông bà này cũng chẳng thương yêu chi mình. Cậu E. không còn niềm nở hiếu thuận với cha mẹ vợ như xưa. Trước khi cưới cậu nhất quyết sống chung với cha mẹ vợ cho đến khi ông bà xuống hố, mà nay, chẳng những cậu không

tiếp bạn bè, bà con bên vợ, không chịu cho cha mẹ vợ ở chung với mình mà còn không muốn ông bà này bồng ẵm sóc con mình.

Mỗi ngày một ít, cậu E. nghe lời cha mẹ, chị em, kháo tiền vợ và đánh đuổi vợ nhiều lần có thương tích. Thời gian trôi chỉ hơn một năm, tổ hạnh phúc xây chưa đủ ấm là cô K. đưa đơn ra tòa kiện ly dị chồng.

Vụ hòa giải cứ mãi kéo dài, vì tuy hết thương nhau nhưng người ta chưa chịu tha nhau, người ta đặt, đòi bao nhiêu điều kiện để làm khổ nhau cho hả giận. Mỗi lần gặp nhau — vì không được trả lại một cái gì thật xứng đáng như người ta chờ đợi để bù đắp vào cái mất mát về chỗ dị chủng mà chịu lấy nhau — người ta lời lỗ mũi, màu da ra để thóa mạ nhau. Trong thời gian đó, đứa trẻ 1 ngày ở với cha 6 ngày ở với mẹ cho đúng theo luật pháp. Rồi vì muốn dành tình thương của đứa con và phần phải về mình, người ta đổ lỗi cho nhau, nói xấu nhau với con mỗi khi đứa trẻ về ở với mình ngay từ lúc nó vừa tập nói! Người ta thay phiên nhau giết chết tình thương và bản năng trong lành của đứa trẻ bằng cách dạy nó những lời thóa mạ cha, mẹ, ông bà nó khi nó vừa biết nói tròn câu! Có khi những lời lẽ ấy chạm đến hai giống nòi nội và ngoại của nó nữa.

An ly dị xong, hai cô cậu sẽ quên ác mộng và sẽ làm lại cuộc đời, nhưng di hại của sự ly dị là đứa trẻ. Nạn nhân đáng thương đó sẽ lớn lên trong tình thương đứt nát trở thành xấu xa của cha mẹ và sống trong hoài nghi về người lớn và về cuộc đời.

Bạn thấy có thể thảm chưa? Tránh được khó khăn trong ngôn ngữ và phong tục, không thiếu học thức và địa vị, dư tiền của lại được tự do chọn lựa, người ta thương yêu nhau đến cái mức chối bỏ được quê hương, thân quyến, bạn bè, chống lại tập quán, đập đổ tình thương, hy vọng của cha mẹ và nhất quyết lấy nhau. Vậy mà sau một thời gian trắng mặt thật ngắn ngủi, người ta vẫn phải đem nhau ra trước tụng đình để từ bỏ nhau, buộc tội nhau như kẻ thù vì những duyên cớ mặc dầu không quan hệ trực tiếp với chính mình, nhưng nó có một sức mạnh về chủng tộc vượt ra khỏi tầm tay, ý muốn và quyền hạn của hai nhân vật chánh để làm gãy đổ được hạnh phúc và cuộc đời họ.

Vậy mà trước khi kết hôn với người dị chủng, mấy ai chịu tìm nghe tiếng nói của lý trí, chịu cho lời khuyên của những người đã từng qua con đường hiểm là chí lý? Và trường hợp ly dị dưới đây cũng không đứng ngoài cái nguyên nhân đó.

(Còn tiếp)

Mùa sương trên vai

Trên cao phố lẻ mặt trời
Cây nghiêng hàng dựng rã rời chim bay
Nghe chừng gió cuộn đầu đây
Bãi xa tiếng quạ dăng đầy nước sông
Ta về người đi buồn không ?
Mùa thu hoa trắng cho lòng nhớ em
Con tàu than hủ ga đêm
Cây cao phố lẻ buồn trên hồ cầm
Anh còn bạo động thâm tâm
Sương trên vai tượng buồn cam nín chiều
Gửi đóa hoa về người yêu
Nhớ em đau đớn cho nhiều vòng tay
Anh ngồi qua một đêm nay
Đêm trên hăm rượu với cây kèn đồng

Mặt trời dưới núi

Cổ xe dưới mặt trời chiều
Một con ngựa soái về theo mặt trời
Cờ trên ải núi chơi vơi
Đứng buồn muôn dặm xa khơi còn tìm
Xe về dưới núi nằm im
Chim kêu rori rạc trên miền đất xa
Nghĩ mình cũng thừa thặng hoa
Chân đi viễn tượng đường xa khói mù
Lá cờ đen vọng thiên thu
Nghìn tâm sự đề, cho dù biển xanh
Chiều lên thác bạc sương ghềnh
Dưới khe khói núi cũng dần nhớ nhau
Đá rừng vai lạnh chung màu
Về em thêm một lần câu tình hoài
Sớm mây phố chợ tên người
Thốt xe gác ngựa nuôi lời lớn khôn

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ-UYÊN (2)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Định xuống xe ba bánh, sửa lại mũ cho thẳng, xách túi quân trang ném lên vai. Con đường đất đỏ nát bầy, những vũng nước phản chiếu ánh nắng buổi sáng hắt vào mắt làm chàng mỗi một thêm sau mỗi bước chân. Chàng ném túi quân trang xuống đất, ngồi lên trên thở mạnh. Những giọt mồ hôi chảy trên da lưng và bụng. Một chiếc jeep nhấp nhòe từ phía trong đi ra, Định ngừng đầu lên, hai sĩ quan trên xe nhìn chàng, chàng nhìn họ, chiếc xe vượt qua trong tiếng động cơ nổ nhỏ dần về phía cổng doanh trại. Định đứng dậy lấy phù hiệu trong túi ra đeo vào ngực, vác túi quân trang đi tiếp. Dãy nhà lớn đồ nát, một chiếc GMC đỗ giữa sân, các toán lính ôm súng ngồi rải rác, nhìn chàng đi qua. Phòng truyền tin náo nhiệt, sĩ quan ban I lắc đầu nói:

— Chuẩn úy Định ở đây đi. Tiểu đoàn I đang đụng địch, chưa thể liên lạc được đâu.

Định đứng tựa vào tường, châm thuốc hút. Các âm thanh điện tử trong cao xen kẽ tiếng vắng tục của một hiệu thính viên. Một thiếu úy lại gần giờ tay, Định đưa điếu thuốc cho châm tiếp. Chàng hỏi:

— Tiểu đoàn đụng địch?

— Không, đụng lẫn nhau mới đau chứ! Một đại đội của tiểu đoàn I đụng đại đội biệt động quân. Thế mới nhảm. Hai biệt động quân bị thương.

— Tôi sắp tới tiểu đoàn đó. Định tới nhờ ban truyền tin báo cho tiểu đoàn biết, cung cấp phương tiện tới đơn vị.

— Việc gì phải mất công! Xuân, ra đây bồ. Xuân, trưởng ban 5 tiểu đoàn anh đó. Còn đây lính mới.

Định mỉm cười đưa tay bắt và chàng có cảm tình ngay với khuôn mặt tròn, đôi mắt cũng tròn, giọng nặng và niềm nở của người miền hậu giang. Chàng hỏi:

— Tiểu đoàn mình choảng biệt động quân hả?

Xuân cười lộ hàm răng có một chiếc nhô ra:

— Thế mới kỳ? chưa biết lỗi tại ai. Hy tính hấn cần thận lắm, không hiểu sao... Trung đoàn trưởng đang la oải phòng bên kia, bồ thò ra bây giờ là ăn xài xê đó.

Sĩ quan truyền tin rời máy lại gần, giơ tay :

— Cho điều thuốc bồ ! Đại đội trưởng biệt động quân đang chờ thiên hạ tùm lum. Hắn đe sẽ mang quân về đánh tiểu khu vì tội cho lộ trình ầu. Hai binh sĩ của hắn bị thương bị đạn 81. Mẹ kiếp, nhằm thật ! Chẳng ra cái thống chế gì hết đó. Giữa ban ngày ban mặt mà đánh lộn nhau, không nhờ bên pháo binh thấy hai bên cùng xin yểm trợ, không chịu tác xạ ngay, không thì còn chết nhiều.

Xuân hỏi :

— Có lệnh của tiểu đoàn cho tôi chưa ?

— Rồi. Bảo anh mang xe về ngay. Đi đường cẩn thận vì sáng nay kẹt quân chưa mở đường đâu.

Định lên ngồi cạnh tài xế, Xuân móc túi quần lấy ra một trái lựu đạn :

— Bồ cầm tạm lấy cái này. Lộ trình này không thể biết trước được .. Xe tải gạo tiếp tế thôi, nhưng tụi cộng không thèm biết điều đó.

Chiếc xe vụt thẳng lại giữa đường, một người mặc thường phục nhẩy lên bọc, mừng rỡ :

— Thiếu úy Xuân ! May quá. Chưa biết làm sao về tiểu đoàn đây.

Xuân cười lớn :

— Chân lành rồi hả ? Xuất viện tuần trước phải hôn ? Chơi đã Saigon rồi chứ ? Leo lên phía sau đi.

Xuân quay lại nói :

— Trung sĩ Mèo đại đội I đó. Hắn bị mìn gẫy cẳng tháng trước.

Khi chiếc xe ra khỏi thị trấn, người tài xế nhìn chăm chú lòng đường loang đất đỏ từng khoảng, Xuân ngó ngoáy nhìn láo liêng hai bên, tay xiết chặt trên cổ khẩu carbine đặt dọc cửa xe. Định quay đầu nhìn ra phía sau. Hình như không còn ai nói truyện. Chàng bỏ trái lựu đạn vào giữa hai đùi kẹp chặt, lấy bao thuốc và bật lửa. Xe lắc lư làm ngọn lửa không bén ngay vào đầu thuốc. Khi điều thuốc đã cháy, chàng ngừng lên nhìn về phía trước. Những vết đất gồ ghề trên mặt lộ dưới nắng nhòe lẫn với màu cà-phê sữa trong chiếc ly chàng mới uống hồi sáng và những ngón tay Linh những sợi lông tơ nhỏ phớt trắng dưới nắng.

...

Vũ mở bi đông đưa lên miệng tu một hơi dài. Chàng chậm chạp xoay núm nhựa đây lại, mắt nhìn theo những người lính biệt động quân đi chót khuất sau hàng cây. Bên cạnh chỗ chàng ngồi, một vài giọt máu của kẻ bị thương rỏ xuống bắt đầu có màu nâu sậm. Hy vọng tay tiếp tục nói lớn tiếng :

— Hắn vừa tiến tới vừa quát : Ai làm đại đội trưởng ở đây ? Tôi là lại : Tôi là đại đội trưởng, yêu cầu anh cho biết cấp bậc, mời ngồi nói truyện chơi... Hắn không ngồi, quát tại sao bọn mình kêu 81 bắn bừa. Tôi là lại là chính bên hắn bắn hai trái 60 trước, thử hỏi bên nào gà chết trước !

Xạ thủ súng cối nói chen vào :

— Tụi chúng gà chết ! Bắn hai phát mà không trúng trung đội chuẩn úy Vũ đi khơi khơi...

Vũ cúi xuống, im lặng. Chàng nhìn những giọt máu bám trên lá cỏ, không

nghe ngời, không buồn rầu, không vui mừng. Tiếng Hy tiếp tục.

— Tôi trách hẳn đời với lộ trình sao không bảo trước. Tôi trách hẳn không chịu quan sát : tại Cột g ở bên phải ấp sao không thấy không bắn, lại nhè trung đội của anh đang bị khơi khơi khoảng trống mà làm hai quả 60 liền... Sau cùng hẳn à một tiếng rồi la : Tại thằng tiểu khu. Về đánh chiếm tiểu khu hỏi tội... Thế rồi hẳn kéo quân đi.

Hiệu thính viên xen vào :

— Tiểu đoàn vừa nói tại họ vừa đi qua đồn vừa chửi tùm lum. Kề tức cũng phải. Tự dưng bị thương hai người, chẳng ra sao hết. Dù mẹ, chỉ tại cộng là lợi. Hai bên đánh lộn nhau, chúng vác trung liên chuồn mất.

Hai tiếng nổ lớn kế tiếp vang dội. Những viên đất nhỏ rơi lả tả trên đầu, quần áo. Vũ quay lại la lớn về phía toán đang dùng TNT phá ụ ;

— Còn mấy cái mả Hồ chí Minh nữa mới xong ?

Một tiếng la trả lời :

— Ba mả nữa !

Vũ nói với Hy :

— Ít nhất một giờ trưa mới xong. Trưa nay tại mình có cơm không ?

— Yên trí. Tôi gọi về đồn bảo hỏa đầu vụ rồi. Chắc chúng sắp mang ra.

Vũ đứng dậy, đeo khẩu súng lên vai đi băng qua lộ. Toán phá đường cỏi trần, mồ hôi bóng nhẫy. Khu vườn mát rượi gió từ đồng trống phía xa thổi tới lá cây cọ vào nhau êm ái. Những binh sĩ đang lúi húi nấu cơm, những làn khói xanh bốc lên, kéo dài và tan biến theo chiều gió. Vũ bước vào căn nhà, cúi đầu, đáp lễ người đàn ông rút rè đứng dậy. Chàng cúi xuống nhìn chiếc hầm trú dươ gầm phản : không có gì khả nghi. « Cảm phiền bác cho quân sĩ tôi đóng cửa và lấy nước ». Chàng không muốn ngồi lại, căn phòng quá chiếu sáng, quá tù túng. Chàng dựng súng vào vách hành lang, rút cái vông ni-lông kẹp giữa xấp bàn đồ ra khỏi ngực áo vớt xuống sàn đá hoa làm gối. Lưng mát lạnh, những cành lá lấp loáng ánh sáng, những tiếng reo nhỏ nhỏ và thanh, chàng ngủ thiếp đi và thức tỉnh khi tiếng nhạc trong transistor của hỏa đầu quân lớn dần. Chàng ngồi xếp bằng trên thềm, chàng biết chàng ăn không ngon không phải vì mệt, không phải vì đánh lộn quân bạn. Chàng ăn không ngon vì ánh nắng cứ lấp lánh trên các lá cây, các lá cây tiếp tục cọ vào nhau êm ái làm chàng như thấy có một cái gì vô ích và thừa thãi. Sau cùng khi lại ngã người trên gạch ngủ tiếp, chàng nghĩ rằng chàng đang nhớ quê cũ, chàng đang nhớ tuổi ấu thời, chàng đang thêm trở về nhà để ngủ bên thân thể háng nhắc một giấc yên tĩnh không lo bị bắn sẽ bị đột kích bị thương bị chết trong khi ý thức còn lẫn trong u tối của giấc ngủ.

. . .

Chị tức ghen cổ họng, miếng cơm nằm đó không chịu xuống. Chị cầm tô canh lên uống, rồi tự dưng vung liệng xuống đất. Nước canh, mảnh vỡ tung tóe trên đất. Chị cúi nhìn vết nước thấm loang trên nền nhà khô nê, càng uất ức. Chị la lớn :

— Tui không làm chi bậy, tui không có gì phải dẫu hết. Tui hông có sợ

ai hết đó! Có đánh thì đánh đi coi nào!

Ba nín thinh trước cơn giận của vợ. Nhưng rồi anh bắt đầu nói, giọng hạ thấp hơn trước;

— Không có chi! Không có chi sao bà Mạnh nói trông thấy hai người nói truyện hoài sau hàng ba chợ? Thiếu chi chỗ, sao lại đứng lúi xùi...

— Thế bộ tự dưng tôi vô đứng đó sao? Súng bắn ầm ầm, tui đừng chạy núp..

Chị hằm hằm đứng dậy ra sân. Nhưng tới hiên, chị dừng lại la lối;

— Ba ngày một trận ghen tuông! Tui chịu hết nổi rồi đó. Ủ! Thăng Tía là bồ của tui đó, đã sao chưa! Chồng chi mà kỳ. Bộ muốn tôi đứng xưng giữa chợ cho đạn nổ chết luôn sao. Chạy núp, ai mà chọn được chỗ. Bộ muốn tui chết phải hôn? Muốn thì nói đi!

Chị ngồi xuống thềm, khóc. Nước mắt càng tràn ra, chị càng tức. Đứa bé thấy mẹ khóc, cũng họa theo. Chị trở vào phản bông con ra ngồi đầu thềm, kề lè với đứa bé sợ hãi nhìn:

— Thôi! Chỉ có con là thương má thôi, phải hôn. Má con mình đến đi tìm chỗ khác thôi. Má nuôi con nghe, hồng cần con người đó hả.

Chị lại bắt đầu khóc sau khi liếc nhìn thấy chồng đang rời khỏi phản. Ba lần lui đi qua mặt hai má con, mở cồng đi về phía quốc lộ. Chắc anh đi nhậu, chị nghĩ tủi thân khóc lớn hơn rồi ngừng bật sau khi thấy bóng chồng khuất sau một khúc quanh. Cứ mỗi lần cãi lộn xong là lại như thế, nhậu say đến đi hết nổi mới trở về nhà ngủ vui. Cũng may anh hiền, say đến đâu cũng không đánh mẹ con chị bao giờ. Anh thế mà tốt hơn nhiều người khác. Chị đột nhiên thấy mình muốn cười, rồi chị mỉm cười. Có ai trông thấy đâu mà sợ. Chị lấy khăn lau mặt đứa bé, nhét vào tay nó một con vịt nhựa, thu xếp bít đũa vào rổ bê ra sân rửa. Trời nắng gắt nhưng ánh nắng không qua được lớp lá mít dày đặc trên đầu. Chị nghĩ tới chồng đang lầm lui đi dọc bờ ruộng. Khi nãy anh đi vội, đầu đội nón. Phơi nắng sau khi say độc lắm. Thế nào cũng đau cho mà coi. Nghĩ cũng tội nghiệp anh. Anh thương mình quá nên hay làm tùm lum vậy thôi. Nào đã có chi bậy bạ đâu. Tự dưng máu dồn lên nóng bừng mặt. Chị nhớ tới một buổi trưa, lâu rồi, ngày chưa lấy chồng, ngồi với Tía sau bờ dừa ngoài sông. Bàn tay người đàn ông sần sùi và dấp trên cánh tay, chị run lên. Giá bữa ấy Tía đừng có vội đề ra ngay, chị đâu có la lên. Giá lúc đó anh chịu khó đợi đến tối... Đúng thế, nếu trời tối, chắc chị không la. Nhưng anh vội quá. Chị la lên và Hải đã chạy đến. Hai người đàn ông đánh lộn nhau. Chị đứng xưng dưới gốc cây dừa, chẳng mong cho ai thắng. Hải cũng thương chị. Và chị cũng chẳng biết bênh ai trong hai kẻ đang hằm hè lẫn sả vào nhau đấm đá... Chị bê rổ bát đứng lên, đặt từng chiếc úp xuống dần cây trước sân. Hải đi theo mấy anh du kích, Tía lên tỉnh mần ăn mất tích. Ở lại ấp, sau cùng chị lấy Ba. Kề cũng kỳ. Mình đã tưởng không lấy Tía thì lấy Hải. Rút cục, một con rồi kia. Chị cười, đi vào nhà. Truyện hai người đánh nhau tùm lum hồi ấy, cả xã biết. Tía trở về làm Đại diện Xã. Lại hay cà rờ chung quanh, làm chi ảnh không ghen cho được. Chị lại

cười, lấy lược chải lại tóc và nhìn khuôn mặt mình trong gương. Nắng ngoài sân chói một khoảng nhỏ góc gương làm chị nhú mắt.

oOo

Vũ từ từ cảm thấy nóng bỏng trên đùi và ngực. Nắng buổi trưa đã chiếu tới hàng hiên, chàng toan cựa mình lăn vào trong nhưng vách tường chặn lại. Bây giờ đã tỉnh hẳn ngủ, chàng nhớ lại thứ lo lắng bồn bênh bao phủ từ trong giấc ngủ kéo dài tới lúc này. Hình như có địch trong bụi đang bò tới gần, nòng súng lắc lư dò dẫm tìm đường ngắm đúng. Vũ muốn ngồi dậy mở mắt quan sát tứ phía nhưng thân thể chàng ì ra. Các ý nghĩ xôn xao, vẫn cảm giác bất an, vẫn thứ vị trí ranh giới với cái chết ấy, không có gì đâu, lính chắc có đưa thức gác phía sau nhà. Không có gì đâu, không có gì đâu... Chàng xoay người quay lưng ra phía ngoài, cố ngủ tiếp nhưng không được. Lưng lạnh lạnh trống trải và thụ động vô phương tự vệ như một tấm bia trên thềm bậc. Đến như thế là vô ích rồi, không thể khuyên nhủ được gì nữa đề tâm hồn chịu trở vào giấc ngủ, chỉ còn có cách ngồi dậy quan sát... Vũ ngồi lên, nhìn tứ phía. Bên kia quốc lộ, hàng cao xu chạy dài từng hàng trống trải, cỏ từng khoảng dưới vùng nắng lọt qua lá phía trên. Không có gì cả, không có một người nào, không một cành cây lùm cỏ rung động một cách khả nghi. Vũ đưa chân móc giây nịt đạn lại gần, lấy bi-đông đưa lên miệng tu một hơi dài. Chàng đề trả bi-đông vào bao, châm thuốc hút và bắt đầu thấy hoàn toàn an ninh. Chàng đã mở mắt, tỉnh táo và khẩu súng trong tầm tay. Mắt mở, tỉnh táo và súng cầm tay, chỉ như thế mới thấy yên ổn. Ban đêm chàng nằm trên võng bàn tay mân mê bóng súng gác bên, lắng nghe từng tiếng động. Tiếng chó sủa vu vơ nơi xa, tiếng một con chuột chạy va vào một ống bơ, tiếng trẻ khóc trong một ngôi nhà, tất cả đến thẳng ý thức chàng đòi hỏi một chú ý, một phân tích. Có địch hay không. Có hay không, hướng nào. Giác quan cực nhạy trong một tình trạng căng thẳng kéo dài và thường trực đến độ một đêm tự dưng chàng bừng ra khỏi giấc ngủ, tâm hồn chưa chuyển vận, tay trái đã đặt lên giây nịt đạn và khẩu súng đã gọn ghẽ trên tay phải: nhưng không một tiếng động một luồng gió bất thường. Cái gì đã làm chàng thức tỉnh? Ngồi im nhìn và lắng nghe trong ánh trăng ban đêm, sau cùng chàng khám phá ra chính người lính gác giấc đòi phiên gác đón đến đi qua che khuất trong một khoảng khắc ánh trăng vẫn chiếu trên mặt, đã làm chàng thức giấc. Mới chỉ thiếu đi một khoảng khắc ánh trăng... Minh mết rồi, chàng thì thảo, phải kiểm đôi giày khác, đưa đôi này đi làm fermeture. Một thằng bạn nào đã nói: phải đi giày, đỡ căng thẳng thần kinh... Hẳn có lý đấy, chàng sợ nhất ban đêm bị đánh bất ngờ, xỏ giày không kịp, cứ chân không tác chiến và chạy băng bờ bụi.

Có tiếng cãi cọ lớn phía sau nhà. Một binh sĩ chạy ra, mặt đỏ bừng tức giận:

— Tôi bảo thằng Cận nó gác. Nó không chịu. Bảo bị kích bất ngờ, chết nó trước nó chịu!

Vũ ngừng đầu lên nhìn, ehàng không ưa hạ sĩ này. Không có khả năng chỉ huy lại hay la lối chê trách đồng đội. Hẳn nói có lý, đang có lý nhưng chàng hôm

nay không cho lệnh gác ngày. Chưa ra lệnh, không cần bảo vệ lệnh. Chàng mỗi một và tức giận. Tức giận tất cả, từ bộ mặt hỗn láo của Cận, tình trạng thiếu kỷ luật chung, thiếu tinh thần chiến đấu của binh sĩ đến tiếng lá cây đang reo, nắng đang chiếu. Nhưng chàng mỗi một, không muốn làm gì cả, không muốn làm gì hết. Hồi mới đến đơn vị, chàng đã thử áp dụng kỷ luật nhưng rồi thôi ngay. Một giòng nước lũ. Không thể làm gì được nữa. Bây giờ chàng chỉ muốn tìm một chỗ nào cho phép nằm nguyên thoải mái, không súng, không đạn, không thuộc hạ. Cứ tìm được một chỗ như thế đã, rồi làm gì sẽ tính sau. Có thể ngủ, có thể thức, có thể suy nghĩ.

Người hạ sĩ cau có trở lại, lâu nhàu :

— Tiểu đội I nhầy dù về đồn hết rồi, chuẩn úy !

— Tôi cho họ về thời cơm.

— Nhưng chuẩn úy bảo chỉ cho mỗi tiểu đội về hai người thôi.

— Hiện giờ còn bao nhiêu ?

— Dạ mười người, tính cả chuẩn úy.

Vũ đột nhiên mỉm cười vu vơ. Mười người trên tổng số mười bảy. Không sao. Còn hai người, đối với chàng, thế cũng đủ. Một kẻ coi bên trái và phía trước, một kẻ coi bên phải và phía sau, chàng đi đâu cũng được.

— Chuẩn úy bá cáo với đại đội trưởng đi.

— Bá cáo làm cái quái gì. Ông Hy không làm gì cả đâu. Cả cái tiểu đoàn này tà tà từ lâu rồi.

Vũ xách súng đứng dậy, đi vòng ra phía sau nhà. Chàng la lớn về phía toán lính :

— Tôi đi năm mươi thước về phía này, nhớ đó ! Đừng có bắn ầu.

Chàng chọn một chỗ cỏ thấp đằng sau một bụi cây nhỏ có hoa tím lấm tấm, tụt quần ngồi xuống. Chàng búng mẩu thuốc ra phía trước, lơ đãng theo dõi nó rơi lướt trên các ngọn cỏ rồi khuất xuống dưới. Một làn khói xanh bắt đầu cuộn cuộn bốc lên khỏi lớp cỏ, tan vỡ dưới gió. Chàng nhìn làn khói, buồn bã rồi bực tức. Sau cùng chàng hiểu rằng chàng đang tiếc đã không bắn chết Cận sáng nay, tiếc vô cùng. Chàng đứng lên định cài thắt lưng, một tiếng súng nổ chát chúa phía trước. Chàng tiếp tục tìm đầu giây thắt lưng, chắc lại một tên du kích nào bắt hú họa quấy nhiễu. Một tiếng rít dài vụt qua đồng thời với tiếng nổ thứ hai. Nó đang nhắm mình, chàng không kịp nhét cái giồng vào trong quần, cúi vội xuống cầm súng đưa lên vai, bắn vội vĩa vào những gốc cây, bụi rậm phía trước. Sau ba phát liền chàng biết tên du kích chắc chắn đã lần mất như nổi bực tức làm tay chàng tiếp tục bóp cò, phía xa từng lớp vỏ cây trúng đạn văng ra, từng lớp bụi trắng bờ ập tung lên làm chàng dễ chịu hơn, chàng tiếp tục bắn và khi băng đạn hết, chàng lại phía sau la lớn mấy người lính lấp ló ẩn nấp quan sát :

— Bảo hiệu trưởng viên bá cáo đại đội trưởng ! Một tên du kích bắn sể ! Vô sự !

Chàng cúi xuống, nắng chiếu vào lớp lông óng ánh. Chàng cầm súng đứng sững một thời gian, cúi nhìn cái giồng của mình dưới nắng, không suy nghĩ gì cả.

Đôi vị trí nằm, mắt Định vào đúng hướng một chùm tia nắng lọt qua khe thủng trên mái tôn. Những chấm bụi sáng tan vỡ bay lộn, biến vào khoảng không chung quanh. Hơi nóng hấp từ mái thấp, bốc từ vách tường vừa lộ lộ gạch có những vệt khói đen. Mồ hôi thấm ướt lưng áo lót, nhớp nháp dính vào vải ghế bố. Chàng xoay người đi đưa lưng ra khoảng trống nhưng không ích gì, không gian nóng đều. Chàng mơ màng nghĩ đến những người làm cách mạng bị bắt và xử tử bằng cách bị bỏ vào nồi nước một đầu máy xe lửa trong một cuốn tiểu thuyết đọc đã lâu. Chàng vụt nhớ ra tên cuốn sách. Condition humaine, buổi sáng trời mát dịu nắng, trên cao lá cây mới ra xanh mềm, da tay Linh mịn ẩm. «Em mua cho anh cuốn này... Lớn như anh rồi còn chưa đọc cuốn này thì dốt quá!». Chàng mở mắt chậm chạp. Mái tôn như cong thêm vì sức nóng. Chàng muốn cởi quần trần, cởi áo lót, nằm trần trụi như các binh sĩ đang lúi húi bên máy truyền tin. Những âm thanh cao đều, gay gắt rung rung trong không khí. Chàng nhắm mắt lại, cố ngủ. Mái tôn cong lên, một múi lồi xuống, tiếp tục hạ gần sát mặt. Chàng vùng vẫy, cố đưa tay đẩy lên. Có tiếng la hét quái dị từ bề, chàng vùng vẫy. Ý thức vụt trở lại, bắt đầu làm chàng nhận thấy mình vừa ra khỏi cơn mê, mồ hôi ướt sũng áo quần nhớp nhúa. Chàng ngồi dậy mở bi-đông dốc lên miệng, bắt đầu nghe hiểu những lời to tiếng đã đánh thức chàng dậy. Tiếng trung úy già quát lên :

— ... Cái cái cái gì ! Có luật lệ nào cho xử dụng truyền tin vào truyện tư không ? Anh nói đi !

Định nhận ra viên trung sĩ mặc thường phục đi cùng chuyển xe về đồn buổi sáng đang đứng ngoài nắng, mồ hôi chảy đầy mặt. Chàng nhìn và đột nhiên có ý muốn ra can. Từ khuôn mặt những giọt mồ hôi chảy chàng thấy căng lên một ước muốn bùng nổ dữ dội. Chiếc miệng viên trung sĩ há ra như bị kéo mạnh :

— Chẳng cần luật lệ gì hết ! Trung úy làm gì tôi thì làm ! Tôi bị mìn địch gãy chân năm Cộng Hòa bây giờ mới về. Đâu phải tôi đi chơi. Tiền lương tôi kẹt cả ở đại đội I, vợ con tôi đói ! Tôi phải nhờ ở đây gọi sang, nhờ trao lương cho đoàn tiếp tế mang về đây... Vậy đó ! Chỉ có vậy đó ! Trung úy làm gì tôi thì làm !

Chàng thấy chiếc lưng viên sĩ quan già, gầy và cong lên rung động tức giận, một giọt mồ hôi lăn từ gáy, lọt khuất vào trong chiếc áo lót loang lổ những khoảng nâu nhạt.

— Anh nói hỗn thế hả ! Đứng nghiêm trình diện tôi !

Hai cánh tay buông thõng của viên trung sĩ quờ quạng trên quần rồi vung lên cao. Hắn bỏ chạy ra sân, la lớn phân vua :

— Tôi bị mìn địch, đâu phải đi chơi, đâu phải nhảy dù ! Bây giờ ông hành tôi... Ông hành hạ tôi !

Hình dáng hắn khuất sau bức tường, chàng tiếp tục nghe thấy tiếng la lối, tiếng chân người, những câu nói trao đổi. Chàng bước xuống đất, ra sân. Sàn xi-măng nóng bỏng làm chàng bước nhanh và ngắn. Các binh sĩ xúm quanh nhìn

Yên, sĩ quan ban 3, đang đẩy viên trung sĩ vào sát tường, chiếc miệng há lớn nhưng không còn âm thanh phát ra. Yên lâu nhàu la toán lính :

— Làm cái gì mà bu lại vậy ! Giải tán đi ! Còn cái anh này, làm cái chi mà la oải lên thế ! Bây giờ vào cái lều kia mà ngủ, Đại Bàng bảo anh còn la thêm một tiếng nữa thì đừng có trách. Hiểu không ?

Yên buông viên hạ sĩ quan ra, chờ đợi. Chiếc miệng há hốc của người trung sĩ, một cánh tay đưa lên vuốt mồ hôi trán :

— Tôi có lỗi gì mà trung úy ông phạt tôi ! Bắt tôi...

— Thôi, thế đủ rồi, vào lều ngủ đi. Anh còn nói nữa, đáng lẽ không bị phạt thành bị phạt. Thôi, vào lều đi, nghe tôi...

Giọng Yên dịu xuống, dõ dằn. Viên trung sĩ vén chiếc bạt, chui vào lều làm bằng hai poncho cột lại, Yên mỉm cười nhạt nhẽo, hai bàn tay mở về phía trước mặt mỗi. Định hỏi :

— Có phải trung úy Thịnh trước đây chiến thuật ở Thủ Đức ?

— Đúng ông ta đấy.

Định trở vào phòng truyền tin đại đội chỉ huy, cúi đầu tránh mái tôn thấp chia ra. Chàng trở lại ghế bố, châm thuốc hút. Trung úy già nằm trên ghế kế cận, cặp đùi khẳng khiu lăm lăm lông đen, mái tóc hoa dâm cắt ngắn. Khi còn là sinh viên sĩ quan trừ bị, cùng các bạn, chàng rất ghét người này, huấn luyện viên hách với sinh viên, bợ đỡ chỉ huy trưởng, khoe khoang thần thế tối ngày. Sau một lần bị phạt đứng phơi nắng sườn đồi vì một lỗi không đâu, chàng tự hện ngày gặp lại ở đơn vị tác chiến, chàng sẽ tìm cách đấm cho một trận. Chàng ngừng đầu lên, ông già đang nhìn chàng bằng đôi mắt trũng sâu dưới làn trán nhăn nhú. Chàng cúi xuống, nhìn làn khói thuốc.

— Chút nữa các anh ký vào tờ trình của tôi. Tôi sẽ gửi về trung đoàn, phạt cho hằn chết.

Hạ sĩ truyền tin ngừng đầu lên, nói :

— Thôi thì hơn, trung úy. Anh nóng tính nên vậy thôi. Không có ý gây chuyện với trung úy đâu.

— Tôi không cần anh khuyên ! Anh đã chứng kiến nội vụ, anh phải ký vào tờ trình. Hơn nữa chính anh còn đề cho hấn xử dụng máy không có phép tôi, anh có muốn tôi đề nghị phạt cả anh không ?

Viên hạ sĩ cúi xuống, mở máy phát thanh, lâu nhàu :

— Mất gì một chữ ký...

Chàng vút mẩu thuốc, ruỗi thẳng chân, quay mặt vào trong tường, tần ngần dùng ngón tay gạch chữ đầu tên của Linh. Những hàng cây cao xu chạy dài xuống chân đồi 19 chấm dứt nơi ranh xạ trường chói nắng, chàng đứng nghiêm cảm rõ những giọt mồ hôi chầy dọc lưng dọc đùi vào giày, lan theo tay làm chơn tuột bóng súng. "Trí thức gì mà dốt, tập dờ ẹc !", chàng lắng nghe lời xài xề, tức giận muốn vùng ra đấm vào giữa cái bộ mặt choắt già nua ấy.

Chàng xoay người hướng ra ngoài, bây giờ bộ mặt già nua nằm kế cận, chàng không thấy gì hơn là một chút thương và rất nhiều đứng đưng.

— Anh tốt nghiệp khóa 14 phải không?

— Vâng.

— Đại úy cho anh đi đại đội nào? Sao nằm đây?

— Đại úy cho tôi ra đại đội hiện đang ở ngoài đồn. Sáng mai mới phải ra, trung úy.

Chàng quay mặt vào tường, tỏ ý buồn ngủ để chấm dứt mọi trao đổi lời nói.

Nhưng viên trung úy vẫn tiếp tục:

— Anh thử lửa bao giờ chưa?

— Rồi trung úy. Nhưng trong trường hợp bị thiên hạ bắn mà tôi tay không. Hồi tản cư... Còn trong tay có súng có thể bắn lại thì chưa, trung úy.

Chàng nhắm mắt lại, cố ngủ một giấc nữa. Chàng không muốn tiếp tục nói không muốn thức tỉnh, không muốn nhớ tới hình dáng bàn tay Linh buông thõng, những chiếc ghế màu đỏ xẫm và nắng buổi sáng trên mũi chiếc giày trắng có nơ nhỏ. Chàng đưa tay ra phía sau kéo áo lót căng ra. Một thoáng mát mẻ trên da lưng, ngọn gió từ sông ứa vào làm Tuấn và chàng run lên. Chiếc phi cơ chúc mũi xà xuống, nổ súng, Tuấn kéo chàng lao sâu hơn nữa vào bãi ngô. Hai người trườn trên cát khô, cố ẩn hình dưới lớp lá. Có tiếng nổ lớn kèm theo tiếng đại liên phát hiện từ phía sông. Quay lại nhìn thấy một chiếc tàu chiến nhỏ dưới lòng sông, một khẩu súng nòng dài giật lui liên tiếp, chàng ngăn người ra ngắm cho tới khi nòng súng lắc lư, quay thật chậm hướng về phía bãi ngô. Chàng hốt hoảng theo anh lao người sâu nữa vào bên trong, trườn giữa các luống ngô. Tuấn la: "Có hổ! Nhảy vào đây Định!". Chàng theo anh nhảy vào, ngã chúi xuống đáy hổ. Đạn cắt đứt những ngọn ngô, cành lá vụn rơi lả tả. Cát dưới hai lòng bàn tay ẩm ướt, màu đen. Chàng cảm thấy hoàn toàn yên ổn, ngừng đầu tì lên tay. Tuấn nằm bên, đầu ngẩng cao nhìn chăm chú về phía trước: một đôi chân trắng bất động trong chiếc váy đen, hình dáng một thân thể đàn bà. Tuấn từ từ nghiêng đầu, chăm chú tiếp tục nhìn. Chàng bắt chước cử động của anh và nhìn thấy giữa hai chân một khoảng đen. Người chàng nóng bừng lên, mắt hơi hoa đi trong tiếng nổ dền dưới sông. Chàng có nghe thấy tiếng súng nhưng không để ý, không thể làm gì hơn là giữ nguyên vị trí và nhìn vào đó, cố khám phá trong bóng tối những đường nét rút khoát hơn. Tuấn thì thào: "Dậy coi xem! Chắc cô ta còn sống đấy, anh vừa thấy cựa quậy" Tiếng một chiếc mũ sắt rơi trên sân vang chói tai, chàng ngồi dậy vuốt mồ hôi trán, mở bí đông đưa lên miệng uống một ngụm lớn. Viên trung úy chưa ngủ, một tay vắt trên trán, những giọt mồ hôi làm ướt đầm mảng tóc mai nửa xám nửa bạc.

— Anh còn thuốc lá không?

— Mời trung úy. Thuốc đen.

Ngày hôm ấy chàng mới mười hai, ngồi nhìn Tuấn kéo cô gái ngồi dậy và bắt đầu nói truyện. Chàng lắng nghe những câu nói, tò mò chờ đợi một sự kỳ lạ xảy ra. Cái gì sẽ xảy ra, chàng không biết, chỉ lờ mờ cảm thấy những nóng bừng day dứt và mắt không rời hai người tựa vào thành hổ. Chàng thất vọng như vừa hụt không được dự một cuộc vui kỳ diệu khi hể

tiếng súng, Tuấn từ biệt cô gái kéo chàng ra khỏi hố, len lỏi giữa các luống ngô tìm đường trở về làng. Tuấn hơn chàng ba tuổi nhưng đã là đàn ông. Khi tắm ngoài ao, chàng đã nhận thấy anh khác hẳn mình. Tại sao Tuấn không tiến thêm, người con gái đã đỏ mặt và cười hóp người vào thành hố cát. Chàng cựa mình, quay trở mặt vào tường đồn và cảm thấy thèm muốn đàn bà bắt đầu biểu lộ. Đầu điều thuốc tần mần vạch một vòng tròn trên viên gạch ngang tầm mắt. Khói thuốc dội trở lại cay xè, chàng đưa tay lên dụi, hai làn da dăm mồ hôi cọ vào nhau trơn nhẵn. Tiếng hiệu thỉnh viên bắt đầu và tiếp tục đều đều: « Bắc bình anh dừng, bắc bình anh dừng cái cách anh dừng canh liệt, non nước gay go anh dừng yên bảy, tốp. Tôi nhắc lại, bắc bình anh dừng cái cách... không nghe rõ à? Điều chỉnh lại đi. Một hai ba bốn năm sáu... nghe ba trên năm... » Người đàn bà bỗng con trên bãi cát nấn nỉ người lái đò: « Bác cứ trở dùm đi. Máy bay bà già không bắn đâu, chồng tôi ốm nặng, tôi phải qua sông gấp ». Người lái đò ngừng đầu nhìn chiếc phi cơ lượn vòng trên cao, nhìn giòng sông Nhị mùa nước bắt đầu dâng. Tuấn nói: « Hai anh em tôi bơi khá lắm, bọn tôi sẽ khênh theo hai cây chuối kia. Có gì cho bà ấy bắm... Bác chở dùm tất cả đi một chuyến ». Tuấn đứng đầu mũi chèo, chàng ngồi trong khoang nhua thiếu phụ bằng cả tâm hồn náo nức. Đầu chiếc vú khuất trong miệng đứa bé nhưng phần phồng căng thẳng hồng quyến rũ đôi mắt chàng, chàng không hiểu quyến rũ thế nào nhưng... Khi đứng trên bờ đê cao nhìn theo hình dáng thiếu phụ đi khuất sau dạng tre chân đê, Tuấn thở dài sau khi cởi phanh ngực áo đón gió cho khô mồ hôi: « Bà ấy đẹp như chị Khanh. Người Hà-nội tản cư đây ». « Sao anh biết? ». Tuấn cười gờ tay vuốt tóc: « Mà nghĩ cái gì mà không thấy tao với cô ấy nói truyện hoài từ bến lên đến đây? Cô ấy đẹp ghê phải không? ». Nghe anh gọi thiếu phụ là cô ấy, chàng thán phục. Chàng xoay người nằm ngửa nhìn lên mái tôn, quờ tay kiểm tờ báo đưa lên quạt. Một thời gian mát mẻ ngấn trên da mặt, bầu trời u ám cuối mùa đông, gió từ sông lên lành lạnh, tự dưng chàng kéo tay anh: « Dừng lại đi! Chắc bà còn nhìn theo chúng mình ». Hai anh em quay lại. Người bà chống chiếc gậy còn đứng ở gò cao gần cổng làng, gió thổi mạnh dạt tà áo sang một bên, những đám mây xám bay thấp và nhanh phía sau. Tiếng những lá ngô chung quanh xào xạc, âm thanh sắc và êm ái làm nước mắt chàng trào ra. Chàng hỏi anh: « Sao bà không chịu sang ở chung với gia đình chúng mình? Bà già thế sao bà ở một mình. Tây đến thì sao anh? » Tuấn tháo mũ giờ cao phất về phía cổng làng: « Bà với thầy không ưa nhau từ lâu... Vung mũ lên mây, bà chưa nhìn thấy tội mình vậy đâu! » Chàng tháo vôi chiếc mũ xanh rộng vành của đoàn thể sói con, leo lên một ngôi mộ vầy lia lia la lớn: « Bà ơi bà. Bà!... » Chàng quay mũ hoài, nước mắt chảy ướt mặt, gió thổi tạt những giọt nước nóng lấm tẩm vào vành tai. Lớp mây đen kéo ngang phía chân trời làm hình dáng người bà mờ lẩn đi, thấp thoáng trong trời đất. Tuấn kéo tay chàng đi về phía sông: « Về đi, không hết đò ». Lên tới bờ đê cao phía bên kia, hai người đứng bên dưới giòng sông đỏ cuồn cuộn, khu làng, lũy tre, ruộng ngô hòa lẫn vào nhau, Tuấn nói: « Tại sao bà theo ra tiền, lại không cho bọn mình biết nhỉ? ». Bãi ngô dâng lên cao, những

thân cây bắp rể đâm ngang tua tủa, chàng sợ hãi níu lấy tay anh. Người con gái trong bụi ngô cười rú lên, chàng sợ hãi vùng chạy nhưng chiếc váy đen bùng lớn lên như lưới, đôi chân trắng xừng xừng cột đá ngói đèn thần thoại. Chàng vùng vẫy nhưng như bị kéo, như bị hút vào trong chiếc lưới đen mênh mông. Chàng hết sợ hãi nhưng muốn rất muốn ngoái cổ lại nhìn người bà đang đứng tiền trên gò đất công làng đằng sau có mây đen xám. Chàng muốn nhìn nhưng quay cổ lại không được. Chàng vùng vẫy, không gian nóng bỏng, có tiếng đồ vỡ ầm ỉ. Chàng vùng mạnh... «Đù mẹ cái mũ sắt thẳng nào cứ đề vương lối hoài vậy!». Chàng mở mắt, chiếc mũ sắt lật ngửa còn đang quay tròn thêm một vòng trên sân gạch nắng chói chang. Chàng giơ tay lên coi đồng hồ, mồ hôi làm mờ mặt kính và làm thành kim khí áp vào da ngựa ngáy. Chưa tới ba giờ.

(Còn tiếp)

THẾ-UYÊN

Tăng cườngⁱⁿ sinh lực**bằng****CETONIC****VITAMINE C 250mg**

1483 BYT - D P.Đ.C.

tìm đọc

đất sốngNguyệt-San Nghị-Luận Văn-Học
của lớp người ý-thức hiện đại

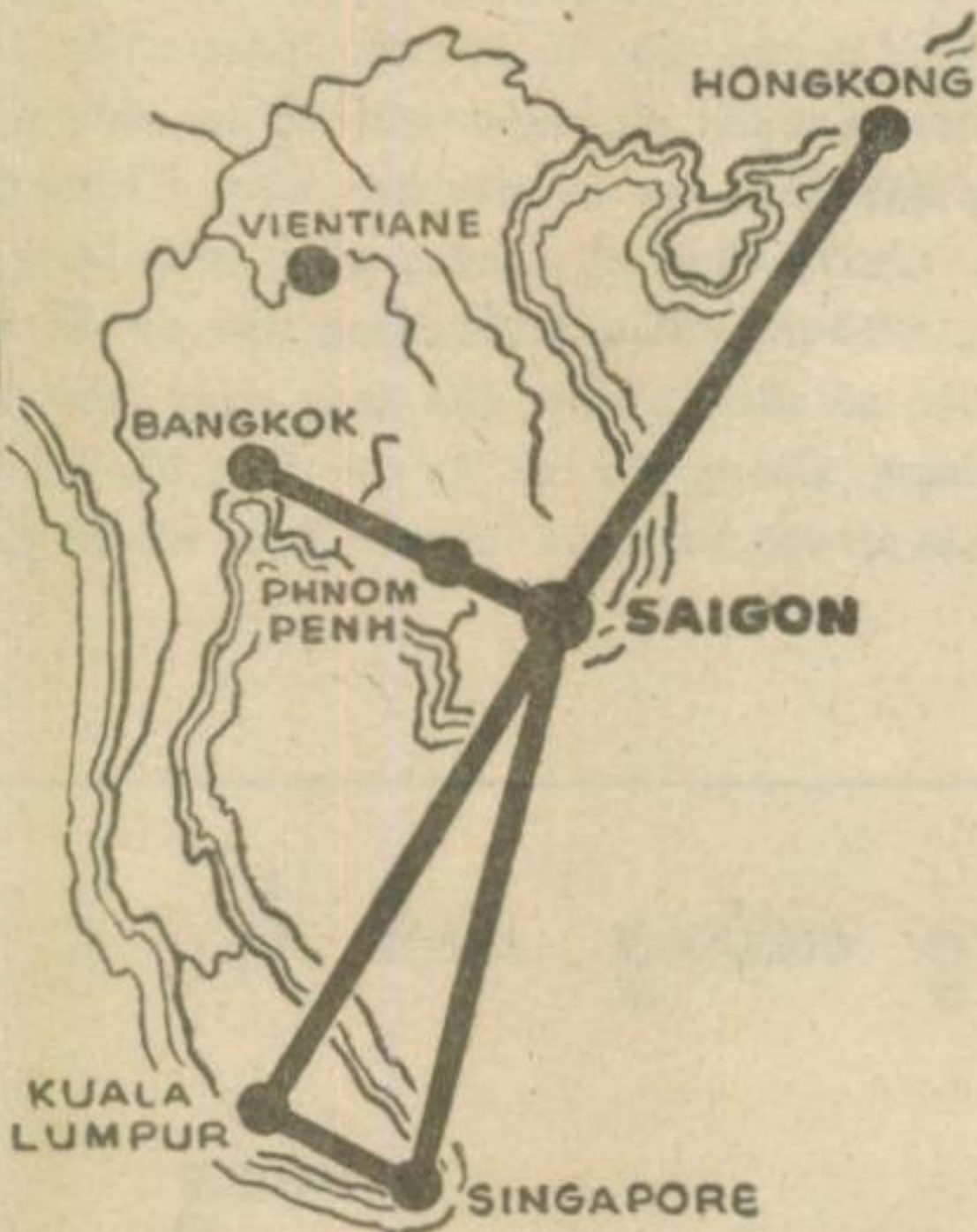
V
i
ệ
t

N
a
m

H
à
n
g

K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R

V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THẾ-GIỚI

Haasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
15, NGUYỄN-HUỆ, SAIGON. 21.624-625 bch

Một cuộc thăm dò ý kiến về kết quả của việc bỏ thi

NGUYỄN HIỂN LÊ

Cách đây ba bốn tháng, nhân một anh bạn hỏi tôi về vấn đề bỏ thi, tôi đáp :

— Năm 1952, khi soạn cuốn *Thế hệ ngày mai*, tôi đã vạch những khuyết điểm cùng những bất tiện của chế độ thi cử ngày nay; rồi năm 1956, trong cuốn *Muốn thi đậu các bằng cấp Trung-Học*, tôi có đề nghị bỏ bớt kỳ thi Tú Tài I, vì học sinh của mình đã lựa chuyên khoa từ lớp đệ III, mà kỳ thi Tú Tài I lại gần kỳ thi Tú Tài II quá. Tôi rất mừng rằng năm ngoái, năm kia, người Pháp đã bỏ kỳ thi đó và hiện nay bộ Quốc Gia Giáo Dục của mình cũng dự định bỏ nó nữa.

Vậy, tôi không chống nguyên tắc bỏ thi. Nhưng một khi bỏ rồi thì phải có gì thay thế hoặc ít nhất cũng phải có một kế hoạch kiểm soát chặt chẽ sự học của trẻ, nếu không thì chẳng hóa ra chỉ phá hoại mà không kiến thiết ư ? Tôi chưa được đọc một văn kiện, một bài báo nào kể rõ những biện pháp của Bộ trong việc kiểm soát đó, cho nên tôi chưa

có thể đưa ý kiến gì được. Có đưa ý kiến thì cũng chỉ là lý luận trên nguyên tắc, mà tranh biện trên nguyên tắc thì suốt năm này qua năm khác cũng chẳng ai thuyết phục được ai. Đợi Bộ áp dụng chính sách bỏ thi trong ít lâu, đợi có được ít kết quả cụ thể rồi đưa ý kiến thì hợp lý hơn.

Trả lời ông bạn như vậy, nhưng trong thâm tâm thì tôi ngờ rằng trong hoàn cảnh hiện tại (đa số trường học thiếu kỷ luật, đa số giáo sư làm việc tắc trách, đại đa số học sinh không chịu học, mà Bộ lại thiếu nhân viên kiểm soát) sự cải cách của Bộ khó mà có kết quả được lắm mặc dầu có thể đúng trên nguyên tắc.

Điều quan trọng hơn là sửa đổi chương trình, lối dạy và tìm cách kiểm soát sự học của trẻ cùng sự dậy dỗ của ông thầy.

Tôi chỉ nghĩ thăm như vậy thôi.

Mới đây, nhân về nghỉ tại một châu thành miền Hậu Giang đúng vào lúc các trường Trung học công và tư tổ chức cuộc thi đệ nhị lục cá nguyệt theo chỉ thị mới của Bộ, tôi có dịp được gặp một số giáo sư ở đủ các trường Trung học công, bán công và tư, và tôi đã xin các vị đó cho biết ý kiến của mọi giới, cùng kết quả của chính sách bỏ thi.

Về ý kiến của các giới thì hết thảy các vị đó đều bảo rằng « ở tỉnh này người ta ít quan tâm tới vấn đề đó ». Tôi cần nói thêm rằng tỉnh tôi nói đây từ mấy chục năm nay vẫn là nơi yên tĩnh nhất ở miền Nam. Dân chúng chỉ lo làm ăn, ngay như thời cuộc mà cũng chỉ lưu tâm tới một cách rất là ôn hòa.

Xét chung thì một số phụ huynh học sinh không có phương tiện cho con em học được hết đệ nhị cấp, đã tỏ vẻ hơi thất vọng, vì áp dụng chính sách bỏ thi thì con em họ không có được một bằng cấp trong tay mà chỉ có được một chứng chỉ học hết đệ tứ, mà chứng chỉ này theo họ chẳng có giá trị cả nếu do một trường tư cấp. Và hiện đã có một số bắt con em thôi học. Còn các phụ huynh khác — hạng có tiền, có thể cho con em lên Đại Học được — thì chẳng khen cũng chẳng chê, sao cũng được.

Chính các học sinh thì lại càng chẳng có ý kiến gì cả, vì một lẽ dễ hiểu là chúng còn nhỏ quá : 16 tuổi, đã biết suy nghĩ gì đâu.

Còn giới giáo sư ? Đại đa số lo dạy học và kiếm tiền, có nghĩ tới vấn đề đó

thì cũng chỉ nghĩ qua loa, rồi lo tới các việc gần hơn, thực tế hơn, chẳng hạn trường học (trường tư) niên khóa tới có phải rút sổ lớp đệ tứ không, sổ giờ dạy của mình có sứt không, hè này các lớp luyện thi dẹp hết, trường đóng cửa hai tháng, mình phải kiếm học trò để dạy riêng ở nhà chứ...

Chỉ có một vài vị thực lưu tâm đến sự giáo dục của thanh niên, là có ý kiến rõ rệt. Họ đều ngại rằng trình độ của các học sinh, nhất là trong các trường tư, sẽ mỗi ngày mỗi sút, kỷ luật cũng sẽ mỗi ngày mỗi suy. Nhưng một vị lại mỉm cười, nói đùa thêm câu này nữa : « Cũng chỉ suy thêm một chút nữa thôi, vì hiện nay kỷ luật đã gần tới cái mức không thể suy hơn được nữa rồi. Nó đã gần thành con số không rồi ».

oOo

Hỏi về biện pháp của Bộ để kiểm soát sự học của trẻ thì một vị giáo sư đáp :

— Về phương diện đó thì phải nhận rằng Bộ làm việc đàng hoàng lắm, đã tìm đủ cách để diệt mọi sự gian lận hoặc lạm quyền và đưa ra những biện pháp gắt gao.

Trước kia mỗi tuần ra một bài thi lục cá nguyệt ; nay dồn tất cả các bài thi đó lại giữa năm và cuối năm, thi làm hai đợt, mỗi đợt ba bốn ngày, và thi đủ các môn. Cũng có phiếu báo danh cũng giấu tên tuổi học sinh, cũng đánh số, cũng rọc phách, cũng không cho giáo sư chấm bài của học sinh mình, cũng

xáo trộn chỗ ngồi của học sinh các lớp, lại xen học sinh năm này với học sinh năm khác (chẳng hạn thi sử địa thì học sinh đệ tứ và đệ lục ngồi xen nhau chung trong một phòng, học sinh đệ tứ làm bài riêng, học sinh đệ lục làm bài riêng, như vậy chúng không thể gà nhau nhắc nhau, trao bài cho nhau được)... Tóm lại, tổ chức cũng y như các kỳ thi lấy bằng cấp hồi trước, có phần chu đáo hơn nữa. Vậy nói là bỏ thi chứ sự thật chỉ là "chuyển thi" thôi, chuyển từ các trường thi về học đường. Trước kia Bộ phải tổ chức các kỳ thi lấy bằng cấp thì nay học đường phải tổ chức lấy các kỳ thi để phát chứng chỉ học bạ. Bỏ bằng cấp thì sẽ trừ được tận gốc cái bệnh ham bằng cấp, «tín ngưỡng» bằng cấp, nhưng thay nó bằng chứng chỉ, học bạ thì sau này có phát thêm một bệnh mới, bệnh ham chứng chỉ không? Danh có đổi mà thực chất có đổi không? Chỉ tương lai mới trả lời được câu đó.

Tôi hỏi :

— Kiểm soát chặt chẽ như vậy thì kết quả chắc khả quan lắm ?

Ông bạn tôi đáp :

— Tôi không dạy ở trường công, nhưng tôi đoán rằng tại các trường công tương đối có kỷ luật, học sinh sợ bị phạt, bị đuổi, thì kết quả chắc cũng đỡ đỡ, chỉ tệ hơn chính sách thi cử cũ một chút thôi nghĩa là tương đối còn có chút công bình và người ta có thể tin một phần nào vào các chứng chỉ và học bạ được. Vì anh còn lạ gì, thời này làm sao mà tránh được hết những sự gởi

gắm gần như dọa nạt nhất là tại những tỉnh nhỏ. Mà mười vị giáo sư thì được mấy vị thực có công tâm, không có những trò yêu, trò ghét, mấy vị dám tỏ ra nghiêm khắc với học sinh ?

Còn tại trường tư tôi dạy — tôi không dám nói các trường khác — thì người ta chỉ áp dụng các biện pháp của Bộ cho có hình thức thôi. Người ta theo đúng chỉ thị của Bộ đấy, nhưng học trò cứ đánh phép lung tung lên; ở ngoài những đứa lớn liệng bài vào trong phòng cho em, cho bạn; ở trong thì chúng liệng giấy cho nhau, mở sách ra đặt ngay trên đùi, có khi ngay trên bàn mà chép; giám thị thấy đánh giả đui, giả điếc chứ biết làm gì bây giờ ? Rồi có những học sinh đòi giáo sư cho biết trước bài thi, đòi giáo sư cho thêm điểm...

Làm sao được ? Phải hiểu tình cảnh của người ta chứ. Từ hiệu trưởng tới giám học, giáo sư, giám thị..., đều trông vào học phí để mà sống ; mà ở cái thời này có học sinh nào lại chịu đóng tiền cho một trường để phải ngồi lại lớp cũ hoặc phải ôm về nhà một cái học bạ chẳng có một lời khen lại đầy những lời chê ? Chỉ có cách đóng cửa trường.

Cho nên chúng đã bỏ học luôn ba bốn tháng, gần đến ngày thi, trở lại, xin đóng một tháng tiền học để được thi, thì trường cũng phải nhận cho chúng thi; chắc trường cũng cầu cho chúng khéo đánh phép mà làm được bài để có thể an tâm cho chúng lên lớp, cho chúng một chứng chỉ.

Tôi hỏi :

— Vậy sẽ không có đứa nào rớt ư ?

— Thi mà không có trò rớt thì coi sao được ! Thế nào thì mỗi lớp cũng phải cho một vài đứa rớt — tượng trưng mà — bắt chúng thi lại kỳ nhì, rồi kỳ nhì thì sẽ cho chúng đậu hết hoặc gần hết. Vì bắt chúng ngồi lại lớp cũ thì chúng sẽ làm cho biết tay. Chúng mà oán thì ở cái thời này, từ hiệu trưởng tới giáo sư đều khó mà ăn ngon ngủ kỹ được. Tại một trường công nọ mà chúng còn dám chửi giáo sư, đánh giáo sư, huống hồ là trong các trường tư.

Tóm lại, dùng biện pháp gì thì cũng chỉ là có hình thức. Thi cử, chứng chỉ, học bạ thời này chẳng có chút giá trị gì cả.

oOo

Ông bạn tôi là một người nghiêm khắc, nhất là trong vấn đề giáo dục; ông dạy con rất kỹ, rất bất bình về sự thiếu kỷ luật trong trường học. Có thể rằng ông hơi bi quan nhưng điều tra lại, tôi thấy những lời của ông đều đúng cả. Mà ở tỉnh này, kỷ luật tại trường công cũng không hơn gì trường tư bao nhiêu một học sinh lớp đệ ngũ một trường công cũng bảo tôi rằng trong kỳ thi, bạn của nó « đánh phép » rất nhiều, giáo sư cứ làm lơ.

Mặc dầu vậy, tôi cũng chưa kết luận rằng chính sách bỏ thi đã có kết quả xấu. Tôi chỉ mới biết kết quả ở một tỉnh nhỏ còn phải xét kết quả ở các đô thị và ở bốn mươi lăm tỉnh khác nữa.

Mà dù kết quả ở khắp nước cũng đều xấu cả thì tôi cũng chưa có thể kết luận rằng chính sách bỏ thi đã hoàn toàn thất

bại. Vì trong buổi đầu, làm sao khỏi vấp được. Phải rút kinh nghiệm, sửa đổi lần lần vài năm rồi mới biết thất bại hay không. Viết bài này, chúng tôi chỉ thẳng thắn đưa ra ít nhận xét phiến diện để Bộ thấy rõ được một phần sự thực; chứ tuyệt nhiên không có ý muốn làm nản lòng một người nào hết.

Tôi chắc rằng cuối niên học này, Bộ thế nào cũng được đọc nhiều phúc trình của các trường công và tư trong nước. Những phúc trình đó tất nhiên đáng được nghiên cứu kỹ, nhưng theo tôi chưa đủ tin hẳn được. Dù Bộ có phái những người vi hành đi điều tra từng tỉnh thì ngay những điều tra đó cũng chưa đủ tin hẳn nữa. Phải xét thêm ý kiến của dân chúng; chính vì vậy tôi viết bài này, và mong rằng ở mỗi tỉnh sẽ có những vị lưu tâm đến giáo dục, đưa ra những nhận xét riêng về tỉnh mình để góp ý kiến, tài liệu với nhà cầm quyền.

Trong mười mấy năm nay, tôi thấy rằng ở nước ta, những người cầm vận mạng quốc gia mà có thiện chí nhất thì cũng chỉ hiểu được độ 50%. tình hình trong dân chúng thôi, thấy được độ 50%. Sự thực thôi; còn những kẻ tự cao tự đại, sẵn có thành kiến, tự cho rằng chỉ có mình mới sáng suốt thì gần như không biết chút gì cả. Họ bị kẻ chung quanh bịt mắt bịt tai, ngồi trong phòng giấy mà xây dựng những kế hoạch này kế hoạch khác, không có chút thực tế, không biết cái gì cần làm trước, không biết cái gì cần làm sau, đề rồi khi thất bại thì người dân phải chịu hết hậu quả.

NGUYỄN HIẾN LÊ

Tiên đông và niên hiệu Quang Trung

NGUYỄN TOẠI

Nhân đọc bài « Chuyện chung quanh cờ tiên đời Vua Quang-Trung » của ông Vương Hồng Sển, trong số báo BK.TĐ số 219, thấy có vài điều nên bàn đề góp thêm ý-kiến.

Trong bài ấy, Vương tiên sinh có viết : « cả hai đảng (vua bên Tây-Sơn và chúa Nguyễn-Ánh) vừa công văn, vừa tiễn, vẫn còn dùng niên hiệu chính thống vua Hiền Tôn (Cảnh-Hưng). Về việc dùng niên hiệu các vị vua, có khi kế tiếp, có khi cộng tồn, người ta theo cách nào ?

Khi triều Lê tồn tại, nhân dân Bắc-Hà (từ sông Gianh trở ra) linh thổ của nhà Lê, dùng niên hiệu các vua triều Lê, đó là bổn phận của thần dân. La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp, trong các thư từ gửi Nguyễn-Huệ, dùng niên hiệu nhà Lê, Cảnh Hưng rồi Chiêu Thống, đề tỏ rằng mình là thần tử nhà Lê, và đề tỏ cả ý riêng mình không muốn theo Nguyễn Huệ. Đối với La Sơn, Nguyễn-Huệ là người nước khác, trong thư, La Sơn gọi là « quý-quốc » nước này bắt đầu từ Thuận Hóa trở vào Nam. Nguyễn Huệ cũng nghĩ như thế, tự cho mình là người nước khác đối với La Sơn, nên trong các thư từ, nói đến « bản-quốc » (nước tôi). Trong nước

An Nam của Nguyễn Huệ (Nguyễn-Huệ xưng là An Nam Đại nguyên súy) có một vị vua, đó là vua Thái Đức, nên trong thư từ, Nguyễn Huệ dùng niên hiệu Thái Đức, chứ không bao giờ dùng niên hiệu các vua Lê. Vậy là rõ rệt, La Sơn cũng như Nguyễn Huệ, tự coi là người hai nước, có hai vua khác nhau, ai nấy là thần tử của vua mình.

Nhưng khi vua Lê mất nước, Nguyễn Huệ lấy đất của vua Lê, xưng Hoàng-đế, đặt niên hiệu Quang-Trung, thì dù muốn, dù không, La Sơn cũng như mọi người dân Bắc Hà khác, trở thành dân của nước do Nguyễn Huệ lập, nên phải dùng niên hiệu Quang Trung trong các thư từ, cũng như sẽ dùng các niên hiệu Cảnh Thịnh, Bảo Hưng sau này của các triều Nguyễn Tây Sơn.

Lại phải nói ngay rằng khi vua Quang Trung xưng Đế, nước của vua chỉ gồm từ Quảng Nghĩa ra đến hết Bắc Hà mà thôi, còn từ Qui-Nhơn vào Nam là đất của vua Thái Đức (Quang Trung năm đầu ngang với năm Thái Đức thứ 11). Trong phần đất này quan và dân vẫn dùng niên hiệu Thái Đức là lẽ dĩ nhiên.

Đối với Nguyễn Ánh vua Thái Đức, vua Quang Trung là giặc, Nguyễn Ánh

không khi nào dùng các niên hiệu Thái Đức, Quang Trung, chỉ dùng niên hiệu vua nhà Lê, tự coi là thần tử nhà Lê, như tổ tiên vẫn làm. Các chúa Nguyễn dù tự chủ trong thực tế, vẫn theo chính sách của nhà Lê. Nhưng Nguyễn Ánh không dùng niên hiệu Chiêu Thống, mà tiếp tục dùng niên hiệu Cảnh Hưng của vua Lê Hiến Tôn, mặc dù Hiến Tôn không còn sống nữa. Hiến Tôn băng năm Bính Ngọ (1786) Cảnh Hưng thứ 47 và Mẫn đế lên ngôi, đời năm sau làm Chiêu Thống nguyên niên, vậy mà Nguyễn Ánh vẫn dùng niên hiệu Cảnh-Hưng cho đến năm thứ 63, khi cải nguyên thành Gia Long nguyên niên. Không dùng niên hiệu Chiêu Thống, Nguyễn Ánh không nhận vua Chiêu Thống là vua của mình, cho rằng vua Chiêu Thống do nhà Tây Sơn dựng lên. Sự ấy có đúng không ?

Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô-thị Chí, một quyển sử liệu chép theo hình thức tiểu thuyết chương hồi, viết về việc Chiêu Thống lên ngôi : « Nguyễn-Huệ không thích Hoàng tự tôn vì Công Chúa Ngọc Hân thường bảo là nhân phẩm cháu mình tầm thường và khen anh mình là người hiền (Sùng Nhượng Công Duy Cẩn trước đã được chúa Trịnh ép vua Hiến Tôn đặt làm Thái-Tử, nhưng bị phế khi quân Tam Phủ đòi đặt Duy-Kỳ làm Hoàng tự tôn). Đến lúc bệnh của Hoàng thượng (Hiền tôn) đã nguy, triều đình bàn nhau lập Hoàng tự tôn làm vua, bèn sai người ra nói với Bình (tên khác của Nguyễn Huệ). Bình

không nghe. Sứ giả về triều lập lại lời Bình, cả triều bàn bạc phân vân, không biết làm ra thế nào. Thình lình trong bọn có người nói lớn : Tự tôn không được làm vua thiên hạ ắt loạn, họ Lê sẽ mất, ấy là lỗi tại Công chúa. Công chúa đã làm hại đến việc lớn của Xã-Tắc, thì nên xóa tên trong sổ họ, để cho Công chúa về nước Tây Sơn mà hưởng phú quý, họ ta không thiếu gì một người ấy. Mọi người đều nhìn xem ai thì là Hoàng-thân Vương quận công. Công chúa nghe nói cũng sợ, liền về phủ đề xin với Bình, Bình bằng lòng cho » .

Lại còn chuyện bài chiếu dời niên hiệu ra Chiêu Thống. Đêm hôm trước, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ bỏ Thăng-Long, rút quân về Nam, không cho vua Chiêu Thống biết, sáng ra thì quân Tây Sơn đi hết rồi. « Các quan ngơ ngác nhìn nhau không biết nên nói thế nào. Tả hữu chợt có người tâu : Hôm qua vâng có chỉ truyền sớm nay đặt triều. Bây giờ ngự giá đã tới, dám xin nhắc lại. Hoàng thượng hỏi các quan : Triều hãy thôi chăng ? Các quan đều nói Hoàng thượng ra triều đề giáng chiếu dời niên hiệu đó là việc lớn, sao lại thôi ? Hoàng thượng bèn ra coi triều, rồi ban tờ sắc công bố việc dời niên hiệu, lấy năm sau, năm Đinh Vị làm Chiêu Thống nguyên niên. Trong tờ sắc đó, một rằng nhờ quý quốc Vương (chỉ Nguyễn Nhạc) hai rằng nhờ quý quốc Thượng công (chỉ Nguyễn Huệ) giọng văn đại để đều là lời nói khi chúa Tây Sơn còn ở. Lúc ấy, có người bàn rằng : hễ đã về rồi thì những chỗ kia nên dời lại cả. Song

trong khi vôi vàng không thể đòi kịp, rồi cứ để nguyên vẫn như cũ »

Với tờ chiếu đòi niên hiệu như thế, hỏi làm sao Nguyễn Ánh có thể coi vua Chiêu Thống là vua của mình được ? Nguyễn Ánh, không nhận vua Chiêu Thống, nhưng chưa dám đoạn tuyệt với triều Lê, nên vẫn dùng niên hiệu Cảnh Hưng như cũ.

Năm Nhâm Tuất (1802), sau khi thu phục Phú Xuân, và sau 22 năm xưng vương (từ Canh Tí 1780) Nguyễn Ánh mới đổi niên hiệu, tự đặt niên hiệu là Gia Long nguyên niên. Đổi niên hiệu để tỏ ý rằng không còn là thần tử nhà Lê nữa, dòng Lê đã hết, và ra thu phục Bắc Hà là lấy đất cho mình, lấy từ tay nhà Tây Sơn, không phải lấy đất của nhà Lê, mà cũng không phải lấy cho nhà Lê. Đổi niên hiệu xong, vua Gia Long sai sứ sang Trung quốc cầu phong, nghĩa là cầu được Trung quốc công nhận là vua nước Nam, thay cho nhà Tây Sơn, chứ không phải thay nhà Lê, vì Trung quốc đã công nhận nhà Tây Sơn là vua nước Nam khi phong vương cho Nguyễn Huệ.

Đến chuyện tiền đồng. Xin nói về tiền đề tiêu dùng, không nói đến thứ tiền đúc ra chỉ để thưởng công hay để kỷ niệm. Quả như Vương tiên sinh đã nhận xét, không thấy sử liệu nào nói rằng triều Quang Trung có đúc các thứ tiền lớn, đường kính đến 124 ly và 50 ly, mà cho đến nay chỉ thấy có thứ tiền Quang Trung 25 ly. Vua Quang Trung cũng như các vua nước ta, khi đặt hay

đổi niên hiệu, liền cho đúc tiền mang niên hiệu mới, để cho dân biết có niên hiệu ấy. Vua cuối cùng triều Lê, dù ở ngôi không được bao lâu, trong lúc nước loạn, kho hết, cũng có đúc tiền Chiêu Thống.

Vương tiên sinh bảo rằng trong triều Nguyễn, tiền Quang Trung là ngụy tiền, phải đem chôn giấu. Kề ra muốn giấu tiền, tưởng cũng chẳng cần phải chôn, chỉ việc đem đúc ra thành đồ, vết tích niên hiệu ngụy triều sẽ biến mất ngay, và nếu giá đồng cao, lại có lời nữa. Nhưng không phải khi niên hiệu Gia Long xuất hiện, các loại tiền của triều Nguyễn Tây Sơn bị cấm ngay đâu mà người ta phải chôn giấu. Năm Gia Long thứ 2 (1803) mở sở đúc tiền gọi là Bửu Tuyền cuộc (dân gọi nôm là sở Trùng tiền) ở Bắc Thành, đúc tiền đồng và tiền kẽm, mỗi đồng nặng 7 phân (mỗi phân bằng 0,377).

Nhưng chắc rằng số tiền mới đúc ra chưa được nhiều, không đủ để đổi cho dân thu tiền cũ về, mà nhất đán cấm ngay tiền cũ, làm tổn hại cho dân nên triều mới vẫn còn để dân gian tiêu dùng đồng tiền cũ, cùng với tiền mới. Việc cho tiêu tiền cũ này kéo dài đến năm Mậu Dần (1818). Theo các tờ chiếu ngày 2 tháng Chạp năm Đinh Sửu, Gia Long thứ 16 (8-1-1818) gửi ra cho các trấn, có định rằng từ tháng Giêng năm Mậu Dần (5-2-1818), vì đã có tiền kẽm mới đúc xong cho đem ra thông dụng nên không được tiêu «ngụy tiền» nữa. Trong các tờ chiếu ấy, lại nhắc rằng

trước kia, đã cho ngụy tiền lưu thông năm năm, hết năm năm phải tiêu hủy. Do đó mà thấy rằng từ khi có niên hiệu Gia Long, tiền các triều Tây Sơn vẫn còn được lưu hành và triều đình đã có lần bảo trước cho biết là dân gian còn được tiêu ngụy tiền năm năm nữa, và sau hạn ấy, ngụy tiền bị tiêu hủy. Chiếu của triều đình nói tiền ngụy bị tiêu hủy mà không thấy nói đến đổi thành tiền mới? Phải chăng từ trước đến lúc ấy, tiền cũ đã được đổi nhiều rồi, nhưng chưa hết, vẫn còn cho tiêu dùng, chỉ từ tháng Giêng năm Mậu Dần mới không được tiêu nữa vì thời hạn cho đổi đã hết? Lại xin mách ở đây rằng, loại «ngụy tiền» ấy, ngoài tiền Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh ra, lại có tiền Minh Đức của vua Thái Đức, hai chữ Minh Đức không phải là niên hiệu mà chỉ là chữ có nghĩa hay mà thôi.

Cũng đề trù liệu việc đổi tiền vào tháng Giêng Mậu Dần. ngay từ tháng Hai năm trước, đã có nhiều chuyến sai, mang lính và tàu ghe ra Bắc thành chở tiền mới đúc về Kinh. Chiếu ngày 22 tháng 2 năm Gia Long thứ 16 sai Chưởng thủy quân Đô thống chế, đem quân thủy bộ gồm 4.124 người, 69 chiếc tàu, 15 chiếc ghe ra Bắc để vận tải tiền mới đúc và các sản vật khác về Huế. Tài liệu này và nhiều tài liệu khác nữa cho thấy rằng đến triều Minh Mệnh, vẫn còn đúc tiền đồng và tiền kẽm tại Bảo Tuyền cuộc ở Bắc thành (nay là khu đất ở cuối phố Trường Tiền ở Hà Nội,

tên người Pháp đặt là phố Paul Bert và con đường ở sau mà người Pháp đặt tên là rue de la Sapèquerie), chắc rằng ở ngoài ấy, có sẵn thợ và sẵn nguyên liệu hơn ở kinh đô.

Thứ tiền để dân gian lưu hành, qua các triều đại, chỉ có đường kính chừng 25 ly, thứ tiền lớn và nặng (124 và 50 ly) mà Vương tiên sinh thấy nói trong báo và bán ở ngoài phố đó, có đề tiêu dùng không? Bên Trung quốc, sử liệu cho biết rằng, có triều đại, vì khan tiền và vì thiếu đồng để đúc nhiều tiền nhỏ, phải đúc những tiền lớn. Đời Tam quốc, nhà Ngụy đúc đồng tiền lớn ăn 500 đồng tiền nhỏ, nhà Ngô đúc đồng tiền lớn ăn 1000 đồng tiền nhỏ, đồng tiền nhỏ này là thứ tiền ngũ thù chế ra từ đời Hán-Vũ-đế. Gọi là tiền lớn, ăn 500 đồng tiền nhỏ, nhưng đem cân lên, đâu có bằng trọng lượng 500 đồng tiền nhỏ, thứ tiền

SÁCH MỚI

Bách-Khoa Thời-đại đã nhận được :

— *Vườn cỏ thụ tập truyện của Nguyễn Thu Giao, do Đất Sống xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách gồm 5 truyện ngắn, dày 118 trang, giá 44đ.*

— *Trôi sông thơ Luận Hoán do tác giả gửi tặng. Tập thơ in ronéo, gồm mười bản chép tay và 90 bản đánh máy do các bạn quen góp công thực hiện.*

lớn ấy chỉ là thứ tiền lưu hành cưỡng bách, giá trị không đúng với giá trị thật của bản chất.

Các đồng tiền lớn mang niên hiệu Quang Trung và Minh-Mệnh, Vương tiên sinh có nói đến, phải chăng được đúc ra vào lúc thiếu đồng hay, như Vương tiên sinh ước đoán, vào lúc thừa đồng ?

Về triều Quang Trung, sử liệu còn rất ít, khó mà nay có thể biết được triều ấy có đúc tiền lớn không và nếu có, đúc ra để làm gì ? Sử liệu triều Minh-Mệnh còn nhiều, nhưng cứ Vương tiên sinh cho biết thì Cụ Nguyễn văn Tố cũng chưa tìm ra công dụng của đồng tiền lớn triều Minh-Mệnh. Trong triều Minh-Mệnh, tiền thông dụng là tiền kẽm nhỏ, chứ không phải tiền đồng. Chỉ có ở Kinh là tiêu nhiều tiền đồng. Số tiền đúc ra để tiêu từ năm Mậu Dần (1818) về sau cũng là tiền kẽm, trái với triều Lê, tiền thông dụng là tiền đồng, tuy từ đời Cảnh Hưng về sau có cho

dùng cả tiền kẽm.

Đồng tiền lớn triều Minh-Mệnh, dù có đúc ra để tiêu dùng, không phải sẽ được thay bằng đinh bạc, đinh vàng đâu. Vàng, bạc vẫn được tiêu song hành với tiền đồng, tiền kẽm. Một đinh bạc, nặng một lạng, ăn tiền đồng hai quan tám, và một lạng vàng giá 17 lạng bạc.

Giả sử nay chứng minh được rằng triều Quang-Trung và triều Minh-Mệnh có đúc tiền lớn, vấn đề phải xét là các đồng tiền hiện thấy, có phải đã đúc ra trong các triều ấy không, có thể mới có giá trị cổ vật, hay là mới đúc ngày nay, nghĩa là đồ giả để lừa người chơi đồ cổ không sành.

Nhân đọc bài của Vương tiên sinh về tiền đồng, xin góp thêm vài điều kiến, đề thông cảm với tiên sinh về giá trị đồng tiền, xưa và nay, khi xưa, ba tiền đã mua được con gà (... thoát tiền mua ba tiền gà), ngày nay con gà đáng bao nhiêu ?

NGUYỄN-TOẠI

Trường NGUYỄN-KHUYẾN

68 Lê văn Duyệt — SAIGON

1 - 7 - 66 mở các lớp

từ Đệ Thất đến Tú Tài II

(niên - học 1966 - 1967)

NHẬN GHI TÊN VÀ ĐÓNG HỌC PHÍ TỪ 15-5-66

Đoàn - Thêm

Chợ chiều sắp ngả bóng cây
Dang tay vớt mãi chưa đầy giếng khơi
Nuốt trắng, đêm lặn xuống đời
Mênh mông biển cát, vang lời đại khôn

Các mùa gọi lửa tới đây
góp tàn tro để cùng xây mộng dài
Mây thăm vẩn sợ nắng mai
Đối nhau hát gượng những bài đáng quên

Vượt ghềnh, lên dốc cưỡi voi
Thương ông quản tượng đứng ngồi không yên
Làn may gợn thoáng ao sen
Các vì sao tắt như đèn trong sương

Bắc loa, dậy tiếng hô thần
Quá tin phép lạ, tan dần khí thiêng
Đất lành tuy dễ trao nghiêng
Ý chung dồi hường, tình riêng nhạt màu

Cánh bằng lơ dẹt tung bay
Dòng sông mắc cạn, phen này trôi dàu
Núi cao nằm cạnh hang sâu
Đợi khi nước chảy qua cầu mới hay

Cột cờ lay giữa cơn giông
Cành tươi xứ lạ mang trồng ruộng khô
Hạ buồn, theo sóng nhấp nhô
Khúc quanh, ai mặc chuyển đồ xoay ngang

Hẹn ngày lan sẽ thăm bông
Hãy đem lúa trả cho đồng khởi hoang
Đương giờ hạt gạo leo thang
Kể chi những chuyện thời vàng quá xa

Một vầng đã trót phân đôi
Chia ba, thân Cuội khó ngồi ba cung
Cô Hằng ngại kiếp sống chung
Giắc riêng treo sáng mỗi vùng một trăng

Đuôi dê ngựa cổ dừng đây
hai mươi năm. Đợi vũng lầy nở hoa
Gậm trời nghe mở lối ra
Chim non bảo gió : lời ca sẽ về

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIEN

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLO PROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

QU'Y-VI HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BAN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20-821 — SAIGON

Lá thư Thụy-Sĩ

Em Lê,

Chị đến Vevey (1) chiều 25. Khi tàu còn vun vút lao với tốc độ chưa từng có ở nước nhà, qua khung kính chị đã thấy hồ Léman ần hiện.

Mặt hồ trải rộng, phẳng như một tấm gương, từng đàn chim bói cá sà xuống mặt nước tìm mồi trong khi đàn khác lượn đi lượn lại. Ven hồ, lập lòe bên mé nước vài con thiên nga ngẩng đầu cao, dáng dấp trang trọng, thướt tha lạ lùng. Xa xa, những con thuyền sơn đủ màu đang dong thẳng hàng loạt buồm no gió. Đó đây, rải rác trên mấy nhịp cầu bắc chơ vơ giữa hồ hàng chục con bói cá điềm nhiên đứng rĩa lông và thấp thoáng chiếc tàu chở du khách trên hồ đang dịu dàng nhả khói.

Núi đồi thoai thoải, bình nguyên trông hẹp và ngắn hơn hồ. Những đám lúa mì chín vàng bên cạnh lúa xanh mơn mớn, từ xa trông như những ô vuông chen lẫn hai màu.

Cỏ cây ở đây chừng như tươi mát hơn trong cái màu xanh bất biến của trời ban.

— Trời ơi ! đẹp !... ,

Chị bắt giấc buột mồm kêu lên như vậy, song cô em bên cạnh ngắt lời :

— Em sẽ đưa chị đi nhiều nơi đẹp hơn nữa kia, đừng vội.

oOo

Tìm khách sạn xong, chị rửa tay rửa mặt qua loa chứ không cả thay áo nữa đã vội vàng ra phố.

Nhịp sống ở đây như nhịp sống thôn quê Việt Nam ta nếu không thấy những khung cảnh lạ mắt, trang phục địa phương và chốc chốc đừng có xe qua lại.

Vevey như một cô gái nhỏ dịu dàng, khiêm tốn, cô không bắt chước bất cứ ai, cô có đặc điểm của riêng mình làm du khách rất hài lòng.

Trời còn trọng hạ mà như đã vào thu, nhưng cái rét đó không ngăn được các cụ già từ trên đồi chống gậy đồ xuống phố, lại bờ hồ và vào công viên cùng đàn cháu nhỏ. Họ chào hỏi nhau, tỏ ý băn khoăn về những nụ hoa nở muộn và sức khỏe của lác giềng.

Nhìn cảnh đó chị chạnh nhớ đến người già cô đơn trên đất Pháp, họ sưỡi nắng trơ trọi, riêng rẽ chẳng thấy một nét vui tươi trên mặt họ bao giờ. Chị bỗng nhớ đến những lâu đài cổ kính, dinh thự tối tăm, đến những gót giày khua rộn trên hè phố, lúc nào cũng hấp tấp vội vàng ; đến không khí sôi động như thác nước cuộn cuộn chỉ chực làm vỡ cả đôi bờ và những nét mặt láu lỉnh, linh hoạt của những người trẻ tuổi trên đất Pháp.

Chị nhớ cả bầu trời trĩu nặng ở Anh quốc, những nét mặt lạnh lùng, điềm tĩnh, đến lễ lối xã giao quá kiêu cách và lễ phép bề ngoài, đến giòng sông Tamise đục ngầu với những con tàu nặng nề không kém.

Vevey thân mật và ấm cúng lạ thường, bước chân người dân y như kẻ nhàn du chẳng một chút vội vàng hối hả.

Lại sát ven hồ chị mới thấy nước hồ trong vắt soi rõ cả từng viên cuội dưới đáy hồ, đàn thiên nga lượn lờ lười biếng như những con thuyền không người điều khiển.

Chị chợt so sánh Vevey với Nha Trang của Việt Nam ta, song cô em họ đã cau mày, phản đối :

— Đây đẹp hơn và thanh bình hơn chứ !

Chị bèn chỉ hàng cây trước mặt :

— Thì hẳn, cứ tưởng tượng đã sao đâu ?

Thành phố lên đèn, chị và cô em đi dọc theo bờ hồ trở về phòng trọ. Ngang một công viên nhỏ, dưới hàng cây một đoàn người trang phục màu xanh sẫm, đàn ông lẫn đàn bà đủ lứa tuổi, có người mang nhạc khí, song song hàng bốn tiến lại phía hai chị em. Đi đầu là một thanh niên cầm lá cờ to tương thêu nhiều màu, chị cố ý tìm hiểu mà chẳng tài nào đoán ra họ là ai, toan hỏi, song còn lo cô em cũng gà mờ như chị thì thoáng thấy trên ngọn cờ có chữ thập vàng lóng lánh phản chiếu ánh đèn trên đường và chị hiểu ngay đó là đoàn người truyền giáo.

1) Một thành phố nhỏ nằm dọc theo hồ Leman thuộc nước Thụy Sĩ

Thình lình người dẫn đầu dừng lại, tất cả làm theo và họ quây thành một vòng tròn cạnh công viên trong nháy mắt.

Thanh niên cầm cờ trang trọng cất lời :

— Thưa các bạn ! Chúng tôi xin báo các bạn một tin vui, rất vui và còn là một tin quan trọng..,

Anh ta dừng lại bất ngờ trong lúc mọi người người đều chú ý, tiếng nhạc chợt trời lên đều đặn, êm ái và vô cùng truyền cảm. Nhạc dứt, một cụ già tiến ra, lặp lại những lời thanh niên nói vừa rồi, xong ngán ấy lời cụ lại trở vào hàng ngũ và nhạc lại cất lên, một giọng đàn bà cao vút hát theo tiếng nhạc và cả đoàn người cùng bắt theo tiếng hát kia, trẻ con há hốc mồm người lớn kiễng chân, say mê, ai nấy chừng như đã quên cái tin của họ vừa loan báo nửa chừng. Chị bắt đầu sốt ruột, lên tiếng hỏi, song cô em vội đưa mắt cho chị, một ngón tay đặt lên môi, «xuyt xuyt» ra đáng bảo chị im, làm chị cáu muốn bỏ đi.

May thay, nhạc dứt và thanh niên ban nãy tươi tỉnh đi thẳng vào đề :

— Thưa quý bạn, tin quan trọng và đáng mừng đó không phải là Mỹ đã lên tận cung trăng hay Nga vừa chế xong thứ khí giới mới, thứ khí giới giết người không đồ máu ! Không ! Tin quan và đáng mừng đó là Chúa Quyền Năng Vô Biên ở với chúng ta, giúp chúng ta bảo toàn Thiện Tính và Hòa Bình Vĩnh Cửu ! Thưa quý bạn...

Quan cảnh đó làm chị lại nhớ đến hình ảnh tôn giáo ở xứ mình trước và cả sau khi Ngô triều sụp đổ. Chị bỗng thở dài nói với cô em :

— Em biết không... cái đạo...

Nhưng em chị cất lời một cách đột ngột :

— Thôi ! em xin chị ! lúc nào chị cũng lôi kéo, so bì xứ này xứ nọ với Việt nam mãi, không chán hay sao ?

Chị há miệng toan cãi thì cô em đã tiếp luôn :

— Chị chẳng khác con rùa, không bao giờ ra khỏi cái mai lịch kịch nặng nề của chị ! Đi chơi thì phải để cho tâm trí rảnh rang, đừng quan sát, thưởng thức chứ.

Mấy lời đó làm chị rất bất bình, song không phải là không đúng. Từ hơn tháng nay nói là đi chơi mà lúc nào đầu óc chị cũng lẩn vẩn chuyện ở nhà. Mà em tính, không bận tâm làm sao được chứ : ai lại lúc chị sắp lên tàu thì muối tự nhiên khan. Bởi vậy lúc nào chị cũng ngay ngáy vì lo nghĩ, không biết các con ra sao, thực phẩm có dễ mua không ? than có mua được không ? cái giấy phép xin ra báo của chị bạn được chưa ? trời đất này nếu

có đánh nhau to thì làm sao? Vâng! cái mà chị lo nhất là chuyện đánh nhau ở xứ mình. Ngày nào chị cũng đón đọc, tuần nào cũng náo nức chờ xem vô tuyến truyền hình. Đọc xong chị thừ người ra, nhìn thấy rồi ghen ngào muốn khóc và uất ức thấy sao trong phòng khách của khách sạn chẳng ai chú ý tới những hình ảnh đau thương của xứ mình. Trẻ con tiếp tục đùa với mẹ, người lớn tiếp tục cạ chai lớn chai con, tiếp tục hút thuốc lá, nói cười, bàn tán về chương trình sắp đến.

Đã vậy mà mỗi lần chị gặp một người ngoại quốc trên đất lạ, họ đều hỏi đến xứ mình và ánh mắt họ rất kém phần thiện cảm. Một sinh viên Đức — Tây Đức — cười một cái cười chế diễu khi nghe chị nói đến hai tiếng «chiến đấu»

— Vâng! xứ bà chiến đấu! Độ hai năm nữa thôi, miền Nam sẽ chẳng còn người Việt đâu!

Chị giận sôi lên, song vốn kém ngoại ngữ chẳng thể nào phản vua, cải chính. Nhưng mà, cái làm chị ghét nhất là thái độ của cô em. Cô không hề có chút xao xuyến, băn khoăn. Cô coi chuyện nước nhà như mấy người ngoại quốc coi vô tuyến vậy. Chị ghét nên đặt cho cô cái tên là «Công dân quốc tế». Ấy thế mà thỉnh thoảng chị lại quên điều đó, kể lể chuyện ở nhà, kể xong lại hỏi. Hình như cô em chị không có tư tưởng gì cả. Cô như cái máy, cô ăn, ngủ, học hành, đi chơi, đọc báo, nghe nhạc, bàn suông về triết thuyết hiện sinh, tư tưởng theo... à! không! cô không tư tưởng phán đoán gì cả: chỉ tiếp nhận thôi, Lê ạ!

oOo

Dừng lại trước hàng hiên một hiệu ăn, chị và cô em định kêu cái gì uống cho đỡ khát. Trông đáng bộ lắm lý của chị, Hà — cô em họ tên Hà — vui vẻ nói cầu hòa:

— Mới 9 giờ tối mà đã vắng ngắt, thua cả Nha trang, chị nhỉ?

Chị thấy rằng thái độ mình cũng kém lịch sự nên cười gượng, gật đầu. Hai chị em ngồi bên dãy ghé trống trơn đợi thật lâu vì cô chiêu đãi đang loay hoay thu dọn bên trong. Ghé mắt qua cửa kính chỉ thấy lác đác năm thực khách đang vừa ăn vừa kể cà trò chuyện. Mãi mà người kia vẫn không ra, cô em sốt ruột đứng lên vào trong gọi.

Chị bỗng chú ý tới một ông khách trung niên đang xăm xăm bước lại bên ghế chị, ông ấp úng xin lỗi đoạn kéo ghế ngồi, vừa hỏi chị:

— Tôi uống có được không nhỉ?

— Sao lại không, ai cấm ông kia chứ?

Hà tinh quái nói làm ông ta đỏ ửng mặt luống cuống thêm.

Bất Thụy Sĩ này sao mà lạ thế: nét mặt người nào cũng hiền hậu, đôi mắt người nào cũng phản chiếu tất cả sự tin tưởng, yêu đời, đáng bộ người nào cũng dễ dàng, thoải mái, biểu lộ tất cả bình thản, yên vui. Song thú thật chưa từng gặp ai giống như ông khách cạnh chị lúc bấy giờ, ông ta có vẻ rất «đặc biệt» gần như ngờ nghệch. Chờ mãi chẳng thấy chiêu đãi viên ra, ông ta lại lo lắng hỏi:

— Xin lỗi hai bà, quên hai cô! hai cô đã trả tiền chưa, ạ?

— Rồi!

Hà cộc lốc đáp đáng chừng hơi bức bối.

— Chà! để thường tôi đợi đến khuya mất thôi! (ông khách nhìn quanh, tâm sự bằng cái giọng nhỏ nhẹ như con gái) tôi sẽ ngủ gục ở đây chứ không chơi! Hai cô tính, chúa nhật rồi đông nghẹt đến nỗi tôi không chen vào mà uống được, hôm nay thì lại chả có khách (ông ta đưa mắt nhìn nền trời tím thẫm) chắc tại mưa? (thật ra lúc đó trời đã tạnh rồi sau khi lác đác có vài hạt nhỏ) chà chà....

Chị nhìn thẳng vào mặt ông ta cố đoán xem ông ta có phải là đồ đệ của Lưu Linh lạc lối, song ánh mắt và nét mặt ông ta biểu lộ một sự bình thường, hết sức bình thường như chị và cô em vậy. Ông ta có dáng điệu thật thà cởi mở của một nông dân Việt trong lúc được mùa, rồi rãi ghé tạt vào quán uống bát nước chè xanh trò chuyện bâng quơ cùng khách lạ vậy thôi. Chị nói nhỏ với Hà về ý nghĩ của chị, song Hà cười, dịu:

— Vâng! nhưng ông nông dân của chị sẽ không uống chè xanh mà «lạm» sơ sơ vài cốc rượu mạnh!

— Nào! cuộc nhé! chị cho rằng ông ta chỉ đến nếm bia lạnh là cùng.

— Xin sẵn lòng! Em sẽ trả tiền ăn sáng mai, nếu em thua cuộc.

Đợi mãi không thấy cô chiêu đãi ra, chị muốn đứng lên gọi giúp ông ta, song còn ngần ngại vì sợ Hà chế chị rằng: «Chị sao lúc nào cũng tỏ ra hào hùng hết, ngay cả những việc không đâu».

Vì lẽ đó chị dăm dăm nhìn từng cử chỉ của cô chiêu đãi, khi cô ta ngẩng lên chị liền vẫy tay ra hiệu và khi cô ra chị chỉ về phía ông ta. Cả hai chị em đều lắng tai nín thở. Ông ta rụt rè lên tiếng:

— Thưa cô, xin cô vui lòng cho tôi một cốc nước chanh tươi!

Vậy là cả chị lẫn Hà đều thua cuộc, không nín được cô quái cười lên khinh khích. Một cốc nước chanh tươi! chỉ thế mà cũng kiên tâm ngồi đợi.

Khi chị và Hà đứng lên, con người chắt phác đó lại cúi chào trước khi mình chào ông ta. Lần thứ nhất trên đất lạ chị thấy lòng bình thản, nhẹ nhõm như gặp một người quen cũ tại nước mình.

oOo

Nhưng tiếc thay: chị mất ngay cái cảm giác thanh thản đó khi đến Montreux. Chẳng thể thôi, chị còn bức bối thêm lên khi vào thăm lâu đài Chillon một lâu đài cổ xây trên tảng đá lớn nằm ghềch trên mặt nước nước hồ vây gần kín quanh lâu đài. Bên trong còn rất nhiều vết tích của nhà tu, của Hiệp sĩ, nào những phòng giam dưới hầm sâu, nào phòng ngủ của vị Giám mục chủ nhân lâu đài, nhiều khí giới thời Trung cổ, nhiên hang đá làm nhà ở thời đó và nhiều dấu vết thời Đồ-dồng-phát-triển. Gió từ hồ Léman lồng lộng thổi tạt vào cửa sổ các phòng lạnh rợn. Dưới những hang sâu làm phòng giam tuy tối mịt, gió cũng từ hốc hẻo nào luồn vào hun hút, nước từ các vách đá rỉ ra lạnh ngắt làm chị liên tưởng đến phòng ngủ có lò sưởi bên trên, đến các vị tu hành và các Hiệp sĩ, đến những tháp canh kiên cố và những chữ khắc trong phòng khách lớn của lâu đài: « Tự do và Tổ quốc ». Nhân danh Tự do và Tổ quốc người ta đã vút xuống hầm sâu và hành hình biết bao nhiêu người vô tội nơi này !

Xem hết 28 phòng trong lâu đài chị mệt lử và cảm giác bức bối càng tăng. Tháp Luân đôn tối tăm lạnh lẽo trông ra mặt sông Tamise rầu rĩ mờ sương với « Tháp máu » và pháp trường ghê khiếp bên trong vẫn còn thua xa lâu đài này. Nó có một vẻ kỳ bí riêng, vô cùng vững chắc và hiểm ác dù xây cách đây gần cả thế kỷ rồi. Lần đầu chị thấy hồi khi xem những di tích cổ. Bước chân chị chậm dần làm Hà ngạc nhiên :

— Ủa, chị mệt rồi sao. Ở mấy nơi kia nom chị hăng lắm mà, so với hôm nay thì thăm vào đâu ?

Chị muốn nói bất cứ một câu gì đó song không thể nào mở miệng, hình như cổ cái gì ngăn cách giữa chị Hà. Và lần nữa, chị thấy hồi vì mình đã làm một cuộc hành trình với người không cùng cảm nghĩ.

Ra khỏi lâu đài Chillon trời đã xam xạm tối. Hà đề nghị :

— Ăn mãi ở các Self-service em chán lắm, vả lại ở đây nhỏ, chắc không có S.S. đâu, chúng ta đi ăn hiệu một hôm đi, chị.

Chị không bằng lòng, định dành tiền vào hiệu đề hôm nào đi Téléphérique thú hơn, nên nhất định mua bánh mì với cá hộp. Hà đành nghe theo chị, nhưng cô ả bắt buộc phải mua thêm nho tươi nữa, chị cũng thuận theo,

vì nghĩ mua ngân ấy thứ về phòng ăn vẫn rẻ uhiều so với tiền vào hiệu. Không may vì tối nên các hiệu bánh đã đóng cửa, quanh quần chỉ còn vài hiệu bán toàn thứ bánh mì đen, chị bảo thôi cứ mua ăn tạm một hôm song Hà nằng nặc tìm mua cho được bánh trắng theo ý muốn.

Chị thật khờ sở vì cái nết kén ăn của Hà nhiều bận, ai lại đi chơi mà lúc nào cô ấy cũng trịnh trọng về chuyện ăn, cũng thích thưởng thức và tỏ ra thật khó tính. Tuy vậy, không lẽ cứ cãi nhau hoài, chị cố làm ra khỏi hài, dỗ dành Hà.

— Thôi, chịu khó chút, tiêu thư ! cứng thì nhai kỹ càng tốt cho bộ tiêu hóa, có sao. Em làm chị nhớ tới lời bà P. Buck quá đi thôi...

— Bà ấy nói gì, hử chị ?

— Bà ấy nói : « Bất cứ sắc dân nào trên thế giới, hễ hơi có tiền là chối những thức ăn đen, dù chính ra những thực phẩm coi xấu đó lại là nguồn bổ dưỡng... »

— Bà ấy có nói rõ là thứ gì không ?

— Sao lại không ? (chị lập nghiêm đáp) bánh mì đen mà cô đang chê là một đấy !

— Chị cứ nói miết...

Mặc chị ra tài thuyết phục, cô nhất định tìm cho ra bánh trắng. Khi Hà vừa ý thì chị đã no kênh vì giận.

Về đến phòng, chị thay áo, kéo chăn trùm kín, mặc Hà mời mọc không thèm ăn. Xem chừng cô ả cũng tức, lặng lẽ về phòng.

Cơn đói qua rồi, chị nằm suy nghĩ mông lung. Phần bức vì tính nết Hà, phần nhớ nhà, nhớ con, bất giác chị bùng mắt khóc. Khóc rõ to, rõ nhiều, rõ lâu mà buồn bức chừng như không vợi bớt. Sao vậy kia ? chưa bao giờ chị khóc rồi mà không thấy bớt khổ như lần đó. Không «nghe» dễ chịu chút nào, chị đứng lên, mở tung cửa sổ nhìn ra. Đêm ở đây yên tĩnh, trời thoáng và cao. Song chị thấy «khác» xa Vevey, chị ghét cái «khác» đó mà tìm hoài không thấy nó. Nó là cái gì ? ở chỗ nào ? Lạ thực ! Phố phường ở đây rộn rịp hơn Vevey đôi chút, hẳn vậy, nhưng không vì thế mà chị ghét. Ai mà không sung sướng, thoải mái trong lòng khi ra «quai» tiền bạn khỏi phải sắp hàng mua vé ? khỏi bị nhân viên Hỏa xa chặn lại xét hỏi ? Ai mà không thích thú khi lại hàng báo—những hàng báo tận trên đồi, hay ở những sân ga hẻo lánh— thấy báo sắp sẵn từng chồng và bên cạnh chỉ có hộp tiền không nắp đầy đang «phơi» lấp lánh dưới nắng sớm những đồng hào sáng chói ? Chị bức khổ vì cái gì kia ? Chẳng lẽ lại không vừa lòng vì tòa Đại sứ Thụy ?

Sĩ tại Pháp đã không bắt chờ 24, 12, cũng chẳng mất 6, mất 3 gì cả mà chỉ nhận ký sớ thông hành trong vòng có non nửa giờ đồng hồ ? Bực vì người kiểm thông hành (khi qua biên giới) trên tàu, họ không ký tên, đóng dấu, cất vắn nọ kia như ở bên Anh mà chỉ xem qua rồi đưa trả kèm theo hai tiếng cảm ơn ? Với nhân viên quan thuế khi nghe chị nói không có gì khai thì cất mũ chào, đi thẳng ? Như vậy thì chị điên ! chưa bao giờ cuộc hành trình của chị được dễ chịu bằng trên đường qua Thụy Sĩ . Chị tự nhủ phải tìm ra nguyên do đó mới bằng lòng . Tự nhủ vậy song đầu óc chị cũng tối bùng, kín mít như mấy hàm giam tử tội trong lâu đài Chillon lúc ban chiều . Và chị biết chắc chắn là chuyện bực tức khi xem lâu đài, chuyện cô Hà khó tính đều chỉ là chuyện phụ, chị bực khổ vì một cơ khác nhưng chưa tìm được. Chị trở vào giường nằm lặng miên man suy nghĩ. Sau cùng, chị mệt mỏi quá, chìm trong một giấc ngủ bất ngờ, không định trước, quên cả chải răng, tắt điện.

Khi chị thức giấc thì đã hai giờ sáng. Vội tay tắt ngọn điện xong, chị chợt thấy lòng bình tĩnh, thoải mái lạ lùng. Như tia chớp lóe lên trong đêm tối mịt, như nhìn vào trang giấy trắng tinh khôi, trên đó những giòng chữ in đậm nét, to và rất thẳng hàng, chị chẳng cần phải tìm kiếm nữa ; cái điều làm chị khổ sở bỗng hiện ra : từ khi chị đặt chân đến Montreux, mặt hồ Léman bỗng dung nổi sóng. Bọt nước trắng xóa vỗ lanh canh vào bờ, chảy rào rào vào những nơi thoải thoải, một đôi khi bọt nước bắn tung vào cả khách bộ hành. Quả tình là chị chưa bao giờ tưởng tượng sẽ phải gặp cảnh hồ Léman nổi sóng lên như vậy. Hình ảnh đó đập vào mắt chị nhắc chị nhớ đến sự cuồng loạn, của Nha Trang ta vào những ngày sắt máu, đến nước Việt ta hiện đang sóng gió gấp ngàn lần, đến sự hối hận âm thầm của chị : đã đi chơi trong hoàn cảnh nước nhà đen tối — đành rằng chị ở nhà thì cũng chỉ giương mắt nhìn sông, người ta tài đức còn khoan tay nữa là hạng như chị, nhưng chị vẫn áy náy, ray rứt không yên tâm, nhất là mỗi lần nhớ đến các cháu ở nhà.

Lòng chị thoát lại bưng bưng như rơm khô gặp lửa, chị nhớ, trời ơi ! nhớ... Trong bóng tối chị lại úp mặt lên gối, rung rức khóc. Song lần này chị không tức tối, ghen ngạo và tự hỏi « vì sao » nữa, vì Lê ơi ! chị đã « thấy » chị rồi.

(còn tiếp một kỳ)

MINH QUÂN

Trở về thành phố

TRẦN-ĐẠI

Văn có ý định trở về, ngay khi tan học. Trước khi đi dạy, anh sắp sửa đầy đủ những thứ cần phải mang về đề « trao đổi » trong thành phố. Một ít quần áo dơ chum chìa khóa cửa phòng, hai tập cours ronéo, khăn mặt, bàn chải đánh răng... Những thứ anh thường mang đi lại trên khoảng đường dài hơn bốn mươi cây số. Lẽ ra, anh đợi sáng thứ bảy mới về, tiện chuyển xe, nhưng anh chót hẹn tại học trò sáng chủ nhật dẫn đi thăm kè đá. Về ngay chiều thứ sáu, có nhiều thời giờ trong thành phố hơn. Và chẳng anh cũng muốn mua ít đồ để ăn vào ngày chủ nhật, trong buổi picnic.

Buổi học tan vào lúc 6 giờ, Văn với hai người bạn đồng nghiệp rời lớp vội vã. Anh nhờ một đứa học trò chở xe đạp về nhà cho chóng. Mọi thứ đã sắp sửa xong, ba người vẫn hấp tấp. Chuyển xe chạy trên quãng đường FN tới ĐD không có giờ giấc nhất định. Vào giờ này thường đã hết xe. May mắn ra, còn sót lại một chiếc. Nếu không, phải quá giang xe hàng. Ba người không định ngồi vào bàn ăn, đứng ở cổng nhà trọ đón xe. Những chiếc xe đạp và bóng dáng của bọn học trò thưa dần. Mười lăm phút sau, sự náo nhiệt của buổi tan học chấm dứt. Con lộ trước mặt trở nên yên tĩnh. Văn không thấy thêm chiếc xe nào.

Bà chủ trọ nhắc luôn miệng ba người vào ăn cơm để bà đón xe giùm. Ba người ăn uống qua quýt cho xong, nhấp nhòm nhìn ra phía đường lộ. Nhưng, bữa cơm đã được dọn đi, sự yên tĩnh của con đường, lúc trời sắp tối vẫn còn nguyên vẹn.

Một người bạn đã ba lần vẫy chiếc xe chở hàng từ Nha-Trang vào. Vô hiệu. Xe còn trống, nhưng nét mặt của người tài xế nhìn ba người rất thận trọng. Sáu con mắt mong đợi, cầu khẩn chỉ làm ông ta nhấn mạnh thêm ga. Xe băng qua trước mặt ba người. Bụi bay lên mù mịt.

Sự trông chờ dần dần trở thành một thứ trông chờ vô vọng. Một người đề nghị : Hai người tạm ngồi trong nhà. Hẳn ra vậy xe. Xe đậu, điều đình cũng chưa muộn.

Một chiếc xe băng qua, hẳn vừa xách chiếc cặp chạy theo, vừa kêu xe ngừng lại. Ông tài vẫn làm như không nhìn thấy. Hẳn phải dơ tay và hét to :

— Cho tôi ra FN với !

Chiếc xe chỉ giảm tốc độ đi một chút. Tiếng nói vọng ra :

— Một người thôi nghe !

Người đồng nghiệp kêu lên rồi rít như một ân huệ lớn lao :

— Vâng, vâng, một người thôi !

Chiếc xe đậu, hẳn bước lên. Xe chuyển bánh. Lốp bụi mù mịt chỉ thấy phảng phất thùng xe ở đằng trước. Tới khi Văn và người bạn trẻ nhìn rõ cả chiếc xe, thì cũng nhìn rõ sự thất vọng của mình.

Với thất vọng đó, Văn đề nghị với người bạn ở lại. Nhưng một người đã về trước khiến hai người nôn nao. Văn trở lên căn gác, đặt chiếc sắc xuống cạnh. Anh ngồi trên lan can nhìn xuống khoảng không gian đối diện. Dãy núi xám thêm. Có nhà đã thấp đèn. Nhưng tư tưởng nhứt định ở lại không vững chắc. Hai người xách chiếc sắc chạy lên, chạy xuống, mỗi khi có chuyển xe đi qua.

Trời bắt đầu đen hẳn. Những dãy nhà chỉ còn mờ mờ mấy đường nét chính, Dân trong xã đã lũ lượt tới nhà thờ đọc kinh buổi tối. Văn đứng cạnh chiếc sắc, rút thuốc hút. Sự nôn nao trở về bắt đầu dịu xuống. Anh nói vài câu khôⁱ hà với người bạn. Cả hai cùng cười.

Cho tới khi chuyển xe từ ĐD tới FN xuất hiện, Văn không còn mừng rỡ như trước nữa. Chiếc xe còn sót vì có người bao chở đồ từ FN tới ĐD. Người bạn ra, Văn bình thản xem hai người đối thoại. Người bạn quay trở lại, Văn hỏi :

— Sao ?

— Ông nhận chở. Nhưng ông bảo bây giờ ra FN hết xe về tỉnh rồi. Vậy đi không ?

Văn hơi ngừng lại một chút. Người bạn cũng thoáng vẻ lo ngại. Ông tài chờ đợi. Văn thở khói thuốc ra, anh xách chiếc sắc lên tay, đi về phía xe :

— Cứ về.

Hai người ngồi ở đằng trước. Ông tài quơ tay ngang đóng cửa xe đánh rầm một cái, không nói thêm một lời. Chiếc xe bắt đầu chuyển bánh. Hai bên đường đã tối hẳn. Văn hỏi người bạn :

— Máy giờ rồi ?

— 7 giờ 30

Chiếc xe bò chậm chạp qua những hố sâu của qunāg đường hư, qua khỏi hàng rào ấp chiến lược.

Khoảng rừng núi âm u hai bên đường bắt đầu xuất hiện. Ánh đèn vàng vọt của xe lướt nhẹ trên những bụi rậm ven đường, bàng bạc như ánh nắng hoàng hôn. Chiếc xe đã cũ, xóc lên, xóc xuống. Người đồng nghiệp cười luôn miệng :

— Lâu lâu đi một lần xe đêm cũng thấy thú !

Vấn đã hút hai điếu thuốc. Anh yên lặng. Quãng đường không đến nỗi nguy hiểm nhưng không quá bình an. Có lần thằng học trò — ở xa nhà trường tới 10 cây số — kể chuyện, vào khoảng 6, 7 giờ, năm ngoái, khi hấn về trên khoảng đường này, vùng BH, có gặp nhiều người ra chặn đường. Hôm mồng 2 Tết vừa vừa rồi, nửa đêm tiếng gõ cửa nhà nó đồn dập. Cả nhà sợ hãi, giả vờ ngủ quên. Những tiếng nói chuyện ở ngoài cho biết những người gõ cửa là ai. Một lát sau mọi người bỏ đi. Khoảng đường tối đen, Vấn liên tưởng tới lời thằng Thiện. Anh quay hỏi bác tài :

— Vào giờ này tới FN, yên chứ ông ?

Bác tài vẫn nhìn thẳng ra đằng trước để tránh mấy cái ổ gà. Bác trả lời khi chiếc xe nhảy lên, hất ba người đội mạnh đít trên thành ghế :

— Không có gì cả đâu. Tôi vẫn đi luôn.

Câu trả lời làm Vấn yên dạ. Anh quay nói với người bạn :

— Thằng Thiện kể có gặp mấy người chặn đường ở BH.

Người bạn yên lặng. Hấn xin một điếu thuốc. Chỉ còn nghe thấy tiếng máy xe nổ đều đều. Chiếc xe chạy rất chậm vì đường xấu. Hai bên rừng núi đen ngòm lùi lại phía sau. Bóng cây cao um tùm trước mũi xe. Mỗi lần qua đường vòng, ánh đèn xe chỉ có thể chiếu một khoảng ngắn của khu rừng. Khoảng sân hun hút ở phía trong càng thêm phần bí mật, Vấn định tìm cách ngủ cho đỡ mệt vì trưa nay anh không ngủ trưa. Nhưng mỗi lần anh tưởng có thể lịm dần đi trong sự mệt nhọc, chiếc xe nhảy lên, Vấn lại hoàn toàn tỉnh táo.

Vấn thu chân lại. Anh ngồi ngay ngắn. Ông tài xế vẫn lăm lì. Thỉnh thoảng một chiếc xe chạy ngược chiều. Vấn dễ chịu hơn. Trên quãng đường vắng tanh, vắng ngắt với đêm tối chập chùng, sự có mặt của một người, dù không quen biết, dù anh chỉ nhìn thấy hình bóng của họ ở trong xe đối diện, Vấn vẫn cảm thấy sự ấm cúng tràn lan trong lòng.

Chiếc xe tới ST. Một khoảng rừng đỏ chói. Lửa cháy. Mùa này là mùa khô, dễ cháy rừng. Ánh lửa leo lét trong đêm khuya, thần nhiên tàn phá cây cối. Khu rừng trên đỉnh núi trước mặt nơi anh trọ, cháy cũng đã từ ba hôm nay. Ánh lửa ban ngày dưới ánh nắng mặt trời, mất đi, chỉ còn ít khói lơ lửng. Anh tưởng

đám rừng đã tắt. Nhưng buổi tối những đốm lửa đỏ, mọc chi chít từng khoảng một lại bập bùng. Từ nãy, khi anh lên xe, những đốm lửa lại hiện ra trước mắt. Người bạn phá tan sự yên tĩnh :

— Ở đây cháy rừng luôn sao không thấy họ chữa ?

— Chắc họ không thấy sự quan trọng của rừng.

— Họ vẫn kêu là thiếu nước luôn. Cả một khoảng đất rộng mênh mang bỏ không, vì thiếu nước tưới.

— Có cha phó trước kia định xây một đập dẫn nước về đây, công việc tiến hành dở dang. Dự án làm xong rồi, thì cha đổi đi.

Hình ảnh hai anh em họ đánh nhau vì tranh nhau nước trở lại trong óc Văn. Hai thửa ruộng ở gần nhau. Khoảng giữa có một giếng nước. Người em không có nước tưới khoai, lúa đợi lúc trưa, người anh nghỉ việc, ra múc tưới vào ruộng mình Cuộc xô xát xảy ra. Cả hai cùng bị thương. Văn trông thấy hai người buồn thảm ngồi ở hai bên hàng ghế đối diện trên chiếc xe chở họ về thành phố bằng bó. Máu khô dính trên áo hai người. Sau trận chiến, họ giữ vẻ yên lặng khô héo. Nhưng cái giếng nước tưới mát cần thiết cho lũ khoai vẫn còn ngăn cách hai người mãi.

Khoảng rừng trong địa phận xã, cháy đã ba hôm. Không thấy ai chữa. Văn có cắt nghĩa cho học trò. Anh không gặp phản ứng nào. Có lẽ không ai nhìn thấy sự nguy hại đó.

Chiếc xe bon bon qua quãng đường. Tư tưởng của Văn cũng miên man chảy trong óc. Xe qua BH, vùng thiếu an ninh, lúc nào không hay.

Chiếc cầu xi măng hiện ra trước mắt. Ánh sáng của ngọn đèn xe soi trên hai thành cầu xi măng trắng. Hai người lính đứng ở đầu cầu. Ánh đèn không làm họ chói mắt. Họ nhìn chòng chọc vào xe. Dưới chân cầu, chiếc đồn nhỏ bằng gỗ yên lặng. Ban ngày đi qua, không thấy sự lẻ loi, nguy hiểm nào. Nhưng ban đêm không khí đã đổi thay hẳn.

Chiếc xe đi quá một chút. Thêm hai người lính dưới chân cầu. Dáng điệu và ánh mắt của họ hệt như hai người ở đầu cầu.

Chiếc xe lướt tới. Hình ảnh những người lính và chiếc cầu bị vượt qua. Khỏi chiếc cầu này, kẻ như không còn lo lắng gì về mặt an ninh. Ngã ba PN hiện ra. Xe rẽ ngược chiều với hướng về thành phố để tới bến. Một chiếc xe hàng chợt xuất hiện. Người bạn Văn mừng rồi rít :

— Ông Tài ! Thôi ông làm ơn cho tôi xuống đây. Có xe rồi !

Ông tài-xế yên lặng suốt cả quãng đường, lên tiếng :

— Làm sao mà nó cho các ông đi ! Đừng hòng nó tấp lại. Để tới bến, may còn xe nào thì còn.

Giọng ông Tài gay gắt như cú giận về sự ngây thơ của hai ông khách. Khoảng đường vắng không. Văn hơi lo lắng. Không có xe, đêm nay chắc phải ngủ tại PN. Mà kiếm đâu ra chỗ ngủ. Văn không ân hận gì cả.

Chiếc xe tới bến. Ánh đèn măng-sông sáng choang của những căn nhà đối diện với bến xe tỏa ra. Hai người vững bụng hơn. Ông Tài cho xe đỗ ngay trước cửa nhà. Tiếng đứa trẻ reo lên :

— A, ba về, ba về !

Rồi tiếng người đàn bà hỏi :

— Bây giờ mới về. Ba mày ra tận ĐD phải không ?

Giọng nói dịu dàng sẵn đón. Cử chỉ tíu tít đó làm hai người càng lạc lõng khi xuống xe. Ông Tài cho xe vào nhà. Khi ông quay xe ra còn thấy hai người nhìn nhau cười. Ông nhìn vào chiếc xe xích đu trước cửa chiếc quán, xế đó :

— À kia có xe của ông Năm, có lẽ sắp về tỉnh đó !

Văn cùng người bạn quay ra phía ấy.

Một số người bước ra khỏi xe, vào quán. Một số ngồi lại. Văn thò đầu qua cửa xe, hỏi một người ở trong :

— Thưa ông xe này có về tỉnh không ạ ?

Người đó dơ tay chỉ một người trong quán :

— Xin ông hỏi ông tài ngồi trong kia. Tôi cũng không được biết !

Văn nhìn theo ngón tay vừa chỉ để nhận cho đúng. Anh cảm ơn.

Chiếc quán nhỏ vừa là nơi bán tạp hóa, vừa là nơi bán đồ giải khát, thức ăn. Phía tay phải của quán là quầy hàng, bày chi chít, treo la liệt mọi thứ của một tiệm tạp-phô trong thành phố. Một chiếc quầy nhỏ, đóng bằng gỗ thùng, ở phía trong làm chỗ thu tiền. Ánh đèn sáng, soi rõ khoảng sâu ở trong nhà cho Văn rõ đó là căn bếp. Một vài người đang loay hoay nấu nướng. Bên tay trái của căn nhà, kê hai chiếc bàn. Một chiếc trống. Một chiếc chi chít tới bảy, tám người khách. Trên bàn bày đồ nhắm. Những vỏ chai la-ve và một chai rượu Déoda, đã gần cạn. Đám người nói chuyện huyên thuyên.

Văn tiến lại ông tài, lễ phép :

— Thưa ông, xe này có về tỉnh không ạ ?

Ông Tài đang nói chuyện, quay nhìn anh trả lời qua quýt :

— Không đâu cậu !

Văn tưởng ông ta nghe chưa rõ câu hỏi, hỏi lại. Ông quay mình, giọng gay gắt :

— Cậu đừng hỏi mất công, xe không về đâu.

Văn thất vọng, anh quay ra ngoài cửa. Người bạn đang nhìn anh chờ đợi. Anh lắc đầu. Nét mặt của anh sụp xuống. Văn quay ra cửa. Hai người bàn nhau đợi các

chuyển xe nào từ Saigon lên muộn, quá giang vậy...

Văn nhìn ra hai khoảng đường. Hai bên đều hun hút bóng tối. Chỉ có chỗ của anh đứng là có ánh sáng. Văn bồn chồn. Mấy chiếc nhà bên cạnh quán bắt đầu đóng cửa. Tiếng cửa sắt rít lên kèn kẹt. Từng khoảng sáng cứ bị mất đi dần dần và hi vọng của hai người lại chìm thêm trong bóng tối.

Chỉ còn chiếc quán mở cửa, với chiếc xe con đậu chình ình, Văn nhìn khắp bốn phía. Khi chiếc quán này đóng lại, anh và người bạn sẽ bị bỏ rơi hoàn toàn. Hay là đi bộ hơn ba cây số tới LK, anh có nhà người quen ở đấy, nghỉ tạm một đêm vậy. Nhưng bóng tối của hai khoảng đường khiến hai người ngần ngại. Ánh sáng của chiếc quán nhỏ như chút gì an ủi, làm vững lòng tin hai người và buộc hai người ở lại.

Căn đồn xã nằm trước mặt im lìm. Chiếc cổng gác trước cửa đồn, trống không. Một người lính từ trong đồn đi ra. Anh ta mặc một chiếc áo pardessus lính rộng, đi quanh quần trước đồn, miệng ngậm chiếc tăm. Văn nói với người bạn đồng nghiệp :

— Chúng mình ra làm quen với «me xừ» lính kia, may có chỗ ngủ.

Anh tiến lại gần. Dáng cao lớn của người lính cũng di chuyển về phía anh. Văn lên tiếng trước hỏi thăm :

— Thưa ông, giờ này còn xe chạy không ạ ?

Người lính hơi sững người một chút, anh trả lời mau mắn, giọng nhẹ nhàng giúp đỡ :

— Trời ! Giờ này làm chi còn xe. Các ông đi đâu vậy ?

Văn nói hoàn cảnh khó khăn cho ông nghe. Anh ta suy nghĩ một chút :

— Thôi được, hai ông chờ một chút, nếu có xe hàng từ Sài Gòn về tỉnh, tôi đón hộ hai ông cho.

Bây giờ Văn mới nhận rõ hình dáng của người lính. Anh ta còn trẻ. Gương mặt trắng trẻo. Mái tóc xõa xuống vầng trán cầu thả. Dáng vẻ hiền từ. Chiếc áo pardessus chỉ để che kín bộ quần áo ngủ ở phía trong, nhưng chiếc quần vẫn lộ ra ở phần dưới gấu. Tiếng anh nhỏ nhẹ như con gái. Anh ta chỉ vào đám người trong quán. Tiếng cười nói của họ mỗi lúc một ồn ào hơn.

— Đây toàn là lính với mấy ông ở Hội Đồng Xã đó. Thường dân giờ này không dám ra ngoài đâu. Ở đây họ ngủ sớm lắm. Quán này nếu không có mấy ông chắc cũng đóng cửa rồi !

— Ở vùng này, chắc không an ninh lắm !

— Ở đây thì không sao, nhưng sâu vào phía trong họ về luôn.

Cuộc đối thoại của ba người xoay quanh vấn đề thời cuộc. Có anh ta, Văn

và người bạn yên chí hơn.

Một lát người lính thứ hai ở trong đồn bước ra. Không để ý gì tới hai người lạ, anh nhẩy lên quãng lấy cò người đang nói chuyện. Cùng lúc tia đèn pha ở phía Sài gòn hướng lên và tiếng máy xe nổ rầm rầm, phá tan bầu không khí yên tĩnh.

Người lính dơ tay, gỡ người bạn ra :

— Đừng rờn ! Vô lấy cho tao cây súng.

— Mày định lấy súng để đón xe hả ?

Cây súng được mang ra. Người lính tay cầm ngang súng, dơ lên vẫy. Chiếc xe dừng lại gần đồn. Đèn pha đổi sang đèn cốt. Ánh sáng chiếu mờ mờ vào mặt ba người. Người lính từ từ bước lại, chậm rãi, nghiêm trang.

Ba người ở trên cabine xe cũng bước xuống. Hai người ăn mặc như nhau, Chiếc quần tây cũ kỹ, nham nhở vết dầu xe, trên mình có mỗi chiếc áo may ô. màu trắng dơ bẩn. Trên vai, phủ xuống cả sau lưng là chiếc khăn quàng, bằng thứ vải ở bao bột mì. Hai người đi theo xe, phụ trách công việc khuân vác hàng hóa. Người tài xế ăn mặc tử tế hơn. Hắn mặc bộ quần áo màu nâu xám, 4 túi lưng thụng, tay xách một chiếc ví da lớn. Trong cái giá lạnh của vùng núi, ba người đều thân nhiên.

Người tài xế nói chuyện với người lính. Tay lắc lắc chiếc ví da luôn luôn. Đầu gật gật, tia mắt hướng về phía Văn và người bạn. Hai người chờ đợi. Đôi niềm hy vọng thoáng hiện. Người lính trở lại. Giọng của anh ta vẫn nhỏ nhẹ, như cũ :

— Họ cất hàng xong, sẽ cho các ông về tỉnh. Hai ông rón chờ.

Từ lúc anh ta bảo người bạn lấy súng ra, Văn và người đồng nghiệp đã nhìn nhau cười. Bây giờ Văn vẫn còn tức cười về chuyện đó. Cử chỉ, dáng điệu, lời nói của anh ta như không có việc gì xảy ra. Có lẽ anh ta đã vác súng ra đón xe nhiều lần. Người bạn Văn cười :

— May quá, không có ông thì đêm nay không biết ngủ đâu !

— Có chi đâu ! Chỉ sợ không có xe. Chứ có xe đón thế nào cũng được.

Giọng nói thật vững chãi tự tin.

Văn hỏi vui :

— Chắc ông đã lấy súng đón xe cho đồng bào nhiều lần ?

Anh ta cười nhẹ :

— Làm thế chắc ăn hơn. Mấy ông tài xế ở đây, ít khi cho ai quá giang lắm !

Văn nghĩ tới khoảng thời gian lúc nãy. Ba người chật vật mãi mà không xe nào ngừng lại nguyên do là không tin được những người lạ. Dọc đường nhỏ xảy

ra chuyện gì nguy hiểm cho họ.

Tất cả các căn nhà giờ đã không còn một tiếng động. Chiếc quán từ nãy đèn còn thấp sáng choang. Giọng cười nói trong quán vẫn không thay đổi. Trên mặt bàn đã có người say gục xuống. Người ngồi bên cạnh vừa lắc lắc cái mặt đỏ gay, vừa vỗ vào vai người đó, đánh thức dậy :

— Dậy nhậu nữa mày !

Cả bọn cười ồ lên.

Hai người khuôn hàng đã lần lượt chuyển năm sáu bó lớn vào trong quán. Được ba lần, hàng hóa đã trao đủ. Người chủ quán với ông tài xế thanh toán tiền nong. Không hiểu có chuyện gì, cuộc đàm thoại khá lâu khiến Văn sốt ruột. Anh hỏi giờ người bạn. 8 giờ 30. Lên tới tỉnh chắc phải chín giờ hơn. Một lát, người tài xế, tới trước mặt ba người, nghi ngờ :

— Hai ông này quen với anh ?

— Tôi đã nói với anh rồi mà !

Ông tài xế không cần hỏi thêm. Ông quay đi, trước khi dặn dò :

— Hai ông có đủ giấy tờ cần thận. Qua trạm kiểm soát họ xét kỹ lắm !

Ba người đi trước leo lên cabine đóng rầm cửa lại. Văn và người bạn đã hiểu được vị trí của mình. Anh với người bạn đi vòng ra phía sau xe. Thùng xe cao lênh khênh. Văn dùng hai tay bặm chặt lấy thành cửa phía sau du người lên. Người bạn truyền hai chiếc sắc, rồi làm một động tác tương tự. Người lính cười dơ tay lên vẫy, giọng an ủi :

— Rán vậy. Có xe về là tốt rồi !

Hai người cùng dơ tay lên vẫy. Nói câu cảm ơn nửa chừng thì chiếc xe rồ chạy. Anh mất đà ngã ngửa ra. Lưng anh đè lên một số hàng hóa. Văn nhận ra là những chiếc giỏ mây và rất nhiều chiếu.

. . .

Một giờ đồng hồ bị nhốt trong thùng xe bên cạnh đồng hàng hóa. Hai người chỉ nhìn thấy khoảng rừng và thung lũng tối thui vòng vèo ở phía sau. Thỉnh thoảng một vài đốm lửa rừng leo lét. Tiếng máy kêu ầm ầm. Cabine đằng trước và thùng xe đằng sau biệt lập hẳn. Xe chạy một quãng người bạn Văn hát vang lên. Văn khôi hài :

— Bây giờ lão tài xế, ngừng xe lại, bảo tội mình xuống thì bỏ mẹ !

Hai thằng cùng cười. Chiếc xe chở hai người vào thành phố, vòng quanh khu phố như khoe khoang hai chiến lợi phẩm.

Chiếc xe đỗ ở một góc đường vắng. Thật xa quán cà-phê. Con đường dẫn về

nơi nội trú gần hơn nhiều. Văn vẫn sợ người bạn tới đây. Văn cần một ly cà-phê. Chút nữa anh phải thức.

Văn ra khỏi tiệm cà-phê. Thành phố đã vắng. Hai người thuê taxi trở về viện. Con đường nhòe nhẹt sương. Chiếc xe đỗ trước cổng. Hai người bước vào. Văn dừng lại trước tấm bảng dán các thông cáo. Ánh điện mờ không đủ soi rõ các hàng chữ trên bảng. Văn đánh một que diêm. Anh đưa đi, đưa lại. Thời khóa biểu cho tuần sau. Một vài tin tức thông thường của tổng hội... không có gì lạ cả.

Hai người bước vào trong viện. Con đường sâu dẫn tới cửa phòng anh. Văn xoay quả đấm, đẩy cửa vào. Hiến đang ngồi học. Hai người kia đi vắng. Thấy Văn hân reo lên, lấy lệ :

— À mày đã về.

— Gạo thề ! Con gái mê hết mất còn gì !

Hiến cười thông cảm với câu đùa.

Văn dẫn người bạn vào chỗ góc giường mình. Anh mở tủ lấy chiếc đèn, cắm vào đế lấy ánh sáng. Ánh sáng soi rõ mặt bàn bừa bộn một số giấy lộn. Bài vở của học trò chép phạt. Những mẩu bánh mì còn dư. Bao nhiêu buổi đi vội vã không kịp thu dọn, khiến chiếc bàn ngồn ngang như một chiến trường.

Văn đề người bạn ngồi ở phòng chạy đi giải quyết mấy thứ lặt vặt. Anh lấy chiếc chăn bông, anh cho mượn ở phòng đối diện. Người bạn mượn chăn, giữ lại nói dăm ba chuyện về tình hình sinh viên. Hân kể về lễ ra mắt của tổng hội. Một trận mưa cà chua, ném vào những nhân vật đặc cử. Giọng hân đầy bất mãn vì thái độ thiếu giáo dục của những người hành động như thế. Hân khuyên Văn nên nhận chức uỷ viên báo chí, vì tổng hội đang cần sự cộng tác. Hân nhấn mạnh vào nhiệm vụ của cá nhân trong sinh hoạt tập thể sinh viên. Văn trả lời dửng dưng :

— Tôi bận quá không làm được gì cả !

Văn trở về phòng vác theo chiếc chăn bông và ba lá thư. Anh cắt thư vào túi quần. Quăng chiếc chăn bông lên giường, để người bạn đi ngủ sớm. Đã lâu Văn không uống cà-phê. Chát cà phê chắc còn hiệu nghiệm nhiều. Người bạn lên giường nằm. Văn gạt bỏ mọi thứ bừa trên bàn sang một bên. Anh mở tủ lấy một hộp giấy đặt lên bàn. Văn gác một chân lên ghế, một tay tì lên. Anh suy nghĩ những việc phải làm trong đêm nay cho tới 4 giờ chiều ngày mai. Ghi vào giấy cho đỡ quên. Vài việc lặt vặt : Viết mấy lá thư, mua các đồ cần thiết, lấy cours, hỏi thăm mượn người bạn vở kịch cho học trò đóng trong buổi bãi trường, gặp Yến. Văn ghi thứ tự đầy đủ. Anh phân ra từng khoảng thời gian cho tiện với sự di chuyển của ngày mai trong thành phố. Xong đâu đấy, Văn giờ

mấy lá thư ra đọc không có gì quan trọng. Hai lá thư hỏi thăm thường lệ của bạn bè. Một lá thư của gia đình. Văn xếp mấy lá thư vào ngăn kéo. Anh kéo ghế ra khỏi, ngồi lên, chân gác trên mặt bàn nghĩ ngợi. Anh nhớ lại lời người đối thoại với anh lúc nãy. Những sự hăng say của người bạn và lời nhận xét về anh.

— Đạo này mày có vẻ chán đời !

Văn không trả lời. Anh chán đời ! Sự chiến đấu hăng say của những người dân trong xã; của những đứa học trò, tất cả là một nguồn sống kích thích. Những người đó, như anh, đang bám vào sự sống, đang cần vào sự sống. Anh tin rằng anh đã nhìn thấy thằng học trò, lách đạp chiếc xe trên quãng đường hơn 10 cây số để tới nhà trường, trên chuyến xe đưa anh về xã, thì chán đời chính là một thái độ lừa dối mọi người và cả chính mình. Bóng dáng của thằng học trò gò lưng đạp đề dờ sức gió cản, hình ảnh của nắm cơm nó mang theo khi học thêm vào buổi sáng, khiến mỗi khi nhìn vào đời dạy học của anh, anh thấy mình còn quá nhiều ưu đãi. Những kẻ được ưu đãi mà còn chán đời. Văn mỉm cười nhẹ một mình. Anh nhắc tờ giấy vừa ghi chép, gấp làm bốn, bỏ vào túi. Anh ngồi ngay ngắn lại trên mặt ghế, cầm bút viết thư trả lời cho người bạn.

Văn viết xong lá thư. Anh nhìn đồng hồ. 12 giờ rưỡi đêm. Văn mở cửa sổ. Ngoài trời sương xuống nhiều hơn. Những cây anh-đào đã tàn mùa nở hoa, tro tro ở khoảng ánh sáng của mấy ngọn đèn ống nhột nhột. Tất cả không gian yên tĩnh. Nhưng trong đó hình như vạn vật đang rung động. Những hàng cây và không gian đó cho anh cảm giác khác hẳn cảm giác ở dọc đường. Sự mờ mịt của cảnh vật khiến anh thông cảm được với điều hăng say của người bạn muốn anh giữ chức ủy viên báo chí.

Con đường từ nãy anh đi qua, cũng chỉ có cây cỏ như hầu hết các cây cỏ khác trên cao nguyên. Nhưng sự bình thản quả thật khác xa những sự bất an. Sự bất an ở dọc đường. Sự bất an của những đêm khuya, anh nghe thấy tiếng súng nổ rền trời cách nơi anh chừng hai cây số. Khu vườn anh-đào thơ mộng này không có sự thoi thóp. Không có những tiếp tục cần thiết của một cố gắng trong nản buồn, đau khổ. Trong giờ này dân xã, chắc đã ngủ say không suy nghĩ, nhưng 4 giờ sáng mai, 99%. bọn học trò của anh sẽ trở dậy, gánh hơn trăm gánh nước đổ xuống mảnh đất thân yêu của gia đình chúng, khi những ngôi sao còn ướt sương, trước khi tới nhà trường vào khoảng 8 giờ sáng để học thêm hai giờ. anh-văn, mà bọn học trò trong thành phố thường bỏ như cơm bữa.

Văn không đóng góp vào sự chiến đấu ấy. Nhưng anh nhìn thấy. Và anh có nỗi bất an như họ khi mà anh sống ở một nơi bất thành lĩnh lửa đạn có thể tràn tới.

Văn nghĩ lại thái độ dửng dưng của mình đối với người bạn. Anh thấy hài lòng với thái độ ấy. Anh khép cửa lại, chắc chắn như một quyết định. Văn lên giường nằm, anh tắt đèn. Bóng đêm tràn lan. Văn nghĩ mình có lẽ còn thao thức, nhưng mệt quá, Văn thiếp đi lúc nào không hay...

(còn tiếp một kỳ)

TRẦN ĐẠI

(Trích : Giữa hai vùng đất)

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

NGOÀI NƯỚC

Văn minh tức phá hoại

Theo Jean Dorst, loài người sắp nguy đến nơi. Giáo sư J. Dorst không phải là kẻ hay bi quan, rầu rĩ. Ông cẩn thận, mực thước, tiến hành một cuộc nghiên cứu khách quan, sưu tầm các tài liệu, các con số, đối chiếu, tính toán, rồi tuyên bố rằng 600 năm nữa trên mặt đất không còn đủ chỗ cho người ta ngã lưng mỗi lúc mỗi mệt. Lúc bấy giờ, muốn có chỗ nằm phải có cơ quan chuyên môn sắp xếp, nghĩa là phân chia mỗi nhóm người ra thành nhiều «kíp», kíp này nằm nghỉ ít lâu, lại phải đứng lên nhường chỗ cho kíp khác nằm.

Về chỗ nghỉ thì như thế. Còn về cái ăn, thì tình thế khẩn trương hơn. Chỉ cần tới năm 2.000, nghĩa là chưa đầy 40 năm nữa thì nhân loại sẽ đông 6 hay 7 tỷ: chừng đó tài nguyên trên đất sẽ không đủ cung ứng cho nhu cầu loài người nữa. Ba mươi bốn năm nữa, đâu có xa xôi gì : may ra đàn con chúng ta vừa đứng tuổi, và cháu nội chúng vừa trưởng thành. Hỡi đàn cháu khốn khổ của «thế hệ năm nay» ơi ! các cháu hãy chuẩn bị ra đời với lời nguyện rửa của người da trắng sẵn sàng trên môi. Bởi vì người da trắng, đó đích thị là thủ phạm chánh trong vụ tiêu hủy tài nguyên bấy lâu.

Thực vậy, trong cuốn *Avant que nature meure*, J. Dorst tố cáo rằng người da trắng, bất cứ họ đi tới đâu, Châu Mỹ, Châu Á, hay Châu Phi, họ đều phá rừng phá núi, giết hại muôn thú, làm cho đất đai cạn màu mỡ... Nền văn minh của họ có ý nghĩa một cuộc tấn công thiên nhiên. Đối với thiên nhiên, nền văn minh của người da trắng là một cuộc phá hoại.

Vậy phải làm thế nào bây giờ ? — Giáo sư J. Dorst vui vẻ chỉ bảo một phương pháp cứu thế hãy bớt đẻ người, hãy để cho thú vật đẻ nhiều hơn, cây

cổ sinh sôi nhiều hơn lên. Nghĩa là cố gắng tái lập thể quân bình giữa người và tạo vật, thể quân bình sắp đổ vỡ vì nền tảng văn minh tích cực của người da trắng.

Chúng ta có thể tưởng tượng khi xã-hội đã sống theo chiều hướng văn minh do giáo sư J. Dorst phác họa, chắc hẳn có nhiều kẻ lễ bái cầu nguyện cho con heo nái nhà mình được mẹ tròn con vuông, trái lại mỗi khi gia đình nào có đứa con ra chào đời thì người gia trưởng phải thối một tiếng tù và thật ai oán náo nùng (như tiếng tù và của hiệp sĩ Roland ở thung lũng Roncevaux chẳng hạn) cho xóm làng cùng biết tin buồn.

Văn chương Nga Sô dưới con mắt người Nga

Vài năm gần đây có nhiều phái đoàn văn nghệ sĩ Nga được phái ra ngoại quốc nhất là phía Tây phương. Họ diễn thuyết, ngâm thơ, làm rùm beng, khiến dư luận Âu Mỹ chú ý tới văn nghệ Nga sô, tưởng chừng đang có gì lạ xảy ra ở đấy.

Thế mà, trong lúc ấy, chính người Nga họ đang buồn về tình trạng văn chương của họ. Trong bản tham luận đọc tại đại hội đảng Cộng sản lần thứ XXIII vừa rồi. M. Cholokhov công nhận rằng mấy năm nay không có tác phẩm nào xuất sắc ra đời. Mặt khác, tin từ Mạc-tư-khoa loan đi vừa cho biết năm nay giải Lénine lại không có phần thưởng nào dành cho văn chương. Khoa học có : điện ảnh : có, sân khấu, có v.v... Mà văn chương thì không. Năm nay không, năm ngoái cũng không. Hai năm liền không có một văn nghệ sĩ nào xứng đáng !

Một ý kiến của G. Duhamel

G. Duhaueel vừa mất, giới văn học Pháp thương xót, nhắc nhở những kỷ niệm về ông. M. Blancpain kể rằng hồi thể chiến thứ hai, khi Đức sắp thua, Pháp gượng dậy thu hồi chủ quyền thì G. Duhamel vội chạy ngược chạy xuôi, can thiệp với cơ quan này cơ quan nọ, lo cho sách Pháp được gửi đi truyền bá ở nước ngoài. Bởi vì trong những năm bị Đức chiếm đóng, tiếng nói của giới văn hóa Pháp bị bùng bít, thế giới không nghe thấy tiếng nói của người Pháp. Trong cơn sốt sắng, G. Duhamel bảo rằng : « Tôi chỉ yên lòng khi nào được người ta cho biết rằng một phần năm hay một phần tư coi tác phẩm xuất bản của chúng ta được ngoại quốc đọc ngay trên nguyên-tắc ».

Tiêu chuẩn đó thế mà rồi cũng đạt được. Mùa xuân năm 1951, nước Pháp đã

xuất bản 4 triệu ki lô sách, tức một phần tư tác phẩm xuất bản, Duhamel chết « yên lòng »

Nhưng câu chuyện của văn hào Pháp nọ nhắc chúng ta nghĩ đến những vấn đề của chúng ta. Ở xứ ta đã có ai lo chuyện biến cuốn sách Việt ra nước ngoài chưa nhỉ Văn sĩ ? Nhà xuất bản ? Nhà nước ?

Cái lo của văn sĩ bắt quá là thể hiện bằng câu tuyên bố như G. Duhaueel vậy thôi, chứ ăn thì họ đâu có nhúng tay vào việc. Nhưng còn nhà nước với giới kinh doanh văn hóa, tại sao mà vẫn bình chân như vại, trong khi ngay đến đồng bào Việt Nam ở hải ngoại cũng kêu trời vì không thể mua được sách Việt để đọc ?

Văn hóa của người đã như ngọn đèn sáng, còn được có kẻ đặt kích phản xạ cho chiếu đi xa; văn hóa của mình đã như đèn mờ, lại còn được chụp cho cái chao đèn dễ mờ thêm, thành ra đèn chong bên giường ngủ.

Trung cộng, một con cừu

« Trung cộng mà xâm lăng, mà tiến triển ư ? Không có đâu ! Không có ai biết rõ Trung cộng bằng tôi : Bố tôi là người Tàu mà; tôi về thăm nước Tàu luôn. Tôi hiểu hơn ai hết, rằng nước Tàu ngoan lắm, ngoan hết sức. Nước Tàu có muốn đánh ai bao giờ đâu, nó chỉ bị người ta xúm lại ăn hiếp nó thôi. Ý kiến tôi xác đáng lắm. nói ra ai nghe cũng chịu là phải, chỉ có tụi ở Ngũ giác đài là không chịu nghe. Nhưng tụi đó là một lũ ngu ngốc, một lũ điên. »

Đại khái đó là những điều mà Hán Suyin đã nói với Gilles Lapouge ở Pháp vừa rồi.

Hán Suyin là tác giả cuốn **Multiple Splendeur** nổi tiếng, bản tiếng Pháp đã được bán trong loại Livre de poche ở Sài Gòn từ lâu. Bà là con một người cha Trung hoa, một người mẹ Bỉ. Người chồng thứ nhất của bà là một tướng lãnh của Tưởng-Giới Thạch. Chồng mất đi bà yêu một ký giả người Anh, người này lại chết trong trận chiến tranh ở Triều tiên (**Multiple Splendeur** là mối tình giữa bà với người thanh niên Anh này). Sau đó bà lấy chồng người Ấn-độ. Các tác phẩm trước của bà là truyện tình, nhưng cuốn vừa rồi (**L'arbre blessé**) là một tác phẩm chính-trị bênh vực Trung cộng.

Định mệnh đã khéo ghép Hán Suyin với một ông chồng Ấn Độ để ông này được nghe giải thích về đức tính hiền lành ngoan ngoãn của Trung cộng.

Ông Tư bà Nguyệt thỉnh thoảng cũng biết đùa một phát.

TRONG NƯỚC

Thời kỳ của phóng sự.

Hội đồng báo chí Việt nam năm nay có tổ chức hai loại giải thưởng : giải « Gia đình báo » gồm hai phần thưởng dành cho các báo X có bài đặc-biệt về 100 năm báo chí và giải Nguyễn văn Vinh gồm có ba phần thưởng dành cho các ký giả.

Năm nay ba ký giả Chàng Phi, Cao Đắc Bửu và Dzoãn đoạt ba giải Nguyễn Văn Vinh, với ba thiên phóng sự : hai về cuộc sống đô thành, một về chiến tranh.

Đây là một sự kiện tưởng rất đáng lưu lý.

Trong một thời kỳ có nhiều biến chuyển trọng đại như thời kỳ mà chúng ta đang sống, sự ghi chép cấp tốc thật là cần thiết. Cần ghi thật nhiều, thật nhanh, thật hay, cần xông vào khắp các lãnh vực sinh hoạt của dân tộc, ghi lấy mọi sắc thái đặc biệt mà chớp nhoáng, có đây, rồi mất đây, ghi lấy những cảnh bi đát cũng như hào hùng mà dân tộc đang trải qua. Phóng sự là bộ môn văn nghệ thích hợp vào lúc này. Thời sự Việt Nam đã giúp cho bao nhiêu là ký giả, nhiếp ảnh gia ngoại quốc đoạt nhiều giải thưởng, lẽ nào giới văn nghệ trong nước không khai thác được gì ?

Giải Văn chương toàn quốc, đặt ra từ thời bình, đã không dành cho phóng sự một sự quan tâm nào. Sáng kiến của Hội-đồng báo chí năm nay rất hợp thời. Lẽ dĩ nhiên kết quả của nó sau này sẽ ra sao còn tùy thuộc một phần lớn nơi cách làm việc của ban tuyển trạch. Nhưng cứ nghĩ đến cái việc mười năm Tây đánh giặc trước đây (1945 — 1954) không có thiên phóng sự chiến tranh nào xuất sắc do người Việt viết ra, mà bây giờ ta có những tác giả viết phóng sự có giá trị thế đã là thích rồi.

Chủ bút tuần báo Quạt Khởi bị đâm trọng thương

Sau Từ Chung bị hạ sát, Chu Tử bị bắn, nay lại đến Hà Thế Ruyệt, chủ bút tuần báo Quạt Khởi bị đâm và đánh trọng thương trước Viện Hóa Đạo tối hôm 7-5-66 hồi 21 giờ 30, trong lúc các Sinh Viên trong nhóm Quạt Khởi đương bán báo tại đó.

Làng báo Việt Nam trong 4, 5 tháng nay quả thiệt đã gặp nhiều tai nạn.

5
TRẦN THIÊN

K.D số 1125 / BTCL / ngày 13-5-66

Sáng Lập : HUỖNH-VĂN-LANG. Chủ Nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU